

BÁCH KHOA

SỐ 33 — NGÀY 15-5-1958

Trong số này :

HUỖNH-VĂN-LANG	Một chính sách tổng quát.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Chế độ Dân chủ mác-xít.
TRẦN-HÔNG-HƯNG	Nhân ngày giỗ Tỏ.
PHAN-KHOANG	Dự luận và Thanh Nghị.
NGUYỄN-THIẾU-LÂU	Mấy sử liệu về sự khàn hoang đồng bằng Nam-Việt.
VÔ-PHIẾN	Đông Tây hai ngả.
NGUYỄN-HỮU-NGU	Huỳnh-thúc-Kháng một ông già đáng thương.
THÁI-VĂN-KIỆM	Người Mỹ đầu tiên tới Việt-Nam.
NGUYỄN-HUY-KHÁNH	Lược đàm truyền Thủy-Hử (tiếp theo).
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Thomas Alva Edison (tiếp theo).
ĐỖ-TÂN	Những giống hoa đại lộ (thơ).
VŨ-HẠNH	Miếng thịt vịt (truyện ngắn).
VŨ-QUỲNH-BANG	Tâm tư (thơ).
KIỀU-YIẾU (dịch)	Bạch-Thư-Luyện (liều Trai Chí Đệ).
Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI	Xuân Vọng (thơ).
VI-HUYỄN-ĐẮC (dịch)	Khởi lửa kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cũ*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lão-Mạnh-Tru*"
— Rượu Tàu "*Tích-Thọ-Tru*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

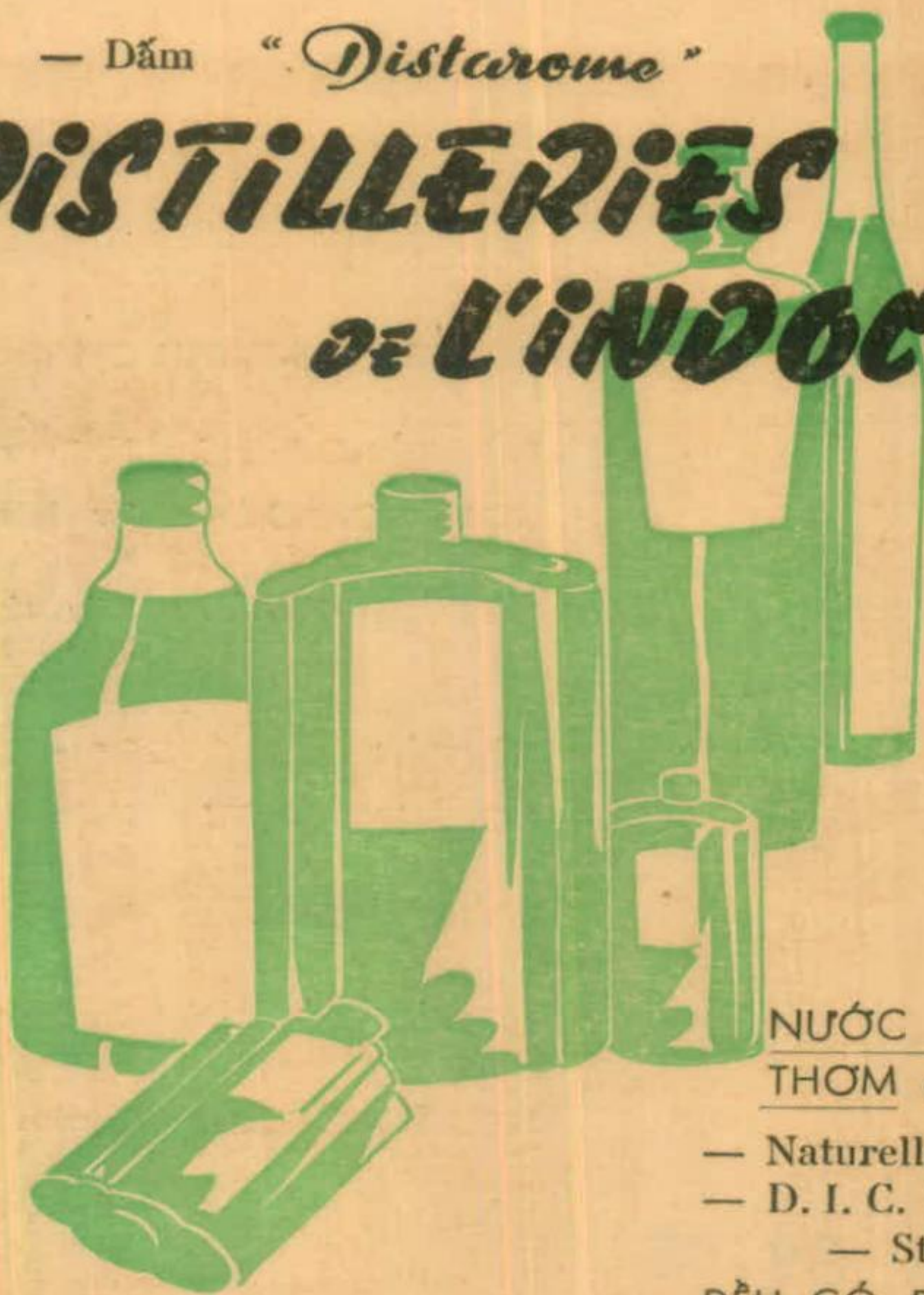
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

Distilleries

de L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

Đi PARIS bằng phi-cơ « SUPER G »



SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THANH-LONG")

cất cánh 18 giờ 15 mỗi thứ hai

SAIGON HONG-KONG

bằng DC.4 VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

cất cánh 7 g 30
về tới Saigon 19 g 30

} mỗi thứ tư

SAIGON HONG-KONG : mỗi Chúa nhật và thứ Năm

HONG-KONG SAIGON : mỗi thứ Hai và thứ Sáu

(chung với AIR-FRANCE bằng SUPER-CONSTELLATION)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25 26

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE

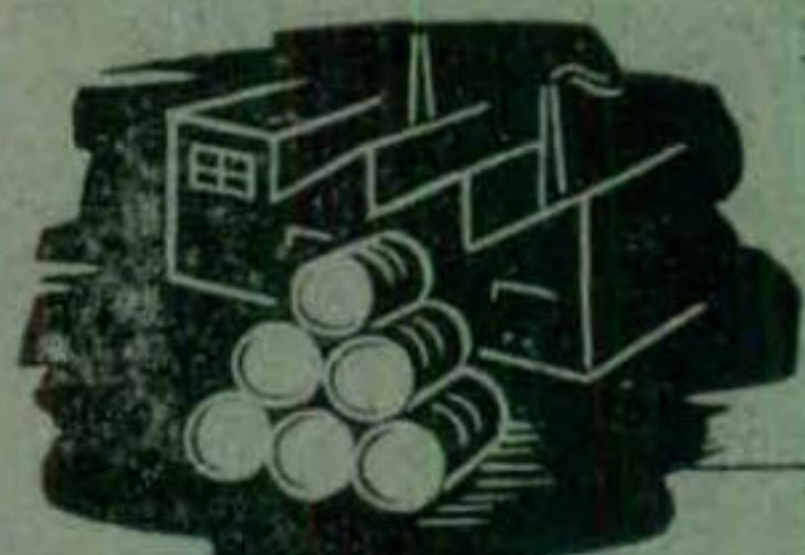




Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

*xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.*



Chất để pha trộn,
Acétone, glycéline, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

**Société Indochinoise de Documentations
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. O.)

Agents des Fabriques:

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités:

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

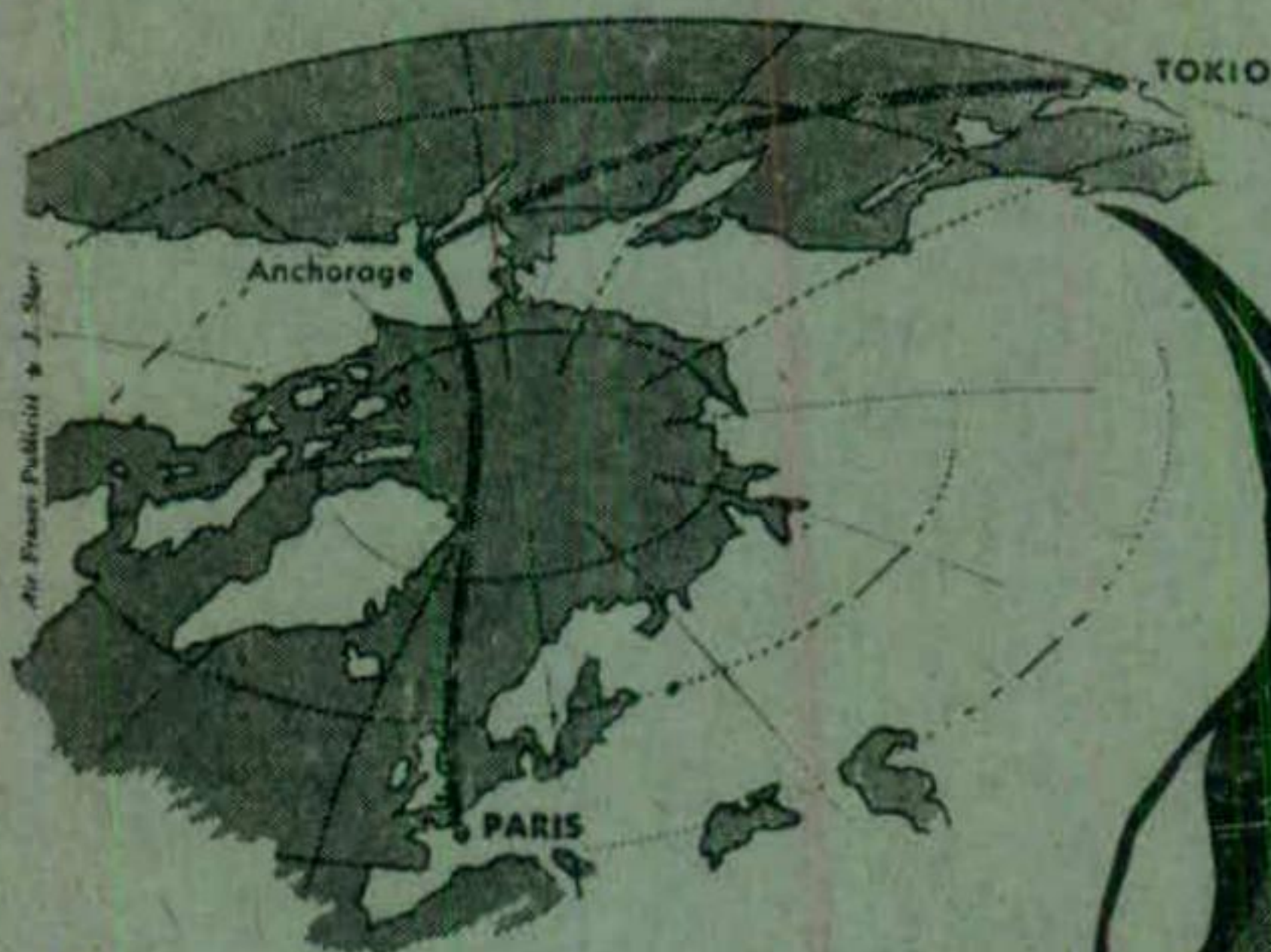
18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. O.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON



TOKIO-Paris par le pôle...

Air France inaugure au mois d'Avril la ligne la plus rapide au départ d'Europe à destination du Japon.

TOKIO-PARIS EN MOINS DE 30 H. DE VOL.

C'est grâce au fameux Superstarliner, l'appareil commercial au plus long rayon d'action du monde qu'Air France va pouvoir relier Tokio à Paris avec une seule escale à Anchorage (Alaska).

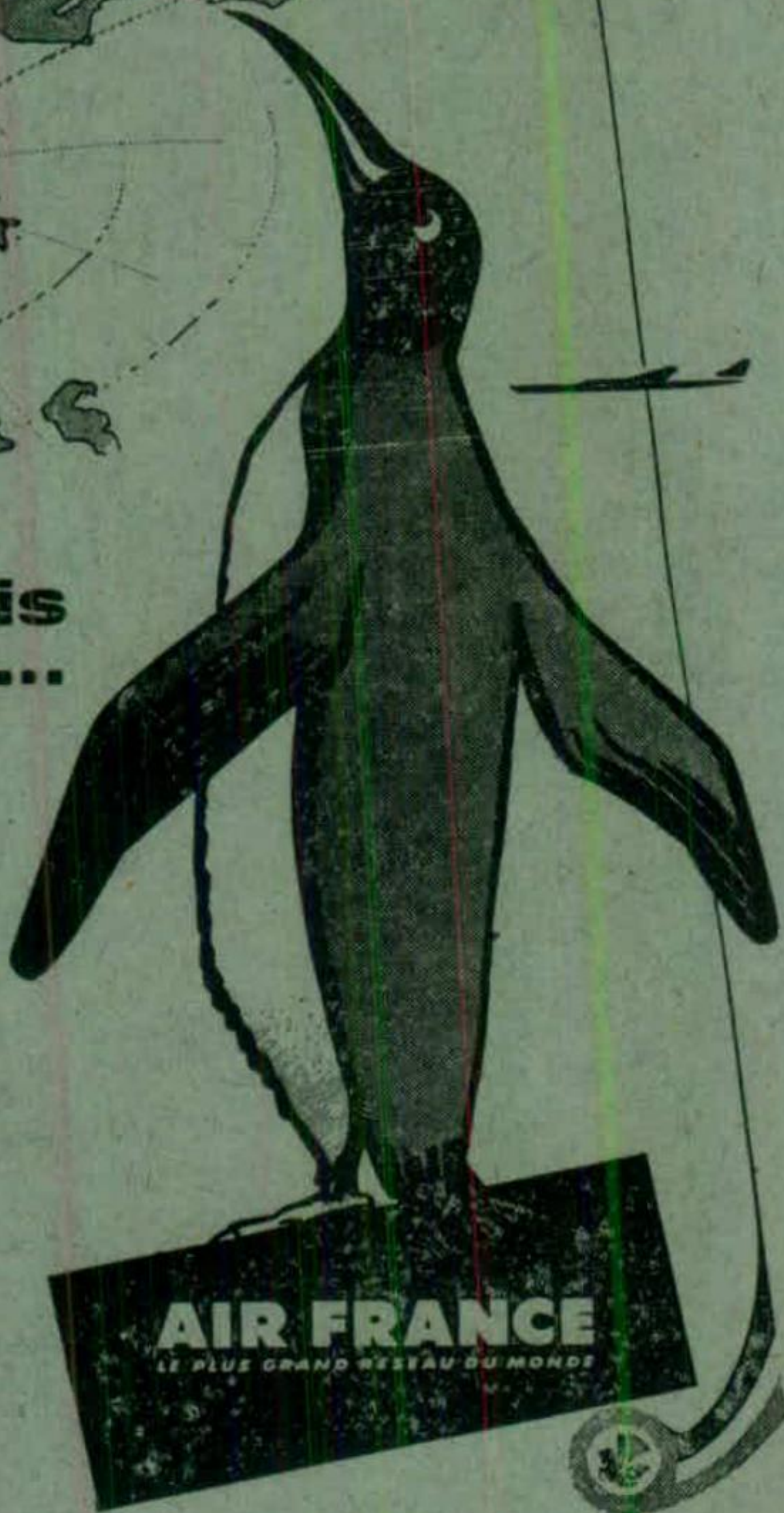
PAR LA ROUTE DES AUBORES BORÉALES.

La route polaire Air France traverse la zone calme où s'éploient les aurores boréales. Sereine, elle survole les territoires du grand nord jalonnés de nombreux aérodrômes.

AU DEPART DE SAIGON. Air France offre désormais à ses passagers à destination de Paris le choix entre la route polaire et celle des Indes et de la Birmanie.

Trois vols par semaine mettent TOKIO à 12 heures de SAIGON.

Lundi via Hongkong
Mercredi via Manille
Vendredi via Manille.



SAIGON, 12 B^d THONG-NHUT — Tel : 20.981 à 20.984
ET TOUTES AGENCES DE VOYAGES AGRÉÉES



BÁCH-KHOA

Số 33 — Ngày 15-5-1958

HUỖNH-VĂN-LANG	Một chánh sách tổng quát.
HOÀNG-MINH-TUỖNH	Chế độ Dân chủ mác-xít.
TRẦN-HỒNG-HÙNG	Nhân ngày giỗ Tổ.
PHAN-KHOANG	Dư luận và Thanh Nghị.
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	Mấy sử liệu về sự khần hoang đồng bằng Nam-Việt.
VÕ-PHIỄN	Đông Tây hai ngả.
NGUYỄN-HỮU-NGU	Huỳnh-thúc-Kháng một ông già đáng thương.
THÁI-VĂN-KIỀM	Người Mỹ đầu tiên tới Việt- Nam.
NGUYỄN-HUY-KHÁNH	Lược đàm truyện Thủy - Hử (tiếp theo).
NGUYỄN-HIÊN-LÊ	Thomas Alva Edison (tiếp theo).
ĐỖ-TẤN	Những giòg hoa đại lộ (thơ).
VŨ-HẠNH	Miếng thịt vịt (truyện ngắn).
VŨ-QUỖNH-BANG	Tâm Tư (thơ).
KIỀU-YIÊU (dịch)	Bách-Thu-Luyện (Liêu Trai Chi Dị).
Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI	Xuân Vọng (thơ dịch).
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	Khói lửa kinh thành.

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

X X X

HOÀNG-MINH-TUYNH

TRỰC-ĐỊNH

PHAN-KHOANG

NGUYỄN-VĂN-HÀM

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

NGUYỄN-NÔNG-ĐÀI

PHAN-SƠN-VŨ

NGUYỄN-VĂN-XUNG

NGUYỄN-NGU-Í

PHẠM-HOÀN-MĨ

VŨ-HẠNH

LƯU-NGUYỄN Đ.T.T.

KIỀU-YIÊU

: *Nhìn qua tổ chức lãnh đạo tiền tệ của Đức.*

: *Chế độ dân chủ mác-xít (tiếp theo).*

: *Bão tố trên lục địa Trung-Hoa.*

: *Chế độ Phong kiến.*

: *Nếp sống Đông-Phương.*

: *Trương Phúc Giáo và sự mở mang tỉnh Hà-tiên.*

: *Đại-học và Cao-đẳng.*

: *Vấn đề báo chí tại Hoa-kỳ.*

: *Tình yêu Thiên-nhiên trong ca-đao Việt-Nam.*

: *Triều-Sơn, một người trai dám sống.*

: *18 vị vua dựng nước ta là Lạc-vương hay Hùng-vương ?*

: *Một chuyến xe.*

: *« Nhân cái án mấy văn nghệ sĩ ở miền Bắc nước Việt ».*

: *Những truyện liêu trai chưa từng dịch.*

BÁCH-KHOA SỐ 1 đã được in lại

Đáp lại lòng tin yêu của các bạn đọc thân mến thường ngỡ ý muốn có trọn bộ Bách-Khoa từ số 1 đến số mới, Tòa-soạn Bách-Khoa đã bắt đầu cho in lại số 1, và sẽ tiếp tục cho in lại dần dần các số sau mà Tòa-soạn đã hết hoặc còn rất ít.

Vậy những bạn nào hiện thiếu số 1 hay các số sau, xin liên lạc ngay với Tòa-soạn Bách-Khoa (hộp thư số 339) để tập Bách-Khoa của bạn chóng được đầy đủ mọi số.

GÓP Ý KIẾN VỚI TUẦN SAN

PHÒNG THƯƠNG MẠI SAIGON, CHÚNG TÔI ĐỀ NGHỊ:

MỘT CHÁNH SÁCH TỔNG QUÁT

HUỲNH-VĂN-LANG

TUẦN san Phòng Thương Mãi Saigon, số 45, xuất bản ngày 25.4.58 có nêu lên vấn đề « Tìm lối thoát cho hiện tình kinh tế nước nhà » và đề nghị Quốc Hội ghi vấn đề kinh tế vào chương trình nghị sự khóa hiện tại. Bách-Khoa hoàn toàn tán thành đề nghị trên đây, vì nhận thấy nếu Quốc Hội chấp thuận sẽ có nhiều cái lợi: Trước hết Quốc Hội tỏ ra đã quan tâm đến một vấn đề có thể coi như khẩn cấp nhất trong lúc này và vì tính chất trọng đại của nó nên cần được thảo luận rộng rãi và dân chủ, sau nữa, xã hội mình ví như đang đau, thì nhân dịp này ít ra Quốc Hội cũng tìm hiểu được là đau bệnh gì, ở đâu, nhất là chứng bệnh đó hiện đang làm biết bao phần tử của xã hội rên xiết, kể nhiều người ít. Hơn nữa, các vị đại biểu của dân có cơ hội để chứng tỏ là, nếu chưa tranh đấu để đem lại cho những người mình đại diện được lợi ích gì thiết thực, thì ít ra cũng thấu đáo được lòng mong

MỘT CHÁNH SÁCH TỔNG QUÁT

ước, tiếng kêu than của dân, mà lựa lời khuyến khích, an ủi, hợp với nhân đạo và thỏa được lòng từ bi bác ái của các vị dân biểu. Sau hết mổ sẻ, phân tích được vấn đề kinh tế tức là giúp đỡ chính quyền quy định được căn bệnh, rồi biết đâu lại chẳng tìm ra được phương thuốc hiệu nghiệm mà cứu chữa, tức là tìm được lối thoát cho hiện tình kinh tế nước nhà.

Bởi vậy mặc dầu Bách-Khoa xưa nay nặng về khảo luận và sáng tác, nhưng trong tình trạng nghiêm trọng này, cũng mạnh dạn lên tiếng ủng hộ đề nghị của Tuần san Phòng Thương Mãi mà yêu cầu Quốc Hội thảo luận vấn đề kinh tế gấp rút ngay trong khóa này.

Thảo luận, mổ sẻ, thì báo chí ở đây đã làm từ lâu, thống kê đã nhiều, mà biên bản của các ủy ban cũng lắm, nên tài liệu mà Quốc Hội cần đến ngay có thể nói là đầy đủ, chỉ e rằng các vị dân biểu không đủ thời giờ mà nghiên cứu, không đủ hào hứng mà thảo luận thôi. Chúng tôi thiết nghĩ muốn cho sự mổ sẻ đưa đến những kết luận thực tế thì trước hết chúng ta phải định được căn bệnh, sau đó ta mới tìm phương thể cứu chữa.

Thực ra bệnh trạng, ai cũng rõ lắm rồi, không cần phải mất thì giờ tìm tòi mới quy định được. Còn gì mà không rõ nữa khi mà Anh, tôi, hay người kẻ cận đương thất nghiệp, khi mà anh mắc nợ, khi mà người mắc nợ anh cũng không trả được, khi mà chung quanh anh người ta không còn phần khởi hoạt động vui vẻ nữa, khi mà lời ta than ải cả giọng tán thành, khi mà trộm cướp xảy ra nhiều, khi mà phần đông người ta, ai cũng lo giảm bớt tiêu pha, không phải đề đầu tư mà là đề đề phòng, vì bất cứ người nào cũng đều e ngại cái ngày mai bất trắc.

Bệnh trạng, muốn biết, thì chỉ cần quan sát là rõ ngay, không cần xem xét lâu dài, nhưng muốn tìm được căn bệnh, không phải là dễ, vì có khi nó rõ ràng ai ai cũng thấy, có khi nó ần náu, tiềm tàng, khó lòng nhận rõ, nên muốn khảo sát, cần phải nghiên cứu phân tích, suy nghiệm, kỹ càng.

Về cuộc khủng hoảng hiện nay, chúng tôi thiết tưởng căn nguyên sâu xa trước nhất là căn nguyên kinh tế ;

— Mười lăm năm giặc giã đã tàn phá sự sản xuất và những cơ sở sản xuất ở Việt-Nam rất nhiều đã cấu tạo cho nước ta một nền kinh tế giặc, sống nhờ quân đội viễn chinh nên khi quân đội viễn chinh ra đi lại phải sống nhờ ngoại viện.

— Sự biến chuyển một kinh tế giặc ra kinh tế hòa bình, biến chuyển kinh tế thuộc địa ra kinh tế độc lập, kinh tế dựa trên thương mại qua kinh tế dựa trên sản xuất không phải là dễ dàng và cũng không phải trong một thời gian ngắn có thể thực hiện nổi.

Ngoài những căn nguyên kinh tế còn có những căn nguyên hành chánh :

Từ năm 1948 đến năm 1956, Bộ Kinh tế đáng lẽ phải là một bộ hết sức quan hệ, nhưng vì hoàn cảnh đặc biệt, nên trước kia cái gì là kinh tế thì đã có mẩu quốc, và gần đây, vì nhiều yếu tố chính trị quá quan trọng, cho nên trong một thời gian khá lâu, Bộ Kinh tế dường như một khúc ruột dư : khi thì kể như là một Nha, khi thì như một Bộ, rồi lúc gần Bộ này qua Bộ khác, có khi hợp với Bộ Công chánh, có khi nhập với Bộ Tài chánh, cho tới gần đây, Bộ ấy mới có hình thức là một Bộ riêng biệt, xứng với địa vị quan trọng của nó. Bởi vậy dù người đảm đương trách nhiệm có thiện chí đến đâu chăng nữa, cũng phải mất rất nhiều thời giờ mới đặt được cơ sở vững vàng cho một Bộ, rồi lại lo cải tiến cho mỗi ngày một hoàn bị thêm.

Nói tóm lại là trong một thời gian ngắn, không thể có một cơ quan nào đảm đương cho toàn thiện một trọng trách quá to lớn, nhất là cơ quan đó lại bị bỏ qua nhiều năm trước đây rồi, thì tới lúc lâm hoàn cảnh nguy hiểm ngày nay, làm thế nào có sẵn đủ phương tiện, đủ tài liệu, đủ người mà chỉ phối được thời vận. Cho nên dù sao chúng ta phải công nhận rằng Bộ Kinh Tế cũng như các Bộ hay cơ quan khác mới được giao trả lại, lúc đầu tất nhiên dè dặt bỡ ngỡ như người tập sự, khi muốn cái này, lúc thử cái kia, có khi không liên lạc với nhau cho lắm nếu không phải là mâu thuẫn, có khi muốn một việc quá phương tiện của mình, hay vượt tài liệu thống kê sẵn có ; có khi một vấn đề được đặt ra quá mới mẻ, không thể quyết định nhanh chóng được, vì còn phải mất thì giờ nghiên cứu v.v... Do đó chúng tôi không bao giờ có ý chỉ trích riêng một cơ quan mà trái lại chỉ muốn nêu ra ít nhiều nhận xét, với lòng cảm phục sự cố gắng và thiện chí của một cơ quan có thể nói là tối quan hệ trong nước. Hơn nữa, nếu nhận xét trên đây có sai, thì chính sự phân chia trách nhiệm cho Bộ Kinh tế đã không được rõ ràng, có cái dư có cái thiếu, nhưng có lẽ thiếu nhiều hơn dư. Cái thiếu trước nhất có thể tha thứ tất cả

MỘT CHÁNH SÁCH TỔNG QUÁT

những cái gì Bộ Kinh tế không làm được, là sự ảnh hưởng hiệu nghiệm của Bộ Kinh tế trên các chánh sách khác, mà đáng lý ra phải phối hợp với Bộ Kinh tế ít nhiều; chúng tôi muốn nói đến sự thiếu hợp tác giữa Kinh tế với Tài chánh, tiền tệ và các ngành khác như Ngân sách, Ngoại viện, Công Chánh v.v...

Cái thiếu quan trọng nữa, mà cũng là căn bản, làm cho bình tình Quốc gia càng thêm nguy ngập là một chánh sách kinh tế tổng quát chưa được quy định rõ ràng. Ngày nào chưa có một chánh sách tổng quát chi phối các chánh sách khác thì vẫn có nạn trống đánh xuôi kèn thổi ngược, làm phung phí thì giờ, nghị lực và tài nguyên. Muốn chứng minh điều này, chúng ta chỉ cần xem những quyết định của Bộ này, so sánh với những quyết định của Bộ kia thì sẽ thấy những quyết định ấy, nếu không mâu thuẫn nhau, thì ít ra nó cũng rời rạc không mật thiết liên quan với nhau trong một khuôn khổ chánh sách kinh tế tổng quát.



Để kết luận, chúng tôi đề nghị Quốc hội sau khi đặt vấn đề kinh tế vào chương trình nghị sự, thì chỉ nên thảo luận về đại cương, nghĩa là về chánh sách tổng quát kinh tế, có thể ví như chỉ nên đi sâu vào căn nguyên một bệnh mà tìm phương thể cứu chữa thôi. Cái đáng e ngại nhất là thay vì phải thảo luận về đường lối phải đi, đôi khi chúng ta hay lạc vào chi tiết như: nhập cảng, vấn đề thất nghiệp v.v... là các kết quả đương nhiên của những biện pháp kinh tế được áp dụng trong thời kỳ thiếu sự hướng dẫn của một chánh sách tổng quát. Đáng e ngại thêm nữa là cái tật chúng ta thường mắc phải: tật tìm người trách nhiệm. Suy cho cùng thì tất cả mọi ngành, mọi người đều có trách nhiệm hết thảy, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, kể ít người nhiều.

Tóm lại, mở sẽ phân tách để rút kinh nghiệm, để tìm nguyên nhân các thắng lợi hay thất bại, nguyên nhân các ưu điểm hay khuyết điểm, một khi thấy rõ căn nguyên tất có thể vạch được một chánh sách tổng quát, một đường lối chung, mà tất nhiên do đường lối đó kinh tế nước nhà sẽ thoát khỏi tình trạng bế tắc. Đó là đề nghị mà cũng là hy vọng khẩn thiết của Bách-khoa.

HUỲNH-VĂN-LANG

BÁCH KHOA XXXIII

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC - XÍT

NGUỒN GỐC LÝ TƯỞNG DÂN CHỦ MÁC-XÍT

Từ Rút-xô đến Mác

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

(tiếp theo)

2.— *Chủ nghĩa Dân chính (hay chủ nghĩa dân chủ quá khích).*

Trong cuộc cách mệnh tư sản Pháp, tư tưởng của Rút-xô đã ảnh hưởng tới các nhà cách mệnh thời ấy thế nào?

Tại nước Pháp, kể từ sau ngày 14-7-1789, trong quá trình cách mệnh dân chủ tư sản Pháp trải qua hai lần phục bích, nghĩa là khôi phục lại nền quân chủ, nên từ năm 1792, Hội nghị quốc dân tuyên bố Cộng-Hòa. Điều ấy chứng tỏ, ngay từ năm 1792, lý tưởng dân chủ chuyên chế và bình đẳng của Rút-xô đã thâm nhiễm vào trí óc của nhiều người đương thời và chính do đó mà phát sinh ra chủ nghĩa Dân chính, chủ nghĩa lấy nhân dân làm gốc và chủ trương chủ quyền quốc gia phải do đa số nhân dân nắm giữ.

Đối với một số người, chủ nghĩa Dân chính chỉ có tính chất chính trị,

chứ không có tính chất kinh tế; ngược lại, đối với một số người khác, chủ nghĩa Dân chính có tính chất kinh tế rõ rệt. Người nọ đi xa hơn người kia rất nhiều, nhưng có điều ai cũng công nhận: chủ nghĩa Dân chính không phải là một chủ nghĩa ôn hòa mà là một chủ nghĩa quá khích, người Trung-Hoa đã gọi là « *kịch liệt dân chủ chủ nghĩa* », như sẽ dẫn giải dưới đây.

A.— Năm 1793 và chế độ dân chủ chuyên chế.

Muốn nghiên cứu các tư tưởng cách mệnh tại nước Pháp từ năm 1793 đến năm 1794, ta cần phải xét trên hai bình diện: bình diện chính thể thực tế tại nước Pháp, nghĩa là chính thể do Hiến pháp lâm thời đặt ra làm phép căn bản cho chính thể cộng hòa trước khi có Hiến pháp chính thức; và bình diện chính thể do Hiến pháp của đảng Sơn-nhak

đặt ra (24 tháng 6 năm 1793) (1), tuy Hiến pháp này chỉ mới là Hiến pháp dự thảo chưa hề được chính thức ban hành.

Cả hai luồng tư tưởng cùng có những nét đại quan giống nhau và cùng đồng một quan niệm về chủ nghĩa dân chủ chuyên chế. Cả hai cùng chủ trương thay thế chủ quyền quốc dân bằng chủ quyền nhân dân, Quốc Hội nắm giữ cả quyền hành pháp lẫn quyền tư pháp và chỉ gồm một viện duy nhất. Tất cả những điều đó chứng tỏ hai luồng tư tưởng cùng quả quyết theo một quan niệm dân chủ là quan niệm dân chủ của Rút-xô vậy.

B. — Cách mệnh và tự do.

Từ sau năm 1789, ý tưởng của các nhà cách mệnh Pháp có đổi thay đi nhiều. Trước đó, người ta cứ tưởng một khi cuộc cách mệnh thành công là có thể phục hồi tức khắc được nhân quyền và thiết lập ngay được chính thể lập hiến. Song từ năm 1789, người ta đã rút được kinh nghiệm và thấy rằng, mặc dầu cách mệnh thành công, vẫn chưa sao dứt ngay được các cuộc âm mưu phản cách mệnh tại địa phương và có khi tại ngay Ba-lê nữa; hơn thế, chiến tranh vẫn cứ kéo dài và ai nấy đều có cảm giác chế độ dân chủ lý tưởng chưa thể nào thiết lập trong một xứ còn chứa đựng đầy dẫy tàn tích của chế độ cũ. (Ta không nên quên là thời Khủng bố cuộc Đại Cách mệnh Pháp giết hại nhiều người thuộc đệ tam giai cấp hơn trong hai giai cấp giáo đoàn và quý tộc).

Do đấy, từ năm 1793-1794, nảy sinh ra một quan niệm mà sau này Mác và Lê-nin

đã lấy lại đặt trên bình diện cuộc cách mệnh vô sản. Theo quan niệm đó thì một cuộc cách mệnh không phải là một chiếc gậy tiên, có năng lực thần tốc nhất đảo biến chế độ cũ thành một chế độ mới toàn thiện toàn mỹ, không còn có bất công và bất bình đẳng nữa. Cách mệnh chỉ là một « giai đoạn » ngắn dài tùy đấy, nhưng trong đó, bên phận đầu tiên của mỗi phần tử cách mệnh là phải đối đầu với kẻ thù bên trong và kẻ thù bên ngoài, và phải diệt trừ bệ lũ của chế độ đã bị lật đổ. Bởi vậy, một cuộc cách mệnh dân chủ có thể cần, trong một thời gian, thi hành chế độ chuyên chế, và trước khi thiết lập chế độ tự do, tôn trọng nhân quyền, cần phải có một thời kỳ không tôn trọng tự do và nhân quyền đối với những kẻ thù của dân tộc.

« Đề xây dựng và củng cố dân chủ giữa chúng ta, và đạt tới chế độ lập hiến hòa bình, cần phải kết liễu cuộc chiến tranh tự do chống áp bức và thoát khỏi các cơn bão tố trong thời cách mệnh : đó là mục đích của hệ thống cách mệnh các đồng chí đã tổ chức...

« Nếu động lực của chính phủ nhân dân trong thời bình là đạo đức thì động lực của chính phủ nhân dân trong thời cách

(1) Đảng Sơn-nhạc là cánh tả trong Hội nghị quốc dân hồi Đại Cách mệnh Pháp. Vì ở nghị trường, đảng ấy ngồi ghế cao hơn cả, nên mới gọi tên như thế. Marat, Danton, Robespierre đều là yếu nhân của đảng. Họ lấy Ba-Lê cách mệnh làm thế lực cơ sở. Năm 1793, họ nắm chính quyền. Năm 1794, đảng ấy phân liệt, rồi phần tử cánh tả thì hy sinh cho cách mệnh còn phần tử cánh hữu thì đầu hàng địch, tham gia vào những cuộc vận động phản cách mệnh. (Hán Việt Tân Từ Điển của Hoàng-thức-Trâm).

mệnh vừa là đạo đức, vừa là khủng bố. Thời khủng bố là thời thi hành công bình một cách mau lẹ, nghiêm ngặt, cứng rắn. Khủng bố là hậu quả của nguyên tắc dân chủ tổng quát, áp dụng vì nhu cầu cấp bách của Tò quốc.

« Chính phủ cách mệnh chủ trương tự do chuyên chính chống áp bức » (1)

« Các đồng chí muốn thiết lập một nước Cộng-hòa, nhưng nếu các đồng chí không đồng thời muốn cái cấu thành nên nó thì chính nó sẽ chôn nhân dân dưới sự đồ nát của nó. Mà cái cấu thành nên một nước Cộng-hòa, chính là sự phá hoại tận tuyệt những gì chống đối lại nó vậy ». (2)

Trong quan niệm trên, tự do là nền tảng cốt thiết của dân chủ. Tự do là mục tiêu cuối cùng phải đạt được. Tuy nhiên, trong những phương tiện phải dùng để đạt tới mục tiêu trên, có thể phải qua một giai đoạn chuyển tiếp và trong giai đoạn này, không thể tôn trọng tự do và không thể có tự do « cho kẻ thù của tự do ». Đó là tất cả sự biện biệt giữa chính thể cách mệnh và chính thể lập hiến, chính thể trên là điểm bó buộc phải đi qua để đạt tới chính thể dưới.

Trong tất cả những điều chúng tôi vừa diễn bày, độc giả có thể nhận thấy nhiều khía cạnh rất gần với tư tưởng Mác-Lênin và nếu đem những danh từ giai cấp đấu tranh và cách mệnh vô sản thay thế vào, ta sẽ có bản phác họa khá đầy đủ và rõ ràng về ý tưởng vô sản chuyên chính mặc dầu, và cố nhiên, còn có nhiều điểm khác cần được bổ khuyết và xác định lại.

C. — Nhân dân, quần chúng và đảng.

Trên một điểm khác nữa, ta thấy có nhiều dấu hiệu đáng chú ý. Chính phủ cách mệnh dựa vào nhân dân, vì muốn nhận mình là dân chủ. Song thật ra, nhân dân là ai ? Nhân dân chính là đám quần chúng qua lại trên đường phố đã từng tham gia vào những cuộc dấy loạn hay quấy rối, làm nghiêng ngửa tình thế trong nước Pháp bây giờ và đóng một vai trò quan trọng trong cách mệnh. Nhân dân là những kẻ mà bọn quý tộc thường gọi mỉa mai là lũ « không mặc quần đùi » (les sans culottes), nhân dân là những nhóm dân chủ, là công xã Ba-lê, là đội vệ quốc quân, là những phần tử trong giờ khắc quyết định đã nhân danh « nhân dân » gồm một thiểu số tích cực đi ngoài đường phố, bắt cả Hội nghị ước pháp phải công nhận mình ; nhân dân là tất cả những cơ quan do dân chúng tự động lập nên, như ủy ban cách mệnh phân khu, hiệp hội dân chúng, ủy ban kiểm sát v. v...

Chính do những sự kiện trên mà quan niệm « dân chủ trực tiếp » nảy sinh ; « dân chủ trực tiếp » không phải do toàn thể công dân hành sử mà do một thiểu số gan dạ và hoạt động nhất, thiểu số tiên phong trong mọi phong trào quốc gia, nhất là trong Quốc hội.

Đồng thời, các cuộc thanh trừng càng xúc tiến mạnh thì càng tập trung quyền hành vào tay các phần tử cách mệnh và rút cuộc vào tay đảng của Rô-bét-pi-e.

(1) Rô-bét-pi-e (Robespierre) Diễn văn ngày 7-2-1794.

(2) Sanh-Duyt (Saint-Just) Báo cáo nhân danh ủy ban cứu quốc ngày 26-2-1794.

Ý niệm « độc đảng » lần lần ăn sâu trong đầu óc mọi người và ai nấy đều coi « độc đảng » phát biểu được ý chí của nhân dân đúng hơn hết, kỳ dư các đảng phái khác chỉ đại diện những phần tử xấu xa và dốt nát cả.

Từ đây, ý niệm dân chủ cách mệnh khởi sự rẽ sang một khúc quanh khác và đi ngược lại với trào lưu dân chủ cổ điển.

D. — Chủ nghĩa Dân chính và chủ nghĩa Xã hội.

Chính thể Dân chính (hay dân chủ quá khích) thời cách mạng Pháp có tính chất một chính thể Xã hội chủ nghĩa chăng ? Vấn đề rất phức tạp, lời giải đáp rất nhiều và rất mâu thuẫn, chúng tôi rón thâu tóm ở dưới đây lời giải đáp mà chúng tôi tưởng là đúng hơn cả :

1 — Thật ra, chính ngay trong bản Tuyên ngôn dân quyền nước Pháp năm 1793, đã manh nha tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Bản Tuyên ngôn này công nhận, đối với một vài quyền, muốn thực hiện, nhà nước không thể chỉ ngăn cản người ta hành sử, mà trái lại, phải can thiệp một cách cụ thể, ví dụ như trong công cuộc cứu tế, công cuộc giáo dục, nếu nhà nước không chính mình đảm nhiệm lấy thì làm sao có thể thực hiện một cách hữu hiệu được.

Mâu sắc xã hội chủ nghĩa còn rõ rệt hơn trong chủ trương nhà nước phải can thiệp trong khu vực kinh tế hầu chống lại nạn sinh hoạt mất mỏ, (luật lệ tối đa) điều hòa việc tiếp tế lương

thực và vũ trang dân chúng. Đành rằng chủ trương chung có khi tiến, có khi lui, nhưng hẳn là không còn phải là chủ trương tự do tuyệt đối trong phạm vi kinh tế như trước nữa.

2 — Điều chắc chắn là chính những phần tử nổi danh nhất trong đám « không mặc quần đùi » đã khiến người ta gán cho các nguyên tắc cách mệnh một ý nghĩa xã hội chủ nghĩa hay cộng sản. Riêng về hay chữ bình đẳng, họ cho rằng « bình đẳng » thì phải bình đẳng cả trong phạm vi kinh tế. Nhất là trong đám vô sản thành thị phôi thai bấy giờ, đã thấy mọc mầm ý hướng muốn toàn bộ nội dung ý tưởng cách mệnh phải được thay thế và nhường chỗ cho cuộc cách mệnh kinh tế và xã hội.

Tiếp thêm, chính sự kiện sau đây đã làm cho ý hướng của đám vô sản trên càng thêm phần bành trướng và khốc liệt.

Nguyên là, với những phần tử ít nhiều ý thức vai trò vô sản thời bấy giờ, giai cấp tư sản tìm cách kết thúc cuộc liên minh tạm thời để giúp họ chống đỡ hữu phái. Nhưng trong khi đó, họ cũng không quên tìm cách chống lại chủ nghĩa xã hội, bởi họ vốn trung thành với chủ trương tự do kinh tế, và khi giai cấp của họ ngày một đông đảo, lớn lao, nhờ có những kẻ mua được tài sản quốc gia và những kẻ lợi dụng chiến tranh trở nên giàu có lớn gia nhập, họ liền quay chống trả lại các phần tử vô sản đã liên minh với họ và mở cuộc thanh trừng tả phái để tiêu diệt.

Các phần tử vô sản tự nhiên phản ứng lại và càng có ý hướng cuộc cách mệnh về xã hội chủ nghĩa.

3 — Chủ nghĩa Dân chính tuy cốt thiết là một chủ nghĩa tự do và tư sản, song cũng đôi khi chính nó đã truyền bá tư tưởng cách mệnh xã hội và tư tưởng này đã có thời cơ phát triển mạnh. Ba-bốp (Babeuf) một nhà cách mệnh Pháp từng đề xướng một thứ chủ nghĩa cộng sản, rất có ảnh hưởng thời bấy giờ, đã từng lên tiếng chủ trương « cuộc cách mạng phải kết thúc và hoàn thành bằng một cộng đồng tài sản và công tác ». Phong trào Ba-bốp tuy bị chấm dứt bằng máy

chém ngày 27 tháng 5 năm 1797, song chủ nghĩa của Ba-bốp đã làm cho nhiều phần tử có ý thức rõ rệt hơn về một thứ yêu sách của chế độ dân chủ. Về một phương diện nào, trào lưu dân chủ quả đã đi đến chủ trương của chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa cộng sản vậy.

(còn tiếp)

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

ĐÍNH CHÍNH

Bách-Khoa số 32 Bài **Chế độ dân chủ mất-xít** tr. 11, cột 1, dòng 11, xin đọc : Hob-xơ (Hobbes)

Danh ngôn, danh lý trong số này quy về ý chính :

NHIỆM VỤ CỦA MỖI NGƯỜI, KHI ĐÃ LÀ NGƯỜI

TỰ CHẾ, KHẮC KỶ

I. — CƯƠNG QUYẾT

★ Những điều xấu thiên hạ gán cho ta, làm cho tâm hồn ta vỡ ra và trở nên phì nhiêu, phong phú, cũng như lưỡi cày làm cho đất vỡ ra và trở nên phì nhiêu, phong phú vậy.

SHAKESPEARE

★ **TRƯỚC** khi nói, thử xét coi nín lặng có lợi hơn không đã.

★ **TA** chớ nói vấn đề này khó giải quyết vì dễ giải quyết thì đã không thành vấn đề.

FOCH

NHÂN NGÀY GIỖ TỔ:

MỪNG 10 THÁNG 3 ÂM DƯƠNG LỊCH

CÂY : CỘI ; NƯỚC : NGUỒN ; NGƯỜI : ?

TRẦN-HỒNG-HÙNG

« Chim kia còn biết gọi đàn, »

« Chút tình « nhớ Tổ » ta bàn cùng nhau » ⁽¹⁾

DÂN Việt đặc biệt ở điểm : **nhớ ơn.**

Nhớ ơn đấng sanh thành, nhớ ơn người đến trước, nhớ ơn những ai mình chịu ơn, gián tiếp hay trực tiếp, và dù những ai đó là người nước thù (2) đi nữa : tước Sĩ-vương, miếu Khổng-tử, đường Yersin, viện Pasteur...

Mà nhất là nhớ ơn những bậc đã dựng nước non này :

« Cây có gốc mới nở ngành xanh ngọn,

« Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu.

« Người ta nguồn gốc từ đâu ?

« Có ông tổ trước, rồi sau có mình ». (3)

Tổ tiên của riêng mình ..., tổ tiên của chung dân tộc. Lòng biết ơn, niềm thành kính, có gì sánh tày ?

Cho nên, ngay dưới thời bị Pháp đô hộ, tại « **Hùng-vương miếu** », rõ ràng câu đối :

*« Vật đời sao đời, phúc tổ vẫn lưu nền
Cồ-tích, »*

(1) Nhại thơ Tản-Đà.

(2) Thù trong một giai đoạn lịch sử nào đó.

(3) Ca-dao. Hai câu sau có chỗ chép :

« Ai ơi nên phải nghĩ sâu,

« Có tiên tổ trước, rồi sau có mình ».

« Nước nguồn cây cối, đạo người nên
nhớ mộ Hùng-vương ».

Cho nên, ngay dưới thời bị Pháp đô
hộ, có cụ cử lên đền Hùng, ghi lại (4):

« Từng từng đạo bước lên non,

« Nhìn xem miếu mạo, nghiêm tôn
khác thường.

« Rằng đây là miếu Hùng-vương,

« Ấy là thi tổ Nam-phương nước nhà.

« Kề từ gáy dựng sơn hà,

« Đó là Bạch-hạc, nước là Văn-lang.

« Nối truyền một mối Hồng-Bàng,

« Sử sanh ghi chép rõ ràng còn đây,

« Bốn ngàn năm lẻ tới nay,

« Con con, cháu cháu mỗi ngày thêm
đông.

« Đều là khí huyết Lạc-Hồng,

« Khắp Trung, Nam, Bắc cùng chung
máu dào ».

Cho nên, ngay dưới thời bị hai đế quốc
Pháp và Nhật siết chặt gông cùm,
hội đền Hùng năm tân-tị (1941) ấy
đông đúc, nhiệt thành hơn bao giờ hết
và ngàn bài hát « Đi hội đền Hùng »
của một sinh viên miền Nam nặng tình
dân tộc, do Tổng hội sinh viên phát
không cho lớp người từ bốn phương về
thăm mộ Tổ, đã làm ấm lòng vững chí
biết bao người.

I

« Chúng ta cùng nhau đi viếng thăm
Nơi cổ hương của giống Tiên Rồng.
Chúng ta cùng nhau đi viếng thăm
Những vết xưa của núi sông

In dấu chân biết bao anh hùng.
Cùng với nhau: Nam-Bắc-Trung,
Chúng ta về thăm mộ Tổ ta,
Cho vẻ vang với nước non nhà.

II

« Biết bao đời Tiên vương nổi lên,
Lo chống ai đắp lũy xây thành,
Biết bao đời Tiên vương nổi lên,
Giữ núi sông, trọng thanh danh,
Xây nước non với tôi trung thành,
Cùng khắc tên trên sử xanh,
Hiến thân mình để lo quốc gia,
Cho vẻ vang với nước non nhà.

III

« Chúng ta cùng vui ca hát lên,
Ta hát lên trước cảnh huy hoàng,
Chúng ta cùng vui ca hát lên,
Lễ Tổ tiên, người Văn-lang,
Ta hát lên khúc ca nhịp nhàng.
Cùng với nhau, lên tiếng vang,
Chúng ta cùng nhau lên tiếng ca,
Cho vẻ vang thêm nước non nhà. »

Để nước non nhà thêm vẻ vang, cho
nên năm 1953 làng báo Bắc-Việt đã
làm một việc vô cùng ý nghĩa: quyết
định lấy ngày mừng 10 tháng 3 âm
dương lịch mỗi năm làm « Ngày Báo
chí », ngày đại đoàn kết của tất cả ký
giả khắp nước, ngày thiêng liêng để lớp
người nâng bút hướng về Tổ Hùng-
vương mà xét mình, mà nghiệm suy về

(4) Vũ-Khắc-Tiếp. — « Nét mực giang hồ », 1923.

trách nhiệm thiêng liêng đối với Dân, với Nước.

« Chúng tôi đã chọn ngày đó là đã cố tâm muốn được anh hồn Tò tiên của nòi giống Lạc-Hồng ấp ủ lên công việc của Báo chí, nâng đỡ, phù hộ cho Báo chí ngày một phát triển và trở nên dụng cụ tranh đấu thiết thực nhất của Dân chúng trong Quốc gia, và của Quốc gia trong Thế giới.

« Chúng tôi chọn ngày đó là muốn chiêm ngưỡng tiền nhân, mà nhớ đến tiền nhân là nhớ rằng bôn phận mình là ở bên cạnh Dân chúng, và vun đắp vào công cuộc chung làm cho Quốc gia Việt-nam xứng đáng với những trang sử oanh liệt của tiền nhân. » (5)

Cảm động hơn nữa, là làng báo Bắc-hà năm ấy, cũng như năm sau, nghỉ ngày lịch sử ấy — khác nào cái lệ nghỉ ngày lễ Quốc-tế Lao-dộng — và cho xuất bản một « Số đặc biệt hợp nhất báo chí Bắc-Việt ». Và trong số đặc biệt năm sau, 1954, chúng ta đã được đọc bài thơ thiết tha « Ngày giỗ Tò » của bạn Xuân-Tiêu mà nay chúng tôi xin trích đoạn kết :

« Đứng trước ngọn lửa thiêng rừng rực,
Đỉnh trầm hương sức nước khổi hương,
Chúng ta con cháu Hùng-vương,
Cao tay thề quyết noi gương Tò truyền,
Nguyện gìn giữ cho bền Danh dự,
Cố ganh đua rộng mở tình thân,
Nước non ngày một canh tân,
Tiên Rồng nòi giống góp phần văn minh.
Cờ Độc lập tung hoành trước gió,

Đài Vinh quang đồ sộ ngất cao,
Năm châu thiên hạ trông vào,
Việt-nam lên tiếng tự hào từ đây... »

Tiếc rằng hiệp định Genève chấm dứt việc làm ý nghĩa này đáng lẽ phải thành truyền thống.



Cho đến ngày chế độ Cộng hòa thành lập. Ba năm qua. Ba ngày giỗ Tò qua.

Và nếu ký ức chúng tôi chưa quá phụ phàng, thì hình như năm đầu, hầu hết báo hằng ngày ở đây đều có bài nhắc đến Tò Hùng-vương ; năm sau, thì bảy trong mười hai tờ có quay về cội ; năm nay, chỉ còn có hai tờ, mà bài lại đặt vào nơi không lấy gì làm xứng đáng.

Và chúng ta có lễ Thiên chúa giáng sinh có lễ Phật-tò về trời, có lễ Khổng-tử chào đời, có lễ Nhị Trưng tuần tiết, có lễ Tổng-thống nắm quyền..., mà ngày kỷ niệm các vua Hùng, ngày giỗ Tò, vẫn chưa thành một ngày quốc lễ.

Cho nên năm rồi có báo yêu cầu một cách khoa học (6).

Cho nên, năm nay, có báo đòi hỏi một cách hần học (7).



(5) Trích lời Ban tổ chức đọc ngày giỗ Tò năm 1953.

(6) « Ngôn luận », ngày 9-4-1957, trong bài « Chìm cội tở, người có tông ».

(7) « Thời luận », ngày 9-3-1958, trong bài : « Tại sao ngày 10 tháng 3 âm lịch, ngày giỗ Tò, không được chọn là ngày Quốc lễ ? »

Phải chăng Chánh-phủ và Quốc-hội nghĩ rằng : sự tích nhà Hồng-Bàng chẳng có gì là khoa học ?

Nhưng thử hỏi thế gian có mấy nước có một lịch sử gần gũi và giản dị như nước Hoa-kỳ ? Thời tiền sử của dân tộc nào mà chẳng âm u, hư thực trộn pha, huyền bí đầy đầy...

Vấn đề không phải là : 18 vua Hùng-vương có hay không ?

Vấn đề là : họ Hồng-Bàng, mười tám đời Hùng-vương có nằm trong tận đáy lòng bất cứ người Việt nào không ? có lắng trong tiềm thức con cháu Rồng-Tiên, Lạc-Hồng chăng ? chúng ta có ngày quốc lễ nào để toàn dân kỷ niệm trọng thể, vọng về một hướng hầu cảm thông với Tổ-tiên đã khò công dựng nước, với Tiên-nhân đã khò trí giữ gìn, với Ông cha đã khò tâm làm cho sáng, cho ấm, dặng thương nhau thêm, hiểu nhau nữa, gần nhau hơn...?

Ngày quốc lễ đó, đến nay, chế độ Cộng hòa lên ba, vẫn chưa có.

Mà ngày quốc lễ ấy, cần phải có.

Khi mà chúng ta chẳng thể đến núi Hùng, chẳng thể lên đền Hùng, chẳng thể thắp nén hương thành kính trước bàn thờ các vị vua Hùng...



Thế thì, người Việt chúng ta, của thế giới tự do này, há lại chịu thua ai kia về mặt : nhớ ơn tiên tổ ?

Thống nhất lãnh thổ là việc một thời.

Nhớ ơn tiền nhân là điều muôn thuở.

Nhớ ơn đề mà làm. Làm sao cho xứng đáng với ông cha ; làm sao cho con cháu tự hào.

Vậy, ngày thiêng liêng của dân tộc Việt, một dân tộc giàu tình cảm, luôn nhớ ơn người đã khuất, chẳng hề quên cội quên nguồn, **ngày giỗ Tổ phải là ngày quốc lễ, ngày ấy phải có.**

Nước Việt Tự do, ngày giỗ Tổ
năm mậu-tuất (1958)

TRẦN-HỒNG-HÙNG

☆ THÚ nhận mình sai lầm là cách khiêm tốn tỏ ra mình đã biết ăn ở hợp với đạo lý hơn.

SWIFT

☆ KHÔNG phải tại việc khó mà ta không dám làm, chính bởi tại ta không dám làm cho nên việc mới khó.

SÉNÉQUE

DƯ LUẬN VÀ

THANH NGHỊ

Phan-Khoang

Dư luận là Nghị luận của công chúng. Thanh-nghị là nghị luận thanh chánh của một số người.

Từ xưa ở Á cũng như ở Âu, dư luận có một quyền lực quan trọng trong xã hội, trên chính trị. Ở Trung Hoa, sách Quốc ngữ đã nói: « Giữ miệng dân khó hơn giữ nước sông, đắp sông mà sông vỡ thì làm tổn hại nhiều người, đối với dư luận cũng vậy. Cho nên người làm sông phải để cho sông chảy, người trị dân phải để cho dân nói... Ôi! dân lo trong lòng, phải nói ra miệng, giữ làm sao được! » (Phòng dân chi khẩu, thậm ư phòng xuyên, xuyên ứng như hội, thương nhân tất đa, dân diệt như chi, thị cô vi xuyên quyết chi sử đạo, vi dân giả tuyên chi sử ngôn... Phù dân lự chi ư tâm nhi tuyên chi ư khẩu, hồ khả ưng dã). Nhà Văn hào Pascal, sống dưới một chế độ quân chủ độc đoán ở thế kỷ thứ XVII cũng đã viết: « Dư luận cũng như bà chúa trong thiên hạ » (*L'opinion est comme la reine du monde*).

Vì là ý kiến của nhiều người, dư luận phản chiếu được nhiều tâm tình của xã hội, hoặc tình trạng của một sự kiện. Vì thế, cho nên kẻ tư nhân xem xét nó để định thái độ của mình đối với mọi việc, nhà cầm quyền cũng theo dõi nó để hành động cho hợp lòng dân.

Chúng ta đã thấy trong lịch sử nhiều khi vì dư luận bức bách mà chánh phủ phải bỏ một vài luật lệ đương thi hành, hoặc ban bố một luật lệ khác mà dư luận đòi hỏi.

Ngày nay, uy thế của dư luận càng tăng cao. Ở nhiều nước, nó có xu-hướng dần dần điều khiển về chính trị. Chúng ta há chẳng thấy có khi chính phủ phải nường theo những kích thích của dư luận để định đoạt thái độ về chính trị, định đoạt cho đến việc quan trọng như ký liên minh với một nước này, khai chiến với một nước khác.

Nhưng rủi thay, dư luận không phải bao giờ cũng xác đáng ; trái lại, nó lắm lúc sai lầm. Cho nên nhà cầm quyền không ngoan, sáng suốt chỉ theo nó khi nó đúng, hoặc tìm cách hướng dẫn nó, khiến nó phù hợp với đường lối thích đáng. Báo chí được tôn là uy quyền thứ tư, vì không chỉ phản chiếu được dư luận mà còn hướng dẫn dư luận theo một phương hướng đứng đắn.

Chúng tôi vừa nói rằng dư luận nhiều khi sai lầm, là vì những biến cố, sự kiện về xã hội, kinh tế, chính trị... nhiều khi chứa đựng nhiều uẩn khúc và hỗn tạp, mà chỉ những người sáng suốt hoặc chuyên môn mới thấu triệt, chứ không phải ai ai cũng hiểu, biết và phê bình xác đáng được. Huống chi trong ấy, thường tiềm tàng những mối bí ẩn mà người trong cuộc có khi không thể công nhiên tuyên bố. Tỉ dụ như nên áp dụng bảo hộ mậu dịch hay tự do mậu dịch, nên liên minh với nước này hay khai chiến với nước kia, nên thân với chánh khách này, hay sơ với chánh đảng kia, thì tất mỗi người-bằng quan bàn bạc mỗi cách, tùy quyền lợi, tình cảm, óc tưởng tượng của mình, hoặc bị cảm nhiễm những ý kiến của kẻ khác, cho nên cố nhiên những ý kiến chân xác phải là số ít.

Lại sự đồn đại còn làm cho xa sự thật và lẽ phải hơn nữa. Một cá nhân đứng trước một sự kiện hay biến cố nào đó, chưa chắc đã nhận xét rõ, phê bình đúng, huống chi sự nhận xét và phê bình của anh được truyền từ cửa miệng này qua cửa miệng khác, mỗi lần thêm hay bớt một ít, rồi với sức tưởng tượng, tính dễ bị cảm dụ, tính cả tin sẵn có của

quần chúng, với những cảm tình của mỗi người hoặc mỗi hạng người, khi sự nhận xét và lời phê bình ấy đến tới người thứ một trăm thì không bị xuyên tạc nhiều phần, nó cũng không chắc còn y nguyên như của người thứ nhất được.

Dư luận đã nhiều khi sai lầm mà nó còn du động, biến đổi luôn. Một nhân vật hôm nay được công chúng nhiệt liệt hoan nghênh, ngày mai có thể lại bị công chúng ấy bài xích, dả đảo ; một sự kiện mới rồi bị người ta phản đối kịch liệt nhưng nay nó cũng có thể được mọi người ngưỡng mộ và ca tụng không tiếc lời.

Dư luận vừa có quyền uy lại vừa dễ sai lầm. Tình trạng ấy đã gây ra trong lịch sử biết bao nhiêu cảnh trái ngược, mĩa mai cho trí khôn của con người, hoặc làm thiệt hại cho sự tiến bộ của một quốc gia hay nhân loại.

Lắm khi, một người có kiến thức hay, sáng ý lạ, nhưng sợ trái với dư luận và thời thượng của số đông người, nên đành phải ôm giữ một mình ; cũng như nhiều lúc một quan niệm sai, một ý kiến lầm mà được mọi người tin là thật, là đúng, thì giác ngộ họ cũng khó khăn.

Nhà Thiên văn học Copernic hồi thế kỷ thứ XV đã tìm biết rằng quả đất xoay chung quanh mặt trời, nhưng trong 35 năm, không dám nói ra vì sợ trái với ý kiến của số đông người đương thời là những người còn tin chắc, từ 14 thế kỷ, thuyết của Ptolémée, theo đó mặt trời xoay chung quanh trái đất. Nhà bác học Pasteur, khi tìm ra được một nguyên lý rồi tuyên bố rằng : « Những bệnh truyền nhiễm đều

do những vi trùng sinh ra », và giảng giải cách chữa các bệnh ấy, thì mọi người, cho đến cả đại đa số bác sĩ, y sĩ, đều chế nhạo ông. Hai truyện ấy là những giai thoại quá buồn bã trong học giới. Trên đường chánh trị ngày nay các chính khách tạo ra dự luận, hoặc làm sai lạc dự luận, để lợi dụng cho những mục phiếu riêng tư của mình, là việc rất thường thấy.

Việc tạo ra dự luận để gây trận chiến tranh Pháp-Đức năm 1870 của Bismarck là một thủ đoạn xảo quyết lòng danh trong lịch sử hiện đại. Bấy giờ các nhà cầm quyền Đức muốn gây chiến tranh với Pháp, để hạ nước này, đặt mình chiếm địa vị ưu thế trên lục địa Âu-Châu. Trước hết, thủ tướng Đức là Bismarck dùng các cách làm cho dự luận Pháp tin rằng binh bị Đức không hơn gì binh bị Pháp, vì vậy chính phủ Pháp không lo đề phòng chiến tranh mà còn giảm binh số đi nữa. Rồi năm 1870, trong cuộc giao thiệp Pháp-Đức về vấn đề ngôi vua Espagne hiến cho một vị hoàng thân Đức, việc mà chánh phủ Pháp phản đối và đã được thỏa mãn, sứ thần Pháp ở Đức xin yết kiến vua Đức để xin nhà vua tuyên bố sự từ khước ấy. Vua Đức cho là việc đã thu xếp xong, không tiếp và báo cho Thủ tướng mình biết việc không tiếp sứ thần Pháp. Bismarck thừa dịp rút ngắn bức thư của vua lại, làm cho nó có giọng gắt gỏng, xúc phạm, rồi đem công bố. Dân chúng Paris đọc lời công bố ấy, thấy vua Đức không thêm tiếp sứ thần nước mình, nổi giận, rủ nhau biểu tình trong các đường phố, hô hào : « Chiến tranh vạn

tuế ! », « Tiến đến Berlin ! », rồi tất cả thanh niên hát bài « Marseillaise ». Thấy dự luận bức bách như thế, Chính phủ Pháp liền tuyên chiến với Đức và kết quả là vua Napoléon III thua to, bị bắt, nước Pháp mất nhiều đất đai và chịu bồi khoản nặng.

Ý kiến của con người, của đa số, để cho người ta lợi dụng như là một vật vô tri, vô giác, làm lợi khí để trở lại hại mình như thế, thật không vẻ vang chút nào !.

Ngày nay, các chánh phủ, các chính khách trước khi thi thố một chính sách gì, cũng quen thói « sửa soạn dự luận », Cộng-Sản gọi là « đã thông tư tưởng » trước đã. Ví dụ : Trước khi ban bố một thứ thuế, người ta giảng giải cho công chúng tin nó sẽ có ích cho người đóng lẫn chánh phủ. Do đấy, người ta có thể cố giảng giải với bất kỳ luận điệu nào, lý lẽ gì, đúng hay không đúng với sự thật, trái hay không trái với lẽ phải, miễn là nhồi vào sọ người nghe tin tưởng ấy là được. Nghĩa là người ta sửa soạn dự luận để nó tiếp nhận một sự kiện mới, cũng như sửa soạn đất đai để gieo vãi, hay trồng trọt vậy.

Dự luận đã có thể uốn nắn như cục đất sét trong tay người thợ gốm như thế thì chắc không phải là ý kiến chân thật của công chúng, và không biểu thị được lẽ phải rồi, mặc dầu là lẽ phải tương đối, lẽ phải mà công chúng ấy có thể có được.

Nhưng không lẽ trong số người gồm thành công chúng ấy, ai nấy đều sai lạc cả. Phải có người sáng suốt, thấy rõ sự thực chứ ?

Có, và có thể có nhiều cũng nên. Nhưng trong một thời đại mà cái luật « thiếu số phục tùng đa số » đã được áp dụng thì hạng người sáng suốt kia, vì ít hơn, nên tiếng nói của họ phải bị lấn át và không ai đếm xỉa đến cả. Đó là cái tai họa của nhân loại ngày nay.

Cái nghị luận phần nhiều xác đáng của số người này, thường thường là thiếu số, gọi là « thanh nghị », tức là thứ nghị luận thanh chánh. Nó phát xuất từ hạng người hiền giả trong xứ sở, hạng xử sĩ, danh nhân. Ấy là hạng người tương đối trông thấy rõ cục diện hơn, biết được đâu là phải, đâu là trái, đâu là sai, đâu là đúng, và dám nói ra một cách khách quan.

Ở Á-Đông từ đời thượng cổ, người ta đã rất chú trọng đến ý kiến của hạng hiền sĩ. Trong kinh Thư, vua Nghiêu đã lo lắng sao cho lời nói của kẻ thiện đừng ần núp đi ; (gia ngôn vông du phục) và từ đó trở đi châm ngôn của nhà cầm quyền trị nước là : « Ở trên thì giáo hóa long thành, ở dưới thì thanh nghị lưu hành » (giáo hóa long ư thượng, thanh nghị hành ư hạ). Về dư luận, Khổng-Tử cũng phân biệt ra từng loại mà xét. Có người hỏi Ngài : « Người mà cả làng ai cũng ưa là người thế nào ? ». Khổng-tử đáp :

« Chưa chắc là người khá » Lại hỏi : « Người mà cả làng ai cũng ghét là người thế nào ? » Ngài đáp : « Chưa chắc đã là người khá, không bằng người mà kẻ thiện trong làng ưa, kẻ bất thiện trong làng ghét ».

Xưa nay, bất cứ ở thời đại nào, xã hội nào, cũng có một hạng hiền nhân, xử sĩ như thế, hoặc ít, hoặc nhiều. Nhưng nghị luận của họ chỉ thành thanh nghị và có ảnh hưởng khi họ sống gần gũi và cảm thông với dân chúng, được dân chúng trọng nể, nên có thể cảm hóa dân chúng theo tư tưởng của mình. Không thế thì thanh nghị ấy chỉ là những ý kiến rời rạc, không có ảnh hưởng gì.

Nghị luận của hạng người ấy thành thanh nghị hay không là do chế độ, do chính quyền một phần lớn. Những lúc kẻ cầm quyền biết dung hiền nạp sĩ thì khích lệ cho thanh nghị phát triển, khiến nó có ảnh hưởng đến dân chúng, để gián tiếp giúp đỡ chánh quyền, hướng dẫn nhân dân. Còn ở những chế độ bất chính hoặc độc tài, thì nhà cầm quyền chỉ tạo ra dư luận, uốn nắn dư luận, sửa soạn dư luận, và cố nhiên thanh nghị phải bị bóp chết.

Vì vậy, chỉ xem tình cảnh của thanh nghị là biết được tình trạng của một nước. Thanh nghị thịnh là lúc nước đương tiến, thanh nghị suy là lúc nước đương suy.

Dư luận là ý kiến của số đông, của công chúng, chúng ta không thể và không nên không đếm xỉa tới nó. Nhưng chỉ nên hiểu biết nó để hành động cho hợp tình thế, hợp lẽ phải, chứ không thể coi nó là lẽ phải rồi tuân theo mà hành động được. Cũng như nên bồi thực, giúp đỡ cho nó thực hiện được giá trị của nó, chứ không nên uốn nắn nó để lợi dụng cho những mục phiêu bất chính của mình. Vì dư luận cũng lắm

khi sai lầm, nhất là trong những lúc không có thanh nghị, sai lầm vì chính tại nó, sai lầm vì những kẻ biện sĩ vu vơ gây ra, sai lầm vì bị những kẻ xảo quyết cố ý uốn nắn nó đi để lợi dụng. Tự trung, dư luận chân chính mới đáng tin cậy. Dư luận chân chính cũng là gần với thanh nghị rồi vậy.

PHAN - KHOANG

**Đối với bậc quốc trưởng, điều « nhân »
quan trọng thế nào ?**

Người nhân đem của cải ra phát triển cái thân danh của mình ; kẻ bất nhân đem cái thân danh của mình ra để tìm kiếm của cải.

Người trên chuộng điều « nhân » mà người dưới không chuộng điều « nghĩa », sự ấy chưa có bao giờ. Người dưới chuộng điều « nghĩa » mà công việc của người trên không tròn vẹn, sự ấy chưa có bao giờ. Người dưới bảo vệ kho lẫm người trên, mà của cải người trên bị tàn phá, sự ấy cũng chưa có bao giờ.

ĐẠI-HỌC

☆ **CÓ** thể làm được nhiều mà chỉ làm ít, chính là sửa soạn cho mình phải ôm hận nghìn thu vậy.

GABRIEL PALAU

BÁCH KHOA XXXIII

MẤY SỬ LIỆU VỀ

SỰ KHAN HOANG ĐỒNG BẰNG NAM - VIỆT
VÀO NĂM KỶ DẬU 1789

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

NĂM Kỷ dậu (1789) tức là trước đây 170 năm, chúa Nguyễn-phúc Ánh chưa lên ngôi vua, vì Ngài hãy còn đánh nhau với nhà Tây-sơn. Ba năm sau, Ngài mới lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia-long, sau khi thắng Nhà Tây-sơn.

Trong các lý do thắng trận của chúa Nguyễn-phúc-Ánh, có một lý do căn bản, ấy là lý do kinh tế.

Nguyên Ngài căn cứ vào đất Nam này là một vựa thóc đệ nhất ở nước Việt-Nam.

Về diện tích, đồng bằng sông Cửu long rộng bằng ba đồng bằng sông Nhị hà. Chất đất lại tốt, trừ mấy miền đồng chua nước mặn. Khí hậu lại đều hòa, nạn lụt và nạn hạn hán không có, bão cũng không.

Nhưng cách đây độ một thế kỷ rưỡi, dân chúng ít, và lại vì nội chiến nên vườn ruộng bỏ hoang nhiều lắm.

Vậy vấn đề đặt ra cho chúa Nguyễn-phúc-Ánh là phải lập các đồn điền. Các đồn điền vừa để lấy gạo nuôi quân, vừa để lấy gạo cho vào kho làm lương đem đi trận mạc, vừa để xuất cảng ra ngoại quốc, lấy tiền mua quân nhu quân dụng.

Cho nên việc xét Ngài đã khai khẩn ruộng hoang là việc ta tìm hiểu non nước Nam-Việt ở miền đồng ruộng, cách đây một thế kỷ rưỡi. Đồng thời ta xét cách Ngài tổ chức kinh tế để chống lại Nhà Tây-sơn.



Về năm *kỷ dậu* (1789) sử chép như sau này :

« Ngài — tức là chúa Nguyễn-phúc-Ánh — đặt quan *Điền toán*, cho bốn *Hàm-lâm-chế-cáo* là *Trịnh-hoài-Đức*, *Lê-quang-Định*, *Ngô-tùng-Châu*, *Hoàng-minh-Khánh* cả thầy mười hai người kiêm việc *điền toán* đi các *dinh Phtên trấn*, *Trấn biên*, *Vĩnh trấn*, *Trấn định* đốc sức dân chăm việc làm ruộng.

Theo sổ *dinh* kê từ *hạng phủ binh* cho đến *hạng cùng cố* đều khiến chăm làm ruộng. Tên nào không làm ruộng phải cấp làm lính phủ binh. Đến lúc đập lúa rồi, thời xét số lúa được bao nhiêu. Giả như một người cày ruộng sâu mà được trăm thúng lúa, mỗi thúng là bốn mươi hai bát, cày ruộng cao mà được bảy mươi thúng trở lên, phủ binh thời tha một năm khỏi đi đánh giặc, dân thời tha một năm khỏi làm việc quan. Nếu lúa không đúng số ấy, lệ không được tha.

Lại mộ dân *ngoại tịch* làm lính cày ruộng, thuộc về quan *Điền toán* cấp ruộng hoang cho cày.

Như thiếu *ngưu canh điền* khi thời quan cho mượn tiền mua, chờ khi có lúa, nạp lúa trả lại. »

Tài liệu trên đối với ta rất quý vì cho ta biết mấy điểm sau này :

Một là : khuyến khích dân và quân làm ruộng. Nhưng không phải là một sự khuyến khích suông, vì có thưởng, có phạt phân minh, tùy theo năng lực sản xuất.

Hai là : có một sự canh tác các ruộng đất bỏ hoang, có sự giúp đỡ của Chính phủ.

Đến tháng mười năm sau là năm *Canh tuất* (1790), Ngài đặt sổ *Đồn điền*.

Ngài dụ các quan văn rằng :

« Phép trị nước, trước hết phải tính cho đủ ăn. Bốn *dinh* trong *Gia-dinh* đất ruộng rộng lắm, lâu nay binh cách chưa rồi đói khát luôn luôn, đến nỗi ruộng vườn bỏ hoang, dân chưa chăm nghề cày ruộng. Nên chi, của Nhà nước, lương quân lính chưa được đầy đủ. Vậy khiến các đội túc trực *dinh Trung-quân* và quân các vệ thuyền khải ruộng tại *Thảo mộc câu* (*Thảo mộc câu* tức là miền *Đồng Tháp-mười*) gọi là *Trại Đồn điền*.

Nhà nước cấp *ngưu canh điền* khí và lúa giống *đậu bắp*. Hết cắt hái xong rồi đem nạp vào kho cho *Tiền dực hiệu*, *Chánh cơ Nguyễn - Bình* coi việc ấy.

Ngài lại sai văn võ các *Nha* mộ dân lập đội *Đồn điền*. Mỗi năm mỗi người nộp sáu học lúa. Dân có ai mộ được mười người trở lên cho làm *quản trại*, trừ tên trong sổ làng. »

Vậy sự *tăng gia sản xuất* tiếp tục. Nhà nước hết sức giúp đỡ và khuyến khích. Sự lập *đồn điền* này là do *quân đội* phụ trách. Sự lập các *trại* là do dân tự hợp nhau lại mà làm.

Sang năm sau, là năm *Tân hợi* (1791) vào cuối xuân, sử chép là : « Ngài khiến dân các *dinh* lãnh trung ruộng đất hoang. Định ba năm mới

thâu thuế, hạn đầu đơn lãnh trúng trong hai mươi ngày mà thôi. Ngoài hạn thời cho quân cày, dân không được dành nữa ».

Tài liệu này cho ta biết là dân đã quay về với đồng ruộng vì dân sợ quân đội xung công làm đồn điền. Vậy quân và dân đã thi đua canh tác. Ta có thể kết luận một cách chắc chắn rằng chính sách của chúa Nguyễn-phúc-Ánh đã đưa đến kết quả mỹ mãn. Ấy là, một mặt, nâng cao đời sống của dân bằng cách tăng gia sản xuất. Đồng ruộng bao nhiêu năm bỏ hoang đã được chăm nom, thêm phần sinh sắc. Các làng mạc, vườn tược được thành lập, dân chúng thi đua...

Một mặt nữa là Nhà nước có của kho để chi dùng về việc chiến tranh. Quân đội có lương ăn. Họ có ăn vì chính họ phải cày sâu cuốc bẫm.

Thời bình họ làm nông phu, nếu Nhà nước gọi, họ vác súng ống, giáo mác lên đường làm quân.

Nhờ có sự tổ chức này nên đất Nam có thêm nhiều làng, nhiều trại, định cư được cho biết bao dân ly tán. Dân có đủ ăn. Nhà nước có của dùng... và có quân đội trừ bị.



Trước đây hơn một thế kỷ rưỡi, đồng bằng sông Cửu Long là một kho lúa và một kho người. Đó là một lý do chúa Nguyễn-phúc-Ánh thắng Nhà Tây sơn.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Nghĩa hai chữ « Trung Dung »

Giải thích hai chữ « Trung Dung », Trình-tử nói : « Không thiên lệch gọi là « Trung »; không xê dịch gọi là « Dung »; « Trung » là chính đạo của thiên hạ; « Dung » là định lý của thiên hạ. Cái lý của Trung Dung nếu mở rộng ra tất bao gồm cả vũ trụ, còn nếu thu tóm lại, tất tiềm tàng trong cả những chỗ u mật nhất. Ý vị của Trung Dung thật vô cùng, chứa toàn những điều thực học. Ai chăm xem Trung Dung sẽ đạt được cái lý của Trung Dung. Và khi đã đạt thì chung thân đem ra sử dụng cũng không bao giờ hết được.

☆ NGƯỜI có công rèn giũa, biến hóa khí chất thì thế nào cũng trở nên lành.

PHỤC-NGUYỄN-TỬ

ĐÔNG TÂY HAI NGÃ

VÔ-PHIỂN

THƠ Tàu xưa nhiều bài đọc xong khiến ta nghĩ đến thái độ của người quân tử thản nhiên không hề lòng xao động vì giận hờn, ham muốn.

*Bãi triều qui lai bất hệ thuyền,
Giang thôn nguyệt lạc chính kham miên.
Túng nhiên nhất dạ phong xuy khứ,
Chỉ tại lô hoa thiên thủy biên.*

Bài thơ chẳng kể một điều gì quan trọng cả. Chẳng có sự gì cả. Lời dễ dãi giản dị như không. Như chợt có ý thì viết, hết ý thì dứt, không có một chút dụng công, ra sức, tìm tòi. Thản nhiên quá. Bài thơ như tự chối cái kiếp mình.

Bởi thế thơ Đường có bài kết thúc như một người rũ áo phủi tay đứng dậy, rút ra ngoài cuộc, nhẹ nhàng phôi phới. Lý-Bạch đang kể chuyện say ngày xuân, bỗng :

*Hạo ca dãi minh nguyệt
Khúc tận dĩ vong tình ;*

Khúc tận dĩ vong tình ! Lý bỗng buông tay ta mà bay mất, ta mới biết Lý là tiên.

Thực là khác giọng thơ của một người ở Âu-châu :

*Ce siècle avait deux ans. Rome remplaçait Sparte,
Déjà Napoléon perçait sous Bonaparte,
Et du premier consul déjà, par maint endroit,
Le front de l'empereur brisait le masque étroit...*

Nhiều hình ảnh tài tình, đẹp dễ, lộng lẫy. Cách nói thông minh. Người ta thấy một ý chí tích cực, một cố gắng đề kích động mạnh mẽ.

Ở một dân tộc mà văn học bộc lộ ý chí tích cực như thế, ông Nguyễn-hiến-Lê nhận thấy văn thể hùng vĩ phát triển mạnh hơn ở Á-Đông chúng ta, thực có lý.

Tôi không thạo về hội họa, nhưng thấy rằng trong các bức tranh tàu xưa, trời đất thì rộng rãi man mác, và trên

BÁCH-KHOA

Số 33 — Ngày 15-5-1958

HUỖNH-VĂN-LANG	Một chánh sách tổng quát.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Chế độ Dân chủ mác-xít.
TRẦN-HỒNG-HÙNG	Nhân ngày giỗ Tổ.
PHAN-KHOANG	Dư luận và Thanh Nghị.
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	Mấy sử liệu về sự khàn hoang đồng bằng Nam-Việt.
VÕ-PHIẾN	Đông Tây hai ngả.
NGUYỄN-HỮU-NGU	Huỳnh-thúc-Kháng một ông già đáng thương.
THÁI-VĂN-KIỀM	Người Mỹ đầu tiên tới Việt- Nam.
NGUYỄN-HUY-KHÁNH	Lược đàm truyện Thủy - Hử (tiếp theo).
NGUYỄN-HIEN-LÊ	Thomas Alva Edison (tiếp theo).
ĐỖ-TẤN	Những giòg hoa đại lộ (thơ).
VŨ-HẠNH	Miếng thịt vịt (truyện ngắn).
VŨ-QUỲNH-BANG	Tâm Tư (thơ).
KIỀU-YIÊU (dịch)	Bách-Thư-Luyện (Liêu Trai Chi Dị).
Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI	Xuân Vọng (thơ dịch).
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	Khói lửa kinh thành.

mỗi, buồn bã, ưu tư lộ ra trên gần hết nét mặt mọi người. Ông lấy làm lạ rằng các dân tộc Âu-châu theo Thiên-chúa giáo là một tôn giáo dạy người phải chuộng « nhân đức khó khăn », phải thành lập nước thế gian phỏng theo hình ảnh nước Chúa ở trên trời, và nên thương nhau, thậm chí khi bị tát vào má bên trái thì nên đưa thêm má bên phải ra cho kẻ nghịch, thế mà chính các dân tộc theo tôn giáo ấy lại giàu có nhất, thông thái nhất, trí xảo nhất, nhiều sáng kiến nhất, hiếu động nhất và nghịch loạn nhất, luôn luôn muốn to lớn, bành trướng thêm mãi... Nhà trí thức Trung-hoa nghĩ rằng có lẽ cái mâu thuẫn lạ lùng đó đang đưa văn minh Tây-phương đến chỗ phá sản, và cố nhiên ông ta không muốn cho Trung-hoa bước theo tí nào.

Nhưng mà không đầy nửa thế kỷ sau cuộc cách mạng Tân-hội thì chẳng những nước Tàu không rút lui được mà lại còn bước tới thêm một bước nữa theo cái hướng văn minh tích cực đó. Nếu lại có một ông bộ trưởng của nước Trung-hoa mác-xít ngày nay đi qua Pháp trò chuyện với Albert Camus chẳng hạn thì chắc rằng chẳng bên nào chê được bên nào là hiếu động nữa. Và cũng chắc rằng ông bộ trưởng mác-xít không hối hận về sự thành công của Mao-trạch-Đông.

Ngày trước người ta cười lừa, nằm cẳng mà đi từ làng này qua làng kia, ngày nay chúng ta có phản lực cơ bay nhanh hơn âm thanh, chúng ta có thể nghe nhau thấy nhau từ châu nọ suốt

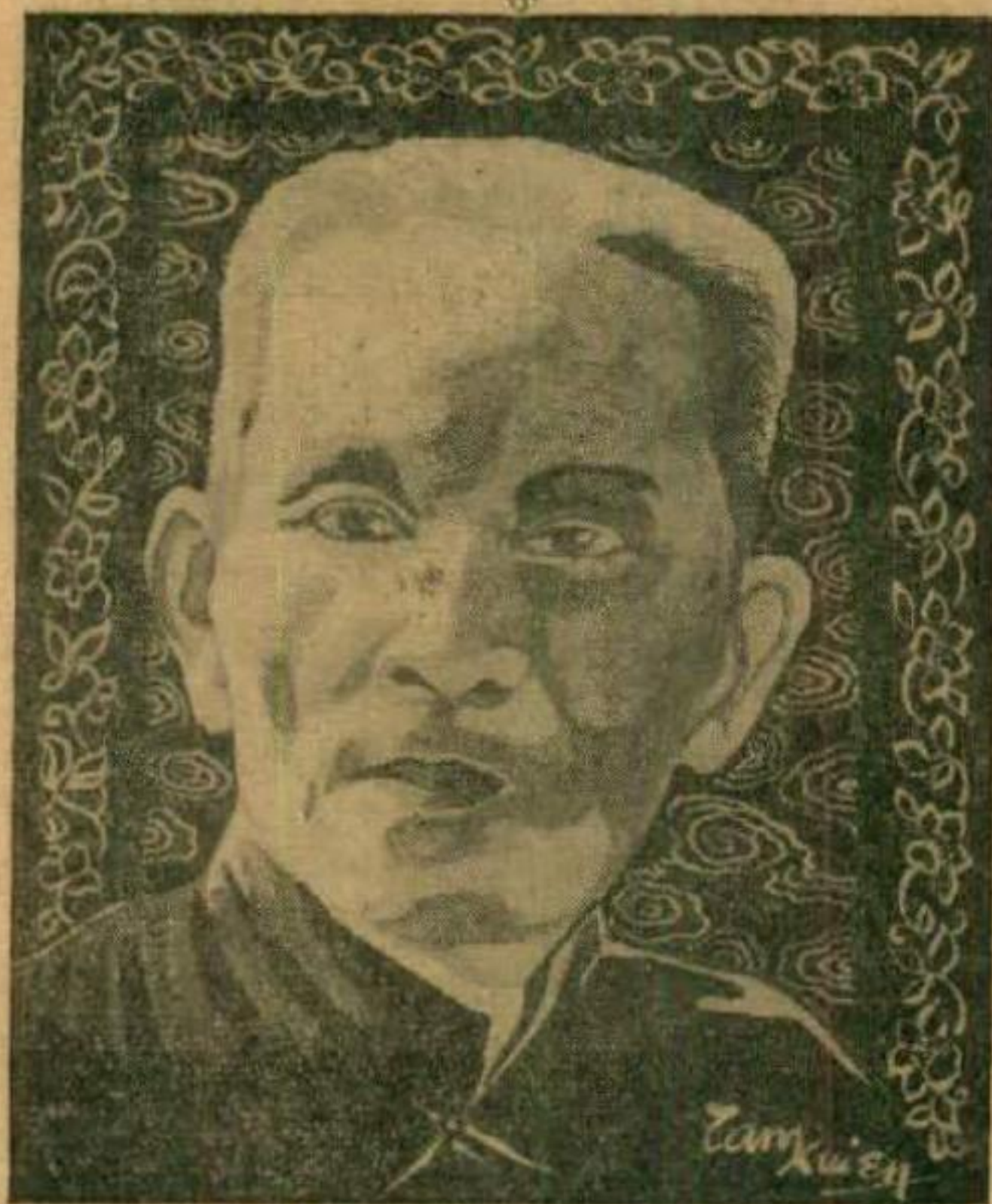
châu kia. Cuộc sống chung chạ gần gũi đó rồi sẽ xóa lẫn mất bản sắc của đôi bên đi chăng? Những người làm cộng sản cố nhiên theo đòi một lý thuyết Âu-tây đã đành, mà những người Việt lãnh đạo miền Nam chống lại cộng sản chẳng phải cũng đang cơ sở lý luận mình trên một học thuyết Âu-tây nữa đó sao? Biết làm sao mà phân biệt Đông với Tây? Chúng ta đã khác nhau với người Âu, đó là kết quả của những ảnh hưởng địa lý, kinh tế, hay đó là cái khác nhau về bản chất từ trong tâm hồn cho đến ngoài chót lưỡi? (Thanh-niên Á-đông ngày nay có lẽ cũng không còn cái lưỡi nếm trà nữa) Những lời kêu gọi quay về với nguồn gốc Á-đông chỉ có nghĩa là quay về dĩ vãng, hay có thể chỉ cho chúng ta một hướng đi đích xác, có thể có một chứa đựng nào cụ thể không?

Tôi cứ ngại rằng những tiến bộ về thuật phi hành làm cho ta hết khác với thiên hạ, tốc độ cướp đi bản sắc của ta mất. Và mai sau, đến khi trong gia đình có chuyện xích mích, người vợ vùng vằng xếp mấy bộ áo quần vào va ly, bôi thêm tí son lên môi, cho cái bình chứa dưỡng khí vào túi, ra phi trường lấy vé đi thẳng lên hỏa tinh chơi mấy tháng, khi ấy chúng ta có tìm phân biệt cá tính Đông Tây cũng khó như chị vợ kia từ hỏa tinh nhìn xuống quả đất tìm mặt chồng mình hay tìm cái gương con chị ta còn bỏ sót lại trong phòng.

VÕ-PHIẾN

BÁCH KHOA XXXIII

NHÂN NGÀY GIỖ, THỨ 11
CỤ MINH - VIÊN



HUỖNH - THÚC - KHÁNG

(1876 - 1947)

Một « ông già » đáng thương

NGUYỄN-HỮU-NGU

« ÔNG GIÀ » SẮP CHẾT...

Ông già ấy đang nằm dài trên phản dầy, mắt nhìn lên. Cái áo dài đen, chiếc khăn đóng vẫn chẳng rời tám thân mảnh dẻ, càng gầy gò vì bệnh. Gian nhà về chiều tối bắt đầu muốn âm u, con sông nhỏ cạn nước ở gần đá lặn lộn với mấy bụi tre lá còn xào xạc nhẹ. Ông già như chẳng biết gì đến chung quanh; không gian và thời gian như ra khỏi đôi mắt mở to nhìn lên một chỗ. Màu áo đen gần làm một với màu cái phản, màu da người gần làm một với màu khăn đóng, áo dài; và cả gian nhà này sắp làm một với cái phản với người nằm trên đó, với cây gậy cong đầu dựng bèn.

Và tôi, một nhân viên của đài phát thanh «Tiếng nói miền Nam nước Việt-nam» đi công tác ghé lại Ủy ban hành kháng (1) tỉnh Quảng-ngãi đóng

tại xóm này của vùng Chợ Chùa, tôi bỗng giật mình, cảm rằng mình cũng sắp làm một với gian nhà muốn âm u kia, với ông già gần chết nọ. Tôi vội rời chỗ đứng này giờ, bước ra ngoài, về chỗ ngụ cách đó một mảnh vườn con. Chân đi mà lòng sao như se lại.

Quảng-ngãi, hè 1947.

Hà-nội, thu 1946.

Quốc hội về đêm, đêm 31-10-46. «Chánh phủ Liên hiệp» báo cáo tình hình, kiểm điểm việc làm, đề rồi sau đó, từ chức, nhường chỗ cho một Chánh phủ khác. Đến phiên ông già giữ chức Bộ trưởng bộ Nội-vụ, và từng quyền Chủ-tịch nước «Việt-nam dân chủ cộng hòa», lên diễn đàn (2), thì tự nhiên là tiếng vỗ tay, tiếng hoan hô vang dậy. Đêm

(1) Gọi tắt: hành chánh, kháng chiến.

đã về khuya và ông già ấy nói, gấp gấp, say sưa, với cái giọng đặc biệt Quảng-nam, lúc tức giận, cây gậy nện hồi sán khấu, khi hung hăng, cây gậy vung lên, quay tròn hay xia xói trước mặt cử tọa đang chăm chú hoặc mỉm cười. Nơi thì cao, rộng; đèn thì sáng trưng; người thì đông chật..., tôi ngồi trong lò dành riêng cho báo chí Nam-bộ nhìn xuống, sung sướng (một nỗi sung sướng của trẻ em) thấy cái cảnh: ông già múa gậy rùng hoang... khăn đóng, áo dài, mặt xương, miệng móm, cây gậy chẳng chịu đứng yên.

Không đầy một năm, cũng ông già ấy, mà nằm im với — có thể không, mà cũng có thể phải — khăn đóng, áo dài, cây gậy tiêu biểu, ở một xó què, trong gian nhà cũ, với cái chức: đại diện Chánh phủ ở miền Nam nước Việt-nam, nghĩa là — trên giấy tờ — chúa tể một nửa giang san nòi Việt, chạy từ đèo Hải-vân cho đến mũi Cà-mau.

Đó, đây, giống nhau hệt chẳng là cái im lặng; mà im lặng trước kia là để nỏ một cái gì: một tràng pháo tay dòn, một tiếng hoan hô chung, còn im lặng giờ đây là để chôn một cái gì: một chút thân tàn? một tấm lòng son? một niềm tin tưởng còn bền chắc? một nỗi hối hận chắc không nguôi?

Sau khi tôi và miếng cơm đầu trộn khoai chung với một phần con mắm cái, lại chợt nhớ đến câu thân phụ tôi trả lời tôi khi tôi hỏi người về cụ Huỳnh, sau khi người đi dự hội nghị bỏ lão miền Nam (3) do ông nguyên chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ « *Tiếng dân* » chủ tọa:

« Chúng ta đều là những kẻ đáng thương ».

Và tôi nuốt miếng cơm thứ nhì như muốn không trôi: tôi chợt cảm thấy ông già họ Huỳnh, tên Hanh, tự Thúc-Kháng, hiệu Minh-Viên, biệt hiệu Sử-Bình-tử, mới đáng thương làm sao.

NGƯỜI TRAI XỨ QUẢNG.

« *Báo Phụ-nữ tân-văn* » đã có lần mở cuộc thi giả thiết tuyển cử lấy mười vị đại biểu cho nước Việt-nam. Kết quả, ông Phan-Văn-Trường được nhiều thăm hơn hết. Kế tới ông Huỳnh-Thúc-Kháng được thứ nhì.

« Một cuộc bỏ thăm chơi này, cũng đã thấy được cái cảm tình của quốc dân đối với ông Huỳnh, thiết là nồng nàn thâm thiết.

« Cái cảm tình đó vì đâu mà có? Có người nói vì phục cái tài học của ông. Có người nói vì cảm cái đức hạnh của ông. Nhưng vẫn nhiều người vì cái thân thể và cái chí hướng của ông mà bỏ thăm tin nhiệm. » (4)

Những lời mở đầu trên đây của nhà phê bình Thiếu-Sơn trong bài nói về cụ Huỳnh-Thúc-Kháng cho chúng ta thấy rõ uy tín của cụ trong toàn quốc. Vì « *Phụ nữ tân văn* » lúc bấy giờ là tờ tuần báo được đọc nhiều nhất, mà chẳng riêng chỉ ở Nam là nơi nó chào đời, mà cả Trung và Bắc.

Tài học của cụ thuộc vào hàng xuất chúng.

Đức hạnh của cụ như con đường thẳng sạch.

Thân thể, chí hướng của cụ đáng thương, đáng kính.

Người học trò của làng Thanh-bình (5), huyện Tiên-phước, tỉnh Quảng-nam này sớm nổi tiếng là hay chữ. Đậu Tiến sĩ năm giáp-thìn (1904),

(2) Tức là sân khấu nhà Hát Lớn Hà-nội biến thành trụ sở Quốc hội.

(3) Xin hiểu: miền Nam Trung-bộ chưa bị Pháp chiếm, tức: Nam, Ngãi, Bình, Phú.

(4) « *Phê-bình và Cáo-luận* ». — 1933.

(5) Nơi cụ sinh. Lúc bấy giờ, làng này thuộc phủ Tam-kỳ; sau thuộc huyện Tiên-phước, là một huyện mới.

trên đường vinh qui, cảnh cò, lộng, trống, chiêng, trẻ già đón rước, làng tổng chúc mừng không làm người thành đạt về đường công danh mơ mùi phú quý. Cảnh nước mắt, dân hèn sớm hun đúc người trai xứ Quảng này trên đường vì dân vì nước.

Cho nên miếng đỉnh chung tại cái Triều đình thui nát và sa đọa là Triều đình Huế không cảm dỗ được người khí khái ấy. Vinh qui bái tổ rồi, người Tiến sĩ khác đời này chỉ nằm nhà đề đọc tân thư từ nước Nhật duy tân, từ nước Tàu cách mạng đưa về.

Thời thế đã kích thích tâm chí, mà người bạn đồng hương là Phan-Chu-Trinh, người bạn cách trở và chưa gặp mặt là Phan-Bội-Châu lại càng thúc đẩy cụ bước vào đường hành động. Và cụ có con đường riêng của cụ, tuy không giống hai bạn chí thân vừa kể, song lại bổ túc đậm đà hai đường tưởng như đối chọi nhau của hai nhà chí sĩ họ Phan: không dựa nước bảo hộ làm cách mạng chánh trị, không nhờ nước ngoài lấy máu giành độc lập, mà tự sức mình làm sao cho trí dân được cao, lòng dân được sáng, sức dân dồi dào.

Cùng hai bạn đồng chí: Phan-Chu-Trinh, Trần-Quy-Cáp khởi hành một cuộc Nam du để tìm người, đề biết việc, đề cổ động cuộc duy tân.

Tuy mới tới Bình-thuận, phải trở về vì cụ Tây-Hồ bệnh nặng, song ba cụ đã đánh dấu cuộc đi chơi này bằng hai việc đáng ghi:

- tới Cam-ranh, giả làm kẻ bán hàng rong, mượn ghe cặp tàu chiến Nga đậu tại đó đứng nhìn, xem, tìm, hiểu;
- và trước đó, tới Bình-định, lợi dụng cơ hội, mượn cái tên giả là Đào-Mộng-Giác tung ra bài thơ «*Chí thành thông thành*» và bài

phú «*Danh sơn lương ngọc*», ảnh hưởng đến lớp sĩ phu không ít.

Về lại quê nhà, cụ cùng cụ Trần-Quy-Cáp bắt tay vào việc: tự cường, tự lập, vận động lập hội buôn, hội nông, hô hào lập trường học, cổ động con đường thực nghiệp, phong trào duy tân do cụ một phần lớn mà sôi nổi một thời ở miền Trung và gián tiếp giúp nhiều cho công cuộc cách mạng chánh trị và quyết giành độc lập của cụ Phan ở trong nước và của cụ Phan ở ngoài nước.

Hơn thế nữa, phong trào duy tân nhen nhúm từ vùng Ngũ-hành-sơn lại lan tràn khắp nước, ở Trung cũng như ngoài Bắc, trong Nam. Tinh thần mới, giáo dục mới, đời sống mới là những ngọn đuốc cháy bùng và được những cánh tay gân guốc giơ cao.

Đó là bốn phận của những ai yêu nước thương nòi; còn bốn phận của Chánh phủ Pháp bảo hộ và của Chánh phủ Nam tay sai thì là mau mau dập tắt.

Trước hết là «*Đông-kinh nghĩa thực*» bị đóng cửa. Như đề trả lời lại hành động khủng bố của kẻ cầm quyền, phong trào kháng sưu, chống thuế dậy lên ở hai tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi, và ở nhiều tỉnh khác của miền Trung, miền nghèo nhất, khổ nhất, mà cũng là miền can trường nhất của nước Việt. Người ta dùng máu, lửa và gông xiềng để dẹp. Cụ Phan-Chu-Trinh bị bắt, cụ Trần-Quy-Cáp bị hạ ngục, còn cụ thì bị nhà chức trách địa phương dòm ngó gắt gao.

Rồi một ngày kia (tháng hai năm Mậu thân: 1908), cụ có cái hân hạnh được tiếp quan đồn Phương-xá, có mười người lính tập đi theo, có quan lãnh binh với một viên thông ngôn, có cả tổng, lý, và được nghe lời mời đặc biệt: «*Có điện tin của quan Công-sứ ở Hội-an mời ông*».

Cụ khăn áo lên đường theo họ đi vào... ngục. Thân-sĩ trong tỉnh đã ở đó khá nhiều, có cả cụ Tiểu-La Nguyễn-Thành, bạn chí thiết của hai cụ Phan và người rất trọng yếu trong buổi mới, cũ gần nhau.

KIỆP TÙ

A.— Tù trong đất liền

Mới vào lao, cụ phải hai lần xúc động mạnh. Một là nghĩa cử của một người dân nghèo biết trong chốn lạt, hai là cái chết thảm thương và oan ức của một cố tri.

Ta hãy nghe cụ kể : (6)

— « Một bữa, người cai mang cơm trưa vào, lại có một gói thuốc hút và quả bánh, và đưa cho tôi một miếng giấy nói của một lão chài gửi. Tôi dở xem, thấy ra trong có vài hàng chữ :

« Nghe ông bị giam, người nhà ở xa (7), không ai ra thăm được. Tôi có ghe bán mắm ra bán ở phố đây, kính gửi vật quà thăm ông. Như ông có nhắn người nhà điều gì, tôi sẵn lòng chuyển đạt cho ».

« Dưới có mấy chữ lớn :

« Hòa-Thanh Lão-Phổ kính thư ».

« Xem xong, tôi lấy làm ngạc nhiên, không biết « Lão-Phổ » là người nào. Nghĩ ngẫm một hồi lâu mới nhớ ngày tháng 10 năm ngoái, cùng người bạn đi đò từ phố về Tam-kỳ, theo đường sông có ghé vào một cái nhà chài bên bờ sông nghỉ trưa, cùng chủ nhà là một ông già nói chuyện. Ông già có ý lưu luyến, nhưng tôi vì có việc, uống trà rồi từ đi không ở lại, có lẽ « Lão-Phổ » là bác chài này chăng ?

« Chiều, người cai lại đem cơm vào, tôi hỏi tung tích ông già đó, người cai nói : « Có lão ghe chài ra bán mắm đây được vài bữa, hỏi thăm biết

nhà tôi nấu cơm cho ông, ông lão tự xưng là bà con với ông, nên gửi đồ quà đó và không nói tên, dặn ông có hỏi chỉ nói năm ngoái có ghé nhà lão uống trà là được... »

« Bình sanh giao du bạn hữu, nơi nào cũng có, từ gặp cảnh hoạn nạn, phần đông người quen biết đều tránh xa, không dám lại gần. Trái lại, một lão chài, chỉ tình cờ biết nhau trong chốn lạt, mà bác chài ấy dùng phương kiếm nẻo để an ủi trong lúc buồn rầu. Rõ là người đời biết nhau, không nên xem tương bề ngoài nhỉ !

— « Trần-Quý-Cáp tiên sanh, hiệu Thái-Xuyên, bạn đồng song và đồng niên với tôi (người làng Bát-nhi, Quảng-nam, đỗ tấn sĩ khoa giáp-thìn, 1904). Bình sanh công học đường rất dày, đến một câu nói, một tiếng cười cũng không cầu thả, bạn đồng học đều kính tiên sanh như bậc trưởng giả.

(...) « Tấn kịch » dân xin xâu ở Nam-Nghĩa khởi lên, thân sĩ trong tỉnh phần đông bị bắt, tiên sanh ở Nha-trang cũng bị bắt giam. Quan tỉnh Khánh-hóa gạn hỏi, tiên sanh không chịu khuất. Án sát tỉnh ấy là Phạm..., một tay xảo hoạn giảo khoái, nóng lòng lập công, kết án « mặc tu hữu » (8) mà tiên sanh bước lên đoạn đầu đài (9). Tin sét đánh ấy truyền ra, sĩ dân cả nước đều thương tiếc tiên sanh mà căm tức cho kẻ độc thủ kia.

« Lúc tiên sanh đi nhậm chức giáo thụ Tân-định, tôi đưa đến Đà-nẵng ; khi lên tàu, tiên sanh ân cần ủy thác việc thương, việc học trong tỉnh. Khi tôi ở lao Quảng-nam, được hung tin tiên sanh, có bài thi khóc :

(6) Trong « *Thi từ tòng thoại* ».

(7) « Nhà tôi cách Hội-an (Faifo) đến hai ngày đường ».

(8) Không cần có tội danh gì (9).— Nam triều lên án « chém ngang lưng ».

« Thơ kiếm tiêu nhiên độc xuất môn,
Nhứt quan thác lạc vị thân tồn.
Trực lương tân học khai nô lũy,
Thùy tin dân quyền chủng họa còn.
Bồng đảo xuân phong huyền viễn
mộng,
Nha-trang thu thảo khắp anh hồn.
Khả liên nhứt biệt thành thiên cổ,
Đà-năng phân khâm tửu thượng ôn ?

DICH:

« Giuim, sách xăm xăm tách dăm miền,
Lâm quan vì mẹ hà vì liền. (9)
Quyết đem học mới thay nô kiếp,
Ai biết quyền dân nấy họa nguyên.
Bồng đảo gió chưa đưa giấc mộng, (10)
Nha-trang cỏ đã khóc hồn thiêng.
Chia tay chén rượu còn đương nóng,
Đà-năng đưa nhau lúc xuống thuyền. »

Còn cụ thì sống để lãnh cái tội cực kỳ to : « *Thông với người bội quốc, xướng thuyết dân quyền cùng các cuộc khai thương lập học* » và lãnh cái án hết sức nặng : « *xử tử phát Côn-lôn, ngộ xá bất nguyên.* »

Đây là bản án nguyên vẹn do chính cụ dịch ra (nhờ một bạn thân lên sao lại):

« Bọn Huỳnh, Phan, Nguyễn vẫn người trong khoa mục danh sắc, há không biết người bội quốc (11) là không nên theo sao? Nay Nguyễn-Thành thấy y tới nhà bèn mời Phan-Châu-Trinh, Huỳnh-Thúc-Kháng cùng nhau mật nghị. Kế đó, nghe y xuất dương, Phan-Thúc-Duyên, Lê-Bà-Trinh lại kết lập thương hội để ngầm tư trợ. Tuy ở trong thư từ qua lại bí mật không biết được, mà bằng theo công việc đã làm, bảo rằng không có dị chi, có thể tin được sao?

« Nay theo lời khai của Nguyễn-Tác-Hạ và bài thi có câu : « Thóa mạ lao lung » (12), gửi thư có câu : « cường quyền diện tự », mà diễn thuyết ở các trường học cũng có

câu : « lấy yêu đồng bào làm lòng chí », tuy trong vẫn có mấy giai đoạn khai trí trí sinh, tỉnh xa sùng kiếm, mà cốt lấy hai chữ dân quyền làm chủ nghĩa, mở mỗi bội vong cho nhân dân.

« Bằng theo công việc đã làm, thực tự Phan-Chu-Trình xướng ra mà các người kia phụ họa theo vậy. Hiện hạt nhân dân gây ra phiền động, chưa chắc không phải do cái thuyết dân quyền gây mối mà kích nhen.

« Vậy nên xét theo lúc bình nhật tham cùng chứng luận, xét nghĩ phân minh cho được thỏa đáng.

« Vả chẳng can về vụ ấy, xướng đầu
chẳng qua một vài người, còn thì có kẻ
biết mà không thú, có kẻ không biết mà
theo càn. Một mai tóm cả vào trong lưới
tội, Nhà nước có chỗ bắt nần.

« Vậy chiếu theo điều mưu bạn vị hành (13), Huỳnh-Thúc-Khang, Phan-Thúc-Duyệt, xin kết án đồng với Phan-Châu-Trinh :

« Xử tử đầy Côn-lôn, gặp xá
chẳng tha. »

Còn bọn Nguyễn-Thành mấy người
trọng 100, lưu 3.000 dặm, cải hạn khổ
sai 9 năm. »

Nửa thế kỷ qua, sống dưới chế độ Cộng hòa, ở thời nguyên tử, đọc lại bản án này, một bản án ghi trên giấy mực

(9) « Tiên sanh nhà nghèo, còn mẹ già. »

(10) « Tiên sanh có hồi bực toan Đông-dộ, nhưng vì nhà còn mẹ, nên thôi. »

(11) Chi cụ Phan-Bội-Châu

(12) Trong bài thơ « Chí thành thông thánh » của cụ Tây-Hồ, có câu :

« Trường thứ bá niên cam thỏa dạ,
« Cảnh trí hà nhật xuất lao lung.
(Trăm năm dài dãi, cam người mắng.
Chẳng biết ngày nào thoát ngục lồng.)

(13) Toàn hạn nghịch mà chưa làm.

rành rành, mà chẳng một lời tuyên án, (khiến « lúc ra ngoài đảo, quan Tây hỏi chúng tôi can án gì, chúng tôi thưa: « Không nghe tuyên án », cả người Tây đều cười rộ và tỏ ý ngạc nhiên!) chúng ta sao khỏi nhẩn mày mà để rơi ba tiếng: « Ôi! Công lý! »

Thì chúng ta có lạ gì khi biết xem xong bản án « lịch sử » này, con người thẳng thắn ấy chẳng lộ nổi bất bình cùng chua cay. Bài thơ cảm tác dưới đây nói nhiều về hai điểm ấy:

« Vô quốc hà năng bội,
Ngu dân khĩ hữu huyền.
Hiệp thương thành họa trọng,
Giảng học bị can liên.
Bình-định (14) danh sơn phú,
Cam-ranh ngoại quốc thuyền.
Viên thư như phát bố,
Đương tác hữu biên niên... »

Nổi bất bình, giọng chua cay ấy, bản dịch giữ vẹn nguyên, cũng nhờ chính tay tác giả dịch:

« Không nước sao rằng bội,
Dân ngu há có gầy.
Hiệp thương gây mối họa,
Dạy học cũng can liên.
Bình-định cùng làm phú,
Cam-ranh muốn vượt thuyền.
Án văn như phát bố,
Truyện tớ có đời truyền... »

Câu chót thật là « xỏ ngọt » chánh quyền quá mức. Cái án bất hủ ấy nhờ câu thơ này mà thành bất tử: còn nhắc đến Công-ly của thực dân mù quáng, của phong kiến lỗi thời, của độc tài ngu muội, là người nước Việt không quên câu thơ chua cay lạ thường đó.

Xử tử! Đây Côn-lôn! Không được hưởng ân xá!

Năm mươi năm chẵn vừa qua, đọc lại những lời tàn nhẫn, quá quắt, hẳn

học này, chúng ta giờ chẳng biết nên cười khinh hay nên khóc hận.

Riêng người trong cuộc, người tù chánh trị đã đỡ ông Nghè, Huỳnh-Thúc-Kháng tiên sanh, thần nhiên và tin tưởng gởi lại anh em bài hát lưu biệt này, bài hát mà ai nhớ đến cái án kỷ cục kia cũng phải nhớ:

« Trăng trên trời khi tròn khi khuyết,
Người ở đời đâu khỏi tuyết gian nan.
Đấng trượng phu tùy ngộ nhì an,
Tổ hoạn nạn hành hồ hoạn nạn.
Tiền lộ định tri thiên hữu nhân,
Thần tiêu du hứa mộng hoàn gia.
Mấy nhiều năm vẫn chưa già,
Nọ núi Ấn, này sông Đà,
Non sông ấy còn chờ ta thêu dệt.
Kìa tự tán chẳng qua là tiêu biệt.
Ngựa Tái-ông họa phúc biết về đâu?
Một mai kia con Tào khéo cơ cầu,
Thấy bốn bề cũng trong bầu trời
đất cả,
Ư bách niên trung tu hữu ngã,
Đầu đến lúc núi sụp biển lùi, trời
nghiêng đất ngã,
Tấm lòng vàng tác đá vẫn chưa mòn.
Trăng kia khuyết đó lại tròn ».

B. — Tù ngoài đảo vắng

Sau đó là mười ba năm trời giữa nơi trời nước mịt mùng: đảo Côn-lôn trở thành quê hương thứ hai. Mười ba năm đập đá giữa biển trời ấy để lại cho chúng ta một gia tài quý giá vô ngần, đó là tập « Thi tù tùng thoại », chép chuyện đời tù và thơ trong tù. Mà những « tên tù chánh trị » ấy là một phần tinh hoa của dân tộc, dư tinh thần bất khuất, thừa chữ rộng nghĩa sâu, mà thiếu hẳn vận may: Tây-Hồ Phan-Chu-Trinh, Tiểu-La Nguyễn-Thành, Thái-Sơn Đặng-Nguyên-Cần, Lâm-Ngu Lê-Văn-Huân, Tập-Xuyến Ngô-Đức-Kể, Hi-Cao Nguyễn-

(14) Có sách chép « Bàn quận ».

Đình-Kiên, Nguyễn-Quyền, Lê-Đại, Võ-Hoành, Trần-Kỳ-Phong, Dương-Bá-Trạc...

đập đá trong vòng sau khám, ít làm sân ngoài.

Còn-lớn năm 1958 vẫn còn là chỗ tù đầy, song người tù chánh trị giờ đây ở Côn đảo có đọc lại đoạn này hẳn thấy mình sung sướng hơn những bạn « đồng nghiệp » mình, năm chục năm về trước :

« Có một việc mà chúng tôi trọn đời không quên được. Nguyên xâu trong tù thì đập đá là công việc nhẹ nhứt. Chúng tôi mới lại tháng đầu, còn bị cấm cố trong khám, thường ngày ma tà dẫn ra cùng bọn tù kia đập đá sau « banh » (bagne). Bọn tù kia nó đập đá dễ dàng làm sao ! Vô luận viên đá lớn nhỏ, cầm búa đập xuống là rã ra từng miếng, trong chốc lát đã thấy đồng đá đập rồi chất đống. Duy có « tụi quan to » chúng tôi thì ra sức khổ mà viên đá không chịu bể. Đến viên đá con con mà rút cả thần lực đập luôn năm, bảy búa, nó vẫn cứng cỏi, không thêm bể, mới nực cười cho chớ !

« Đồ ăn đựng bằng sắt Tây, lon nhỏ đựng cơm, mắm, cá, thịt, thùng lớn đựng canh ; dùng thớt sắt Tây này tiện lợi được cái không mẻ sứt. Khi ăn cứ 7 người một khúm, 7 cái lon, 7 đôi đũa, 1 lon khô nấu, 1 lon nước mắm, 1 thùng canh hoặc rau, 1 thùng cơm. Cơm lúc, gạo xay không giả, đồ ăn thì cá kho và canh là món ăn độc nhứt quanh năm, thỉnh thoảng có bữa thịt, mỗi tuần một lần. Trong mấy bài tập vịnh của tôi, có bài :

« Vì cái cơ đó, cái tiếng « quan to hèn » thành ra câu nhạo trong làng tù, thường bị các chủ ma tà mắng nhiếc luôn.

« Khô ngư hàm ư diêm,
Thô phạm hắc như thiết,
Thất nhân cộng nhứt bàn,
Tịch địa tứ thao thiết ».

« Không những thế, « tụi quan to » có cái túi văn chương, bình nhật ngạo nghễ với đời đã thành thói quen, dầu ở trong cảnh tù tội mà thói ngạo ấy không chữa, tự nhiên có hồi phát lộ, gia dĩ đối với gác đàn (gardien), ma tà, chưa quen cái lối ẩn nói thù phụng bợ đỡ như bọn tù kia (trong tù đối với ma tà, xưng hô cũng theo giai cấp như quan trường, thừa bẩm sai là đã sanh giặc ; như Cai thì gọi bằng « chú », Đội gọi bằng « thầy », Quản thì bẩm « ông » v. v... Bởi có cái tượng hình đó, các nhà bác ma tà cho « tụi quan to » là vô lễ). Một ngày nọ, có một chủ ma tà nhỏ tuổi coi xâu đập đá, thấy « tụi quan to » đập đá ươn quá, tay cầm cây roi mây đi tự đầu này đến đầu kia hỏi từng người :

DỊCH

« Cá khô mặn như muối,
Cơm lúc đen như sắt.
Bảy người chung một mắm,
Ngồi lết cử xực gặt ».

Ăn như thế, còn làm thì sao ?

« Công việc trong tù, đều có phân từng sở, có sở nhứt định, có sở tạp dịch. Sở nhứt định như thợ hồ, thợ mộc, thợ rèn, hàm gạch, sở rẫy v.v..., những sở này thường cất bọn khổ sai có kỷ hạn và tội án nhẹ ra làm. Còn tạp dịch thì bất thường, nay xâu này, mai xâu khác, có việc thì bắt làm, như xe đá, dọn tàu, đốn củi v.v... Án nặng chung thân thường cấm cố và

« — Mày cái gì ?
« — Bẩm Cử nhân.
« Chú cho một roi.
« — Còn lão này là cái gì ?
« — Bẩm Tấn-sĩ.
« Khi bẩm có bộ cười, chủ ta cũng cho một roi khá đau và bảo :

« Mày ăn nói vô lễ, cho một roi từ rày về sau biết tay tao ! »

« Rồi Ấm-sanh, Tú-tài đều được ngọn roi ấy, duy có người xưng Chánh tổng được khỏi roi (người trong Nam không biết khoa giáp là gì, nên trọng chánh, phó tổng hơn),

« Tôi có bài thi :

« Tấn sĩ nhĩ hà vật,
Ngôn ngữ thái ngạo mạn.
Tặng nhĩ nhứt trường tiên,
Sử tri ngã thủ đoạn ! »

DỊCH

« Tấn sĩ là cái gì,
Ăn nói rất vô lễ.
Cho mày một ngọn roi,
Mày biết tay tao nhé ! »

« Bài tứ tuyệt trên là ứng khẩu đọc ra mà anh em trong tù truyền làm câu giai thoại thường lặp đi lặp lại luôn ».

Mười ba năm cay đắng rồi cũng trôi qua, thỉnh thoảng điếm vài cơn sóng, gió : gặp lại cụ Tây-Hồ, binh dịch cướp đôi đồng chí, một theo báo Tàu xuất bản ở Xiêm cho biết năm, ba việc quan trọng ở quê nhà, tin Ngự-Hải Đăng-Thế-Thân, cánh tay mặt của cụ Sào-Nam ở trong nước, tự sát để khỏi bị bắt, cuộc ám sát viên xếp tù người Pháp, cuộc làm thơ kỷ niệm « Ngày này năm ngoái đến Côn-lôn », tin Chánh-phủ Nhật trục xuất phái Việt-nam Đông học, tin Đại chiến thế giới bùng nổ, cái chết của một số đồng chí vì bệnh, vì uất, học chữ Pháp, được làm ở phòng giấy, dạy học chữ Hán, học nghề làm đôi mồi, tù trốn, tù bị bắt về, làm chủ tiệm buôn nho nhỏ, đi làm ruộng... Song cảm động chung cho tất cả có lẽ là : cách mười năm không được một chữ cho nhau, bỗng được

đọc bài thơ của cụ Sào-Nam, khi cụ đi tàu từ Nhật sang Xiêm, ngang qua đảo Côn-lôn, cảm tác :

« Thủ vật kinh ngô nhĩ,
Thê nhiên ám đoạn hồn,
Binh sanh du lịch biển,
Vị đắc đảo Côn-lôn. »

DỊCH

« Vật gì ghê tận thê,
Mắt thấy đã kinh hồn !
Binh sanh du lịch khắp,
Chưa được đến Côn-lôn. »

Nhưng đã đến Côn-lôn thì có ngày phải già từ. Mười ba năm xa quê hương, rồi cảnh tượng chiêm bao hóa thành sự thực. Núi cũ, sông xưa, bà con làng xóm, vợ quí, con yêu... Người tù về trước hạn ngủi ngủi ghi một bài tuyệt cú :

« Hà sơn tân khí bán tiêu trầm,
Lãnh khản nhân tình phán tích kim.
Cự sự thê lương đàm bất tận,
Thê nhĩ hoàn tọa ngũ canh thâm. »

DỊCH

« Non sông khi mới khéo chìm ngằm,
Ấm lạnh nhân tình khác mấy dằm !
Chuyện cũ lạnh lùng không nói hết,
Vợ con ngồi kể suốt canh năm. »

Thú gia đình đoàn tụ, cảnh ruộng lúa vườn chè, với ít học trò ngoan ngoãn cũng chẳng đủ sức cầm người « nào sợ cái Côn-lôn ».

(Còn nữa)

Gác « Nhìn lên », một tối mong mưa của mùa nóng gát 1958.

NGUYỄN-HỮU-NGƯ

BÁCH KHOA XXXIII

NGƯỜI MỸ ĐẦU TIÊN TỚI VIỆT - NAM

Thái-văn-Kiểm

THẸO các tài liệu ghi trong sử sách của ta, từ thế kỷ thứ 17 đã có nhiều người ngoại quốc qua lại Việt-Nam buôn bán. Tại Hội-An (Faifoo) thuộc Quảng-Nam, người Bồ-Đào-Nha đã tới trước tiên mở hàng buôn bán; tiếp theo là người Hòa-Lan đến Phố-Hiến (1637).

Với người Hoa-Kỳ, cuộc tiếp xúc chính thức đầu tiên đã có từ năm 1832 dưới triều Minh-Mạng. Khi Tổng Thống Jackson còn chèo lái con thuyền Hợp-chúng-Quốc, một phái đoàn thương mại gồm có Nghĩa Đức-Môn-La-Bách (Edmund Roberts) và Đức-Giai-Tâm-Gia (Georges Thompson) tới Việt-Nam. Tuy nhiên theo một sử liệu, người Mỹ đầu tiên tới nước ta không phải là Nghĩa-Đức-Môn-La-Bách mà là John White, năm 1819 đã đến tận Saigon tìm thị trường thương mại.

John White (Hôn-Viết) sinh năm 1782 ở Marblehead thuộc tiểu bang Massa-

chusetts và mất tại Boston vào năm 1840. Ông có viết một cuốn sách về hành trình của ông nhan đề là « HÀNH TRÌNH QUA NAM VIỆT » (Voyage en Cochinchine) nhưng kỳ xuất bản ở Boston vào năm 1823 lại mang một tên khác là CÂU CHUYỆN VỀ CUỘC HÀNH TRÌNH TRONG NAM HẢI (Histoire d'un voyage dans la mer de Chine). Cuốn sách này gồm có 21 chương nói đầy đủ về hành trình của ông, nhưng từ chương 4, 5' trở đi, tác giả cuốn sách mới đề cập rõ ràng các cuộc tiếp xúc với dân Việt, quan lại ở nước ta cùng phong tục thời bấy giờ.

Nhận xét kỹ, cuốn sách này viết không có chi là đáng kể về phương diện văn chương, vì chỉ kể những điều mắt thấy tai nghe, một cách rất tỉ mỉ, mặc dầu có nhiều chỗ không được đúng lắm.

Dù sao qua các trang sách, ta hiểu thêm được cổ đô Saigon. Ngay cả đến sự tiếp tân, phong tục và y phục thường dân, thuế thức thuế vụ, giá biểu hàng hóa, đời sống nhân dân là những điểm tác giả tỏ ra đặc biệt lưu ý. Để tìm hiểu một sử liệu quý giá, dưới đây là những điều viết trong cuốn « HÀNH TRÌNH QUA NAM VIỆT ».

Lần lượt qua từng chương, John White cho biết ông từ giả đất Hoa Kỳ vào thứ bảy 2-1-1819 và đã đặt chân lên nhiều nơi như Batavia, Banka, Muntok, Sumatra, đảo Poulo Obi và Côn Sơn (Poulo Condore).

Nói về đảo Côn Sơn, Ông cho biết đó là một nơi thật nghèo nàn, đầy rẫy rết và nước độc. Dân cư ở chỉ lều tều có vài chiếc nhà lá lụp sụp. Từ Côn Sơn, tác giả tới Vũng Tàu (Cap Saint Jacques), một vịnh hình bán nguyệt nên thơ, làng mạc nằm dưới chân núi.

Ngày hôm sau, tàu của Ông đậu gần bờ và bắt đầu liên lạc với dân cư. Vị quan cai trị ở đó dùng tiếng Bồ-Đào-Nha bảo thuyền trưởng nộp một bản danh sách nhân viên trên thuyền cùng vũ khí mang theo và số hàng hóa chở. Một lát sau, một chiến thuyền Việt, cò xí cắm dấy, tiến tới tàu của J. White và cho hay phải đợi phép của vị Tổng Trấn miền Nam mới được ngược dòng sông Đồng-Nai. Nói về cử chỉ của các quan ta thời đó, ông cho biết là toàn thể rất nghiêm chỉnh, móng tay để dài và vận triều phục. Quà biếu của White dành cho vị chỉ huy chiếc chiến thuyền Việt là một chiếc sơ mi, một khăn tay, một đôi giày.

Theo sự chỉ dẫn của vị quan triều đình, John White viếng làng Cần-Giờ và nhận thấy nơi này thiếu vệ sinh, dân cư sống nghèo nàn. Sau khi dùng cơm với vị chỉ huy chiến thuyền Việt, John White mời vị này xuống tàu của ông coi những hàng hóa lạ như ống dòm, súng đạn, vải điều, rượu, giấy dếp.

Trong khi lên boong tàu hướng dẫn thượng khách, John White được dịp nhận xét cách thức chèo thuyền của người Việt vì trong chương thứ 5 có viết như sau :

« Tôi khâm phục cách thức điều khiển các thuyền rất khéo léo của người Việt. Mái chèo của họ (người Việt) dài và dẻo, theo tôi cần đối hơn mái chèo của chúng ta. Họ chèo thật nhịp nhàng theo điệu hò có tiết tấu mà sau đó, tôi mới hiểu được nghĩa ».

Sau một thời gian chờ đợi khá lâu, John White được rõ là nhà vua hiện đang ở Huế và các vị quan triều đình không thể cho phép ông ngược giòng sông Đồng-Nai vào Saigon. Vì lý do này, Ông phải dời Cần-Giờ ra Đà Nẵng vào đúng ngày 13-6-1819. Ngày 17-6-1819, John White cho tàu bỏ neo tại Cù lao Chàm và sau đó tàu tới Faifoo với cảnh lạ của thị trấn cùng dấy Ngũ-Hành-Sơn. Tới vịnh Tourane, sau khi bắn 5 phát thần công, John White được 3 vị thượng quan đến kiểm soát thương thuyền. Sự tiếp xúc bằng lối bút đàm và theo như White đã ghi trong sách, vị quan đã dùng la tinh với khách lạ và cũng nhờ có sẵn một căn bản bằng ngôn ngữ này, White mới hiểu biết qua về lịch sử Việt-Nam thời đó. Tả cảnh vịnh, người khách thương

từ Hợp-Chúng-Quốc tới có cho hay nơi này là một hải cảng thiên nhiên đẹp nhất hoàn cầu, tàu bè đậu không sợ gió lớn. Trông coi địa điểm có hai đồn lũy khá kiên cố xây dựng với sự tham gia của kỹ sư Âu.

Qua chương 7-8-9-10, John White cho biết vì lý do riêng phải qua Phi Luật-Tân và hồi đó còn một chiếc tàu Hoa Kỳ nữa tên là MARMION từ Boston với Việt Nam do OLIVIER BLANCHARD chỉ huy, nhưng vì không mang theo tiền Bồ Đào Nha nên chẳng buôn bán gì được với Việt Nam.

Ngày 6-9 năm đó, cả hai chiếc thương thuyền Franklin (do White chỉ huy) và MARMION trở lại Việt Nam sau khi gặp nhau ở Phi Luật Tân.

Ngày 25-9, John White cho tàu đậu ở Vũng tàu và trong khi chờ đợi giấy phép, đã vào rừng Sát săn bắn. Ông nói rõ đó là một khoảng đất bùn đen thật rộng, cây cối mọc thật thưa thớt như những cành san hô không lồ.

Châu chực một thời gian ngắn, ông được phép lên Saigon. Nhà đương cuộc Việt-Nam tiếp đãi ông rất lịch sự, cho thuyền ông ngược Saigon để mua bán đồ vật và đóng thuế vụ tương đối thật nhẹ.

Ở chương 12, John White cho biết khi ngược dòng Đồng-Nai có gặp một ủy viên hàng hải khám xét tàu, ghi tên số lượng khí giới, danh sách nhân viên lập tới 13 bản, bắt John White ký 4 bản gởi lên vua ở Huế, còn các bản còn lại thì gửi cho những sở liên hệ.

Trong hành trình lên Saigon, John White có dịp nhận xét thêm cảnh vật. Đứng xa là dãy núi Baria màu lam nổi lên nền trời với những đám khí ở rừng, chim chóc đủ loại, muối nhiều và cá sấu cũng lắm. Mãi tới ngày 7-10, John White mới tới Saigon. Tác giả cuốn sách « HÀNH TRÌNH QUA NAM VIỆT » đã viết như sau :

« Nhà cửa nơi đây sạch sẽ hơn Cần-giờ với những thửa vườn trồng trọt cau, dừa. Thỉnh thoảng lại có một vài đàn trâu với cỏ, phía xa một rừng cột buồm.

Sông rộng chừng 500m. Viên thông ngôn chỉ cho tôi cửa vào thành, trên đó có một cột cờ. Phía bên kia bờ, một vài thuyền Thái đang neo. Nhiều chiếc đồ con do đàn bà chèo lái lướt qua lướt lại coi thật ngoạn mục. Họ ăn mặc rất thanh nhã làm cho tôi ngạc nhiên. Dọc hai bờ sông, tôi thấy bức tường thành rêu phong cũ kỹ, lau sậy mọc lan tràn ».

Tới nơi đậu, vừa buông neo, các quan đã tới khám xét. Nói tiếng Y-Pha-Nho rất giỏi. những vị quan triều đình lịch thiệp mời John White lên thăm tỉnh thành. Đoạn ghi dưới đây là lời tác giả :

« Nhà cửa lúc bấy giờ cũng tương tự như nhà cửa thôn quê ta hiện nay vì cất trên sinh phải có cầu nhỏ đi lại. Nước uống là nước mưa đựng trong các thạp, đâu đâu cũng có mùi nước nằm phảng phất. Con nít phần đông đều gầy. Bữa ăn của dân chúng gồm

có cơm, thịt gà, vịt kho hay xào, cháo và đồ ngọt. Dân chúng ăn bằng đũa và dùng lồng nhím để xâu thịt. Họ cùng chấm chung một chén nước mắm. Đồ uống là trà Huế và rượu đế. Nhà giàu thì uống trà Tàu.

Gia súc nuôi là chó, gà, heo thả rông. Đàn bà bàn bạc rất nhiều về khách lạ, thăm dò giá cả hàng hóa.»

Về đến thuyền của mình sau cuộc du ngoạn, tác giả cuốn sách nói trên còn khâm phục cách chèo đò của người Việt, nhận thấy cam cùng bánh nếp nhân dừa của ta ăn rất ngon vân vân...

Ngày 9-10, John White đem phẩm vật lên yết kiến ông Quyền Tổng Trấn. Tặng vật gồm 4 cây đèn có bóng tròn đục, 4 chai đựng rượu có chạm trổ, nước hoa, đủ thứ rượu và một hộp trầu chạm rất khéo (chương 13-14).

Theo con đường thật rộng thẳng, John White đến cổng thành cùng với Putnam, Bessel một thủy thủ giỏi tiếng Bồ, Joachim viên hoa tiêu người Bồ. Hai bên đường là những căn nhà khá giả, bằng gỗ lợp ngói.

Khi dờn cái giốc thoải thoải trồng cây um tùm, John White vượt hào vào thành. Nơi đây là một chiến lũy đồ sộ với tường cao chừng 7 thước vây một khoảng đất rộng 5 cây số, mỗi bề 1.200 mét. Đó là dinh thự của ông Tổng Trấn và các võ quan cao cấp. Doanh trại có thể chứa được chừng 5 vạn lính.

Hành cung được xây cất ở giữa một thảm cỏ thật đẹp chừng 800 m² có rào cao. Nơi đây được dùng để giữ ấn kiếm và văn kiện.

Cách đó không xa là dinh Quyền Tổng Trấn, một căn nhà vuông vắn với một sân rộng có bình phong che. Giữa nhà kê một sập gụ. Vị Tổng Trấn là một người có tuổi, đáng điệu thận trọng, cử chỉ ngôn ngữ rất lịch sự. Sau nghi lễ giới thiệu, vị quan này mời John White cùng các bạn của ông ta ngồi và tỏ vẻ hài lòng khi nhìn những tặng vật mà vị khách thương đã từ xa mang tới. Câu chuyện bắt đầu bằng sự hỏi thăm sức khỏe khách lạ, một vài điều sơ lược về địa dư Hoa-Kỳ, mục đích của phái đoàn và cuối cùng vị quan triều đình hứa sẽ dành nhiều sự dễ dàng cho John White. Sau cuộc yết kiến, vị Tổng Trấn mời John White dạo thăm tỉnh thành.

Gần cửa Nam của cố thành là một kho chứa chừng 250 đại bác đủ cỡ, đúc bằng đồng do người Tây Phương phụ trách. Các cỗ pháo đều được đặt lên giá gỗ và trong đồng vũ khí này, John White nhận thấy có nhiều cỗ súng đúc từ đời vua Louis XIV. Cửa thành bốn mặt đều làm bằng gỗ thật dày và đóng thêm thanh sắt cho chắc chắn theo lối Tây Phương. Mỗi cửa lại có một vọng gác.

Phía cửa Tây là nghĩa địa các quan theo kiểu Tàu. Bia đá dựng làm mộ chỉ có khắc chạm một cách thô sơ. Về phía Đông Bắc có 6 căn nhà 50m x 24m, lợp ngói tráng men. Đó là kho khí giới, lương thực và quân nhu. Lính tráng ở trong những căn nhà lá lợp xúp với gia đình riêng.

Cách nơi này không xa một đoàn chiến tượng (voi chiến) đang ăn cỏ. John White lại còn chú ý đến cả giá thực

phẩm nữa và ghi đủ giá thịt, cá, khoai, trái cây vân vân... Chương 15 trong cuốn sách của John White được coi là quan hệ hơn cả. Đó là phần nói thật kỹ về Saigon. Dưới đây là những hàng trích dịch của chương này :

« Dân số Saigon có chừng 18 vạn với 1 vạn Hoa Kiều trú ngụ. Đường sá thẳng như bàn cờ và phần đông rất rộng. Phía Tây thành phố có hai ngôi chùa Tàu và các kiến trúc tôn giáo người Việt cũng khá nhiều. Giữa thành phố, một nhà thờ Thiên chúa giáo xây dựng dưới quyền cai quản của một cha truyền giáo người Ý cùng mấy chục thầy dòng và tín đồ. Theo như tôi được biết có chừng 16.000 dân theo đạo này. Chính giữa thành, gần bờ sông là một dãy phố rất đẹp. Nơi này dùng làm kho lương chứa lúa của nhà vua mà hồi đó sự xuất cảng bị cấm ngặt. Mỗi chiếc tàu chỉ được mang đủ khẩu phần cần thiết cho thủy thủ căn cứ vào thời gian lâu hay chóng của cuộc hành trình. Về phía Bắc của thành là một nghĩa địa rộng lớn có nhiều mồ mả. Chung quanh nơi này trồng rất nhiều cây đại.

Bên bờ kinh Thị-Nghè là một thủy binh xưởng.

Nước Việt phải hãnh diện đã thiết lập được một cơ sở như vậy không kém gì các cường quốc trên thế giới.

Chừng 150 chiến thuyền được cất trong xưởng, dài từ 20 đến 40m. Vô khí các chiến thuyền gồm có 16 khẩu thần công bắn đạn nặng 3 kg. Có nhiều chiếc trang trí rất đẹp chạm trổ khéo léo, sơn son thếp vàng coi rất ngoạn mục.

Người Việt-Nam chắc phải là những người khéo về ngành thiết trí hàng hải.

Saigon xưa chỉ gồm ở khoảng đất phía Tây của thành phố hiện tại. Người ta quen gọi là Saigon cũ. Nhiều di tích cổ với nền kiến trúc đặc biệt còn tồn tại. Vòng thành và xưởng đóng tàu của hải quân, một vài trại lính pháo thủ được xây cất trên khoảng đất ở về phía Đông.

Khi tới nơi, vị Tổng Trấn vừa khánh thành xong 3 con kênh Vĩnh-Tế, Bảo-Định và An-Thông. Tính ra công tác mất một tháng rưỡi xuyên qua đầm và sinh lầy. Sâu chừng 6m rộng 30m, 26.000 dân phu đã thay phiên nhau đào kênh suốt ngày đêm và 7 ngàn người đã thiệt mạng vì bệnh hoạn và kiệt sức.

Thành Saigon chiếm một vị trí quân sự thuận lợi, có một đạo binh tinh nhuệ tổ chức theo lối Âu Tây. Vòng thành là hào sâu và trong các thôn xóm, qua lại phải dùng những chiếc cầu khỉ. »

Cuối chương, John White nói về những thứ đồ mà Việt-Nam sản xuất, khí hậu và thú vật. Về tiền tệ, vị khách thương cũng có đề cập rõ ràng Ta hãy đọc những hàng sau đây nó về tiền tệ :

« Bản vị tiền tệ của Việt-Nam là tiền đồng. Tiền là một miếng đồng bạch kẽm hay thau hình tròn với một lỗ vuông chính ở giữa. Cứ 60 đồng là 1 tiền, 600 đồng là 1 quan. Họ không có ngân hàng nên có tật chôn dấu tiền xuống đất nên tiền mau hư

hồng. Hơn nữa, thứ tiền này rất nặng khó chuyên chở. Họ còn dùng bạc và vàng nén và tính theo thời giá, một nén bạc giá từ 27 đến 32 quan. Trên nén bạc có ghi niên hiệu của Triều vua. Giá vàng gấp đôi giá bạc».

Nói về chính trị, ông còn viết :

« Xứ Đồng Nai đặt dưới quyền cai trị của một vị Tổng Trấn trông nom việc tài phán. Cứ mỗi ngành hành chính, quân sự, hay kinh tế lại có một ông quan coi sóc. Mỗi khu phố đứng đầu có ông Trưởng phố chọn trong số những người đứng đầu nhất. Trưởng phố có quyền tài phán và chịu trách nhiệm trật tự an ninh của khu phố về phương diện pháp luật ».

Chương cuối cùng trong sách của John White còn nói đến sự vận tải ở Saigon hồi bấy giờ như vống cồng, voi ngựa vân vân... Trước khi kết thúc cuốn sách về « HÀNH TRÌNH QUA VIỆT

NAM » tác giả không quên tả một cuộc biểu diễn hải quân :

« Một sáng tinh sương, đoàn chiến thuyền chừng 50 chiếc biểu diễn trên sông Thị Nghè. Đi đầu là thuyền của vị Tổng Trấn dài chừng 20m với 18 mái chèo. Mái và hông thuyền trang trí rất đẹp màu vàng son chói lọi. Sau thuyền ông Tổng Trấn là một đoàn thuyền cũng chạm trổ sơn son thếp vàng cờ xí, khí giới rất ngoạn mục. Thật là cuộc thao diễn rầm rộ và vĩ đại ».



Ngày 30-1-1820, John White từ giả Saigon với những kỷ niệm tốt đẹp sau 20 tháng xa quê hương. Qua tác phẩm của ông, ta được biết ngoài những nét đặc biệt của Saigon hồi thế kỷ thứ 19, tâm trạng của người Mỹ đầu tiên đã đến nước Việt Nam.

THÁI-VĂN-KIỆM

Cái tai hại khi bọn tiểu nhân nắm chính sự

Bực quốc trưởng, chỉ vụ việc vợ vét tài sản quốc dân, lỗi tất do tại bọn tiểu nhân đã được tin dùng là hạng người lương thiện. Khi bọn tiểu nhân nắm được việc hành sự chủ quyền quốc gia, tai vạ và tổn hại tất nhiên phải tới. Bấy giờ dù có còn những bực chán thiện nữa, cơ đồ cũng không sao cứu vãn được.

ĐẠI-HỌC



LƯỢC ĐÀN TRUYỆN THỦY HỬ

Sưu tầm và phê phán;
NGUYỄN-HUY-KHÁNH

(Tiếp theo)

— II —

CHÚT ÍT SỬ LIỆU

CHUYỆN Tống-Giang và Lương-Sơn-Bạc là chuyện có thật trên lịch sử, chứ không phải là chuyện bịa như một số truyện Trung-Hoa khác. Nhưng, có điều đáng tiếc là những tài liệu lịch sử về phong

trào này rất hiếm hoi và thường là sai sự thật. Điều này có thể nói là rất phổ biến trong lịch sử của các nước phong kiến : những cuộc khởi nghĩa của dân chúng đều bị các sử gia của triều đình nhận chìm mất, và nếu khi nào không thể không nói tới được, thì họ chỉ đề cập đến một cách

hết sức văn tắt và dĩ nhiên là với giọng phi báng, khinh miệt.

Những tài liệu về phong trào Lương-Sơn-Bạc và Tống-Giang cũng nằm trong trường hợp đó. Tuy nhiên, thà ít còn hơn không. Vì thế, chúng tôi cố gắng thu thập một vài tài liệu lẻ tẻ rải rác trong ít bộ sử trình bày ra đây để chúng ta cùng nhận xét.



CUỘC khởi nghĩa của nhóm Lương-Sơn-Bạc bùng nổ năm Tuyên-Hòa thứ 3 đời Tống-Huy-Tông (1122 sau T.C) với khẩu hiệu « thể thiên hành đạo », biểu lộ ý chí không công nhận triều đình nhà Tống của họ.

Dưới tình thế nào mà đã phát sanh cuộc nổi dậy lớn lao đó ?

Như chúng ta đã biết, triều đình nhà Tống thường bị quân xâm lược ngoại tộc uy hiếp và lãnh nhục nặng nề.

Trước cuộc khởi nghĩa Lương-Sơn-Bạc, mỗi năm nhà Bắc-Tống đều phải mang châu báu ngọc ngà sang Khiết-Đôn (Liêu), Tây-Hạ, Nữ-Chân (Kim) triều cống. Tỉ như : đối với Khiết-Đôn, mỗi năm phải tấn cống « 20 vạn cây lụa, 10 vạn lượng vàng ». Những sản vật đó dĩ nhiên đều do vợ vét mồ hôi nước mắt của dân chúng mà có.

Nhưng, sự đóng góp của dân chúng nào phải chỉ hạn chế có bấy nhiêu. Ngoài việc cung cấp cho triều đình để làm cống phẩm đưa ra nước ngoài, dân chúng còn phải thỏa mãn đầy đủ các nhu cầu xa hoa

phung phí của hoàng thất và trăm quan. Ba bốn tầng bóc lột chồng chất lên vai người dân lành gầy yếu : vua, quan, đại tộc, cường hào thì nhau mà vắt lấy xương tủy của trăm họ. Tình trạng bị đất đến nỗi một danh thần nhà Tống, Tư-Mã-Quang, còn phải nhìn nhận rằng : « Những năm may mắn nhất, không bị « hạn hán, bão lụt, cào cào, v.v..., thì « dân chúng lại phải gồng gánh hằng chục « thứ đảm phụ, nào thuế khóa, sưu dịch, « quốc trái, công thái, v.v... Kể vợ qua, « người vét lại, tha hồ mà bóc lột. Nên « chi, thóc chưa vào bồ, vải chưa xuống « khuôn là đã lọt vào tay kẻ khác ».

Bên cạnh cuộc đời cơ cực, lầm than của bá tánh là cả một thế giới truy hoan, phê phỡn của vua quan, hào tộc.

Tiêu biểu cho cái xã hội sa đọa đó là ông vua « chân mạng thiên tử ».

Trong cung điện của nhà Tống, mỗi năm phải dùng đến 30 vạn cây đèn sáp. Chỉ mỗi một đám cưới của một vị công chúa cũng phải xài đến 70 vạn quan tiền. Cũng cần nên biết thời bấy giờ, kẻ nào gia tài được một vạn (vạn hộ) là giàu sang đệ nhất thiên hạ rồi. Thường thì chỉ được một trăm hay ngàn quan (bá hộ hoặc thiên hộ). Như thế, bảy chục vạn tức là bằng bảy chục gia tài không lồ ! Một đám cưới mà phải tốn đến bảy chục gia tài, ầu cũng là chuyện thế gian hi hữu vậy !

Quan lại thì phần nhiều tham nhũng, đục khoét của dân, hoang dâm xa xỉ. Tỉ như vị Tề tướng Vương-Phụ-Đích đời Tống-Huy-Tông. Lão ta có tật thích ăn chim sẻ, thế là trong dinh phải dành ba gian nhà lớn để chỉ nuôi loại chim ấy.

Nhưng, chưa hết !

Bấy giờ, hoàng đế rất thích kỳ hoa dị thạch. Tức thì, triều đình phải đặt ra một chức quan gọi là « Hoa-Thạch Cương » để chuyên lo tìm kiếm các loại đá hoa kỳ lạ để cung phụng cho thị hiếu kỳ lạ của nhà vua ! Và chức quan kỳ lạ đó do tên tham quan khét tiếng Châu-Miến đảm nhận, suốt năm này qua tháng nọ chỉ lo phái người đi xuống vùng Giang-Triết để chỉ làm có mỗi một công việc kỳ lạ đó thôi. Được quyền thế lớn trong tay, Châu-Miến tha hồ bày ra lễ luật để nhiều hại dân lành, tom góp cho đầy túi tham. (Thanh-diện-thứ Dương-chí trong Thủy-Hử cũng đã từng làm áp vận quan chở hoa-thạch-cương).

Cho nên, thuở ấy, trong dân gian, mới có truyền tụng câu đồng điệu :

- « Trung-Nguyên đâu thể sanh cường đạo,
- « Cường đạo đã sanh chẳng dễ trừ,
- « Đẹp một thì lại sanh mười,
- « Công thần thời cũng một loài cường hơn »

Câu đồng điệu đó cho chúng ta thấy rõ những kẻ gọi là « công thần » hầu hết lại là những chỗ dựa vững chắc của bọn « cường đạo ». « Cường đạo » đây ý muốn ám chỉ bọn quý tộc hào môn dựa vào thế lực vua quan để cướp giựt của dân, tí như bọn Chúc-Gia-Trang, Tăng-đầu-thị, Huỳnh-văn-Bính v.v... trong Thủy-Hử. Vì thế, nếu luật pháp của nhà Bắc-Tống là những trói buộc vô cùng khắc nghiệt đối với dân lành, thì nó lại là những đảm bảo hết sức chắc chắn cho

bọn tham quan, ô lại. Thực tế đó đã gieo một bất bình sâu sắc cho trăm họ. Tiêu biểu cho lớp người căm phẫn đó là Hắc-Triển Phong Lý Quỳ, kẻ đã nói một câu :

— « Luật lệ ! Luật lệ cái khi mồi ! Nếu « luật lệ đúng đắn thì thiên hạ đã không đại loạn ? Tôi thì chỉ biết đánh trước cái đã, sau muốn nói gì thì nói ».

Những hảo hán Lương-Sơn-Bạc chính là những kẻ vì không chịu nổi sự đè nén khốc hại của vua quan nhà Tống, nên mới « đánh trước cái đã, rồi sau muốn nói gì thì nói ».



PHONG trào Lương-Sơn-Bạc thực tế như thế nào ?

Truyện Thủy-Hử chép nội bọn gồm tất cả 108 người và lấy Thủy-Bạc Lương-Sơn và vùng phụ cận làm căn cứ để chống lại triều đình.

Tống-Sử và bản thoại của người đời Tống thì cho rằng chỉ có 36 người cầm đầu mà thôi. Ý kiến sau này có lẽ đúng hơn.

Nhưng, người cầm đầu nhiều hay ít chưa phải là vấn đề chính mà chủ yếu là cần xem sự hoạt động của họ lúc bấy giờ ra sao ?

Tống-Sử viết :

- « Tướng cướp Hoài-Nam là Tống-
- « Giang, đánh phá quận Hoài-Dương ...,
- « lại phá Kinh-Đông, Giang-Bắc, tràn
- « qua đến tận bờ biển... sai binh tướng
- « thảo phạt... ra lệnh Tri-Châu Trương-
- « thúc-Dạ chiêu hàng... ».

Lại viết :

« Tổng-Giang nội bọn 36 người tung
« hoành Tề, Ngụy, quan quân hằng vạn
« không dám cự địch ».

« Trương-thúc-Dạ truyện » cũng có
đoạn chép :

« Bọn Tổng-Giang 36 người dọc ngang
« cả vùng Hà-Sóc, luân chuyển cướp bóc
« trong mười quận, quan quân chống trả
« không nổi ».

Cứ theo các đoạn sử trên, rõ ràng là
cuộc bạo động của nhóm Lương-Sơn-Bạc
đã có một qui mô to lớn, bao gồm toàn
bộ tỉnh Sơn-Đông, và lan rộng đến các
vùng Bắc-Hà, Dự-Đông, Tô-Bắc, Hoãn-
Bắc, v.v... thanh thế rất mạnh mẽ. Căn
cứ địa của họ hiện nay là vùng Quận-
Thành-Huyện (Sơn-Đông). Lãnh tụ của
họ là Tổng-Giang, một chức quan nhỏ
của Huy.Thành-Huyện.

Gần đây, có một số học giả Trung-
Hoa cho rằng : Tổng-Giang nguyên không
phải là thuộc nhóm Lương-Sơn-Bạc.
Nhưng số dĩ họ Tổng được Thủy-Hử
diễn nghĩa sắp vào hàng lãnh tụ của 108
vị anh hùng Lương-Sơn-Bạc là vì nhóm
họ Tổng là nhóm tích cực chống vua
quan nên dân chúng rất ngưỡng mộ họ,
coi họ như những vị hảo-hán Lương-Sơn
chống giặc Kim. Do đó họ mới đem
chuyện Tổng-Giang và chuyện anh hùng
chống Kim nhập lại thành một.

Thuyết này cũng có lý, nhưng tài liệu
chứng minh hãy còn thiếu. Tuy nhiên,
chúng tôi cũng nêu ra đây để bạn đọc
cùng tham khảo.



— III —

ĐI TÌM TÁC GIẢ...

Đi tìm tác giả các bộ truyện Tàu, thật
là cả một vấn đề phiền phức. Vì, cũng
như ở ta, ở nước Tàu xưa kia, ngành
tiểu thuyết kể như là một ngành « không
có hạng » trong các bộ môn văn nghệ.
Người ta ít cần biết tác giả là ai, mà
thường khi tác giả cũng ít chịu nêu tên
mình. Đó là một.

Hai nữa là phần nhiều các bộ truyện
Tàu đều do dân gian sáng tác tập thể,
lưu truyền từ đời này qua đời kia, cho
nên cũng khó mà quả quyết ai là tác giả.

Ba là một số truyện, vì tánh chất chống
vua quan, cường hào của nó khá rõ rệt,
nên tác giả nhiều khi cũng không dám
nhận là cha đẻ của nó. Ở vào thời kỳ đó,
mà phạm tội « văn tự », không đứt đầu
thì cũng ở tù một gông.

Trường hợp truyện Thủy-Hử cũng
thế. Cho nên, chúng ta sẽ không
lấy làm lạ mà thấy có rất nhiều bản
Thủy-Hử và nhiều tên tác giả.

Hiện nay, người ta đã tìm ra tất cả là
sáu bản : bản một trăm hồi, bản một trăm
mười lăm hồi, bản một trăm hai chục hồi,
bản bảy mươi mốt hồi, v. v... Bản dịch
của Đỗ-minh-Trí, (Tín-Đức Thư-Xá) thì
đến 141 hồi (1), bản dịch của Nguyễn-
Đỗ-Mục chỉ có bảy mươi hồi.

(1) Sự thật chỉ có 70 hồi đầu là truyện Thủy-
Hử ; còn 71 hồi sau thuộc về « Đàng khấu truyện ». Không biết vì lẽ gì dịch giả lại nhập lại thành một
bộ mà gọi chung là Thủy-Hử diễn nghĩa.

Đến như tên tác giả thì lại càng rắc rối : có người bảo là Thi-Nại-Am, có người bảo là La-Quán-Trung, kẻ khác lại bảo là của Thi, La cùng hợp soạn ; kẻ nữa lại bảo Thi-Nại-Am viết, La-Quán-Trung viết tiếp theo ; lại có người bảo do một đại văn hào đời Minh lấy bút hiệu Thi-Nại-Am mà viết, chớ trên thực tế chẳng có người nào tên Thi-Nại-Am. Dĩ nhiên trên đây chỉ là những luận thuyết mà thôi. Có một điểm mà chúng ta biết chắc chắn là bản được lưu hành nhiều nhất hiện nay là bản đã được Kim-Thánh-Thán (1) sửa chữa, phê phán và gom lại còn bảy chục hồi. Họ Kim đã dựa theo bản một trăm và một trăm hai chục hồi mà nhuận sắc lại. Bản của họ Kim có mấy ưu điểm đáng kể sau đây :

1) Gom góp được những phần tinh hoa và trọng yếu của truyện Thủy-Hử.

2) Về phương diện văn tự thì được sạch sẽ và thống nhất hơn các bản khác.



Vậy thì, sự thật như thế nào ? Tác giả là ai ?

Có ý kiến cho rằng : Sự thật thì không phải một cá nhân nào viết ra bộ Thủy-Hử. Tác giả thực sự không phải là Thi-Nại-Am hay La-Quán-Trung, mà cũng không phải Thi, La cùng hợp soạn.

Tác giả của Thủy-Hử là dân gian, đã kinh qua nhiều đời, trải qua nhiều lần xây dựng, thêm bớt, gọt đẽo mà « đúc » thành tác phẩm vĩ đại, bất hủ đó.

Quá trình sáng tác và hình thành truyện Thủy-Hử đại khái có thể phân ra ba giai đoạn sau đây :

1) Giai đoạn dân gian truyền miệng.

2) Giai đoạn những nhà văn nghệ bình dân kể và chép lại thành văn.

3) Giai đoạn các nhà văn nghệ nổi tiếng sưu tập, thêm thắt và viết lại thành tác phẩm có giá trị.

Bây giờ, chúng ta thử lần lượt đi sâu vào từng giai đoạn :

1) Ngay từ đời Nam-Tống, sự tích « Tống-Giang » đã được lưu truyền rộng rãi trong dân gian Trung-quốc. Ban đầu, nó chỉ là một tin tức thời sự như trăm ngàn mẫu chuyện thông thường khác. Dần dần, nhờ tánh chất chống cường hào, vua quan của nó, câu chuyện được dân gian phát triển thành một thiên « anh hùng ca » hào hứng. Càng được phổ biến rộng rãi, lại càng được các nhà « kể chuyện chuyên nghiệp » bổ sung thêm tình tiết, sự kiện để cho câu chuyện thêm « tươi », thêm « văn nghệ ».

Tuy nhiên như trên đã nói theo một số học giả Trung-quốc, chuyện Tống-Giang và chuyện anh hùng Lương-Sơn-Bạc chống Kim vẫn không quan hệ gì với nhau. Nhưng khi thâm nhập vào dân gian, hai chuyện mới lần lần được gom lại thành một.

Thời bấy giờ (thế kỷ thứ 12), Trung quốc đang ở trong một thời kỳ rất đen tối. Phần nửa Trung-Nguyên đã bị quân Kim chiếm đóng, với một chế độ cai trị vô cùng khắc nghiệt. Trong khi trăm họ quần quai dưới gót sắt xâm lược của ngoại tộc, thì vua quan nhà Tống lại khiếp nhược cuốn vó chạy dài trước kẻ thù, kéo rốc về vùng Giang-Nam, thiết lập tiểu triều đình nhà Nam-Tống. Trước tình thế giang san

(1) Kim-Thánh-Thán tên là Nhân-Thụy, người khoảng giữa đời Minh mạt và Thanh sơ.

ngiênngừa. Họ chẳng những không lo khôi phục cơ đồ, mà lại còn dồn sức lực vào việc trấn áp những cuộc vận động đề kháng của dân chúng. Những cuộc quật khởi của các nhóm Dương-Công (Động-Đình-Hồ), Phương-Lập v.v... với những khẩu hiệu đòi triều đình sửa đổi chính sách, yêu cầu cho dân chúng vô trang đề chống giặc, đều bị nhận chìm trong biển máu. Những vị anh hùng ái quốc chủ trương tích cực chống giặc như Nhạc-Phi, Tông-Trạch, Hàn-Thế-Trung, v. v... đều lần lượt kẻ bị giết, người bị sa thải; ngược lại, những tên gian thần tay sai của quân Kim, như bọn Tần-Cối, Trương-Ban-Xương,... đều được trọng dụng.

Mặt khác, đề cung ứng cho những nhu cầu xa hoa phung phí của cả một khối vương công hoàng tộc chỉ biết phê phỡn trên nhung lụa, của cả một bộ máy quan liêu công kênh hủ bại, triều đình đã không ngừng vơ vét tài sản, vàng bạc của trăm họ bằng trăm nghìn thứ đảm phụ nặng nề, vô lý, cứ càng ngày càng tăng thêm.

Những chánh sách phản dân hại nước đó đã dồn ép dân chúng vào một tình trạng bế tắc, mất tin tưởng ở quan quân, rồi dần dần đi đến đối lập với triều đình. Họ khao khát xuất hiện những vị anh hùng cái thế đứng lên cương quyết đánh đuổi giặc Kim tàn bạo và quật ngã bọn vua quan nhà Tống hủ bại. Vì thế, họ mới đem truyện Tống-Giang chống triều đình và chuyện các vị anh hùng chống Kim nhập lại thành một bộ « Trung Nghĩa Thủy-Hử truyện ».

2) Trong giai đoạn dân gian truyền miệng, người kể chuyện không cần phải có biệt tài. Kể hay hoặc dở đôi chút cũng không sao (vì kể không ăn tiền kia mà!) Ai thích thì đến nghe, ai không thích thì thôi. Người nghe nhiều hay ít không quan hệ gì đến đời sống người kể chuyện, bởi vì họ kể chuyện với tánh cách cầu vui, chứ đâu phải lấy đó làm nghề sinh sống.

Nhưng đối với người kể chuyện chuyên nghiệp thì lại khác. Họ cần phải có nhiều thính giả để thu nhiều tiền, vì thế họ phải luôn luôn trau dồi nghệ thuật đáp ứng yêu cầu và tâm lý của người nghe. Họ phải làm sao cho câu chuyện ngày gia tăng thêm tình tiết éo le, gây căng, cho những nhân vật phải thật sinh động, với những lời nói, hành động giống như người thật. Do đó, khi qua đến tay những người kể chuyện chuyên môn, câu chuyện đơn giản kia cứ càng ngày càng được sửa chữa, thêm bớt, dẻo gọt, ...

Chúng ta cũng cần biết thêm rằng không phải chỉ có một người kể chuyện trong một địa phương nhỏ. Thời bấy giờ, khắp nước Trung-Hoa, đâu cũng có những người kể chuyện chuyên nghiệp như thế, và họ đã làm « nghề » ấy từ đời này qua đời kia. Cho nên, câu chuyện phải qua rất nhiều tay sửa chữa, thêm bớt, dẻo gọt, và, trải qua một thời gian khá lâu. Nhờ thế, bố cục mới dần dần được chặt chẽ, nhân vật dần dần được điển hình hóa, sự kiện, tình tiết dần dần thêm phong phú, gây căng...

Những người kể chuyện muốn cho chuyện của mình được mạch lạc, đặc

sắc, mới tìm cách chép lại những điều mình đã kể hoặc người khác kể thành từng chương, từng hồi, hoặc từng chuyện ngắn một. Lúc đầu, những chương, hồi, đoạn thiên này phần nhiều còn rời rạc, chưa « ăn khớp » với nhau, văn chương cũng có nhiều đoạn khác hẳn nhau. (Tánh cách rời rạc, lủng củng này hiện nay ta vẫn còn thấy ở một số đoạn trong Thủy-Hử).

Đến đây, chúng tôi thấy cũng cần mở thêm một dấu ngoặc để ghi công những người gọi là « thư hội » hoặc « thư lâm » đã đem những mẫu chuyện của các nhân vật trong Thủy-Hử dựng thành tuồng hát, hí kịch ngắn (vd: Võ-Tòng sát tàu, Lỗ-trí-Thâm đại náo Ngũ-Đài-Sơn, vv...) góp phần xứng đáng vào việc xây dựng bộ Thủy-Hử diễn nghĩa sau này.

Bước đầu của giai đoạn truyện Thủy-Hử được chép thành văn đại để như thế.

Những nhà kể chuyện không thể đứng mãi ở một mức. Những hồi, chương mà họ chép lại chỉ là những đoạn thiên rời rạc. Bởi vì, như trên ta đã thấy, người kể chuyện không phải chỉ có một, mà người chép truyện cũng rất đông. Mỗi người kể một số chuyện, một số nhân vật khác nhau, và mỗi người cũng ghi chép mỗi chuyện khác nhau, đi vào từng khía cạnh, tình tiết khác nhau, nhiều khi lợi chọi, mâu thuẫn lẫn nhau.

Trong quá trình làm ăn, một mặt, họ trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau, nhưng mặt khác, cũng ráo riết cạnh tranh với nhau. Do đó, họ lại càng phải nỗ lực

làm cho câu chuyện mình thêm hào hứng, hấp dẫn, nhất là cho dài, kể được lâu thì giờ. Họ mới thấy cần phải chắp nối các chương, hồi, đoạn thiên lẻ mế đó lại thành hệ thống. Vd: Kể chuyện Tống-Giang rồi phải bắt qua Võ-Tòng, hết Võ-Tòng phải đến Lỗ-trí-Thâm, từ Lỗ-trí-Thâm chuyển qua Lâm-Xung, rồi Lâm Xung qua Dương Chí, Dương Chí qua Triều Cái, vv... để cho người nghe say sưa, muốn nghe mãi.

Tuy nhiên, bộ truyện chắp nối ấy phải qua tay những nhà văn nghệ bình dân sắp xếp, đẽo gọt thêm mới thành một tác phẩm có đầu có đuôi. Và đến đây, một bộ Thủy-Hử hoàn chỉnh mới thành hình hẳn hoi.

3) Mặc dù vậy, việc biên tập truyện Thủy-Hử vẫn còn bó hẹp trong phạm vi những người kể chuyện và những nhà văn nghệ bình dân thân cận với họ. Vì thế, kỹ thuật còn thô sơ, cấu kết còn lượt lướt, văn chương còn lủng củng, bất nhứt, nói chung, vẫn còn vương vấn khá nhiều hơi hướng của một « bản thoại » (trừ như về của ta). Tuy nhiên, khi đã thành sách, được lưu truyền rộng trong dân gian và dần dần xâm nhập vào giới văn nhân trí thức, những người này mới đem trình độ văn hóa và nghệ thuật tương đối cao của họ, kết hợp với cốt chuyện đặc sắc và tình cảm sôi nổi trong các bản cũ mà đúc thành một tác phẩm trác việt. Công việc này tất không phải do một người làm, mà phải qua nhiều tay thêm thắt, sửa chữa, gọt đẽo trong nhiều năm, có khi nhiều đời, mới thành hình tượng sắc sảo mà chúng ta thưởng thức ngày nay.

Những trường hợp tương tự như thế vẫn thường xảy ra trên lịch sử văn học thế giới, chứ không riêng gì lịch sử văn học Trung-Quốc: một bên thì cốt chuyện, tình tiết do dân chúng sáng tạo ra, một bên thì văn chương, bố cục do các nhà văn nghệ trứ danh đúc thành. Điều này càng chứng minh rõ rệt hơn sự quan hệ chặt chẽ giữa dân chúng và nhà văn từ xưa đến nay.

Thế thì, Thi-Nại-Am, La-Quan-Trung là người biên tập đầu tiên hay người thứ mấy?

Điều này thật khó mà xác định được. Chúng ta chỉ có thể biết Thi-Nại-Am, La-Quán-Trung là một trong những người đã biên tập lại truyện Thủy-Hử. Họ có thể là những người biên tập xuất sắc nhất. Vì thế, thuở ấy, người ta thường đề « Thi-Nại-Am viết » trước truyện để hấp dẫn người đọc. Về sau, lại thêm, « La-Quán-Trung bổ túc », cũng không ngoài mục đích đó. sự thật nói họ là những người « đã có công thêm thắt, sửa chữa, đẽo gọt lại truyện Thủy-Hử » có lẽ đúng hơn.

Nhưng, còn giữa Thi-Nại-Am và La-Quán-Trung, ai là kẻ góp công nhiều nhất trong việc biên tập?

Theo lời bặt trong bộ « Thủy-Hử nhứt bá linh bát đồ của Từ-Bình-Sơ do Từ-Vị-Nhơn đời Thanh viết, thì « truyện Thủy-Hử do Thi-Nại-Am viết « chỉ có 70 hồi. Còn 50 hồi sau do « La-Quán-Trung viết thêm đề châm biếm

Trương-Sĩ-Thành. Vì thế, mới có bản 120 hồi. »

Theo mộ chí của Thi-Nại-Am do Cồ-Đạo-Sanh đời Minh soạn, thì « Giang-hồ hào khách truyện » (tức truyện Thủy-Hử) do Thi-Nại-Am viết và môn sanh là La - Quán - Trung góp ý kiến sửa chữa lại ».

Trong bản Thủy-Hử do Kim-Thánh-Thán nhuận sắc, họ Kim nhận tác giả là Thi-Nại-Am. Và theo nhà đại văn hào hiện đại Lỗ-Tấn, thì « Thi-Nại-Am là kẻ đã tu cải và viết lại sau cùng hết ».

Căn cứ vào các thuyết trên, ta có thể kết luận rằng: Thi-Nại-Am là kẻ đã tu cải và viết lại bộ Thủy-Hử một cách đầy đủ và xuất sắc nhất. La-Quán-Trung là người đã có công góp ý kiến, sửa chữa và viết thêm đôi phần.

Điều thứ nhì mà chúng ta có thể xác định là về sau Kim-Thánh-Thán còn nhuận sắc lại thêm một lần nữa. Bản nhuận sắc của họ Kim về phương diện văn tự có giản đơn, thống nhất hơn, về kỹ thuật có được nâng cao thêm, nhưng mặt khác, về nội dung, nhiều chỗ lại bị xuyên tạc đi, sai hẳn với nguyên tác.

Hiện nay, được phổ biến nhất là bản 70 hồi do họ Kim nhuận sắc lại theo bản của Thi-Nại-Am viết, La-Quán-Trung sửa lại.

(còn tiếp)

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

☆ NGHIẾN răng chịu thiệt, vững chân làm người.

CỒ-NGŨ



THOMAS ALVA EDISON

Người có 2.500 bằng phát-minh

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(tiếp theo)

Cũng may chàng kiếm được một bạn đồng nghiệp cũ, ở nhờ trong phòng điện tín của người đó. Một hôm, đúng lúc mà các nhà buôn, các nhà doanh nghiệp ở Wall Street (Nữu-Uớc) mong đợi tin tức về giá vàng, thì máy điện thoại hư, điện tín viên loay hoay chữa không được. Ba trăm người chạy việc cho các hãng lớn khắp châu thành ùn ùn tới phản đối. Ông chủ thị trường vàng, ông Laws, cũng lại coi tình hình. Edison nói là có thể sửa được. Chàng thay một cái ruột gà gãy và máy chạy lại. Ông Laws mừng quá, cho chàng làm giám đốc kỹ thuật, với số lương ba trăm Mỹ kim mỗi tháng. Chàng nghe số tiền không lỗ đó mà sướng quá

muốn hóa điên. Thần tài đã bắt đầu gõ cửa.

Con người lạ lùng đó có tánh lúc nào cũng mong kiếm được nhiều tiền, nhưng kiếm tiền chỉ là để có phương tiện tìm tòi, phát minh, chứ không phải để làm giàu.

Có tiền trong tay rồi, chàng mở một xưởng thí nghiệm. Ông giám đốc mới của công ty *Gold and Stock Telegraph Company*, tức tướng Lefferts, bảo chàng chế tạo một máy điện tín in được dấu. Chàng chế tạo xong, xin giấy chứng chỉ. Tướng Lefferts muốn mua lại, hỏi chàng đòi bao nhiêu tiền.

Chàng suy nghĩ : đòi được 5000 Mỹ kim thì là nhất, không có thì 3000 cũng được. Nhưng nếu đòi nhiều quá, sợ Lefferts mắng vào mặt, rồi đuổi cồ đi thì tai hại. Chàng lạnh trí, xin Lefferts cho biết có thể mua được với giá nào.

Lefferts đáp :

— Bốn vạn Mỹ kim được không ?

Sau này Edison chép lại chuyện đó, viết : « Nghe số tiền đó tôi muốn té xỉu. Nhưng tôi cũng rần đứng vững, lắp bắp mấy tiếng bảo rằng giá đó cũng vừa phải ».

Ba ngày sau, chàng ký xong giao kèo và lãnh một chi phiếu 40.000 Mỹ kim.

Chàng còn quê mùa, lần đó là lần đầu cầm một chi phiếu, chưa biết cách dùng nó, thấy trên chi phiếu đề tên nhà ngân hàng, chàng đem lại ngân hàng, đưa cho viên giữ kết. Viên này trả lại chàng và nói một câu gì mà chàng nghe không ra, vì một bên tai vẫn còn nặng sau vụ « đốt xe lửa » mấy năm trước. Chàng lủi thủi bước ra, lăm bằm :

— Ông già đó chơi mình một vố cay thật ! Mà mình khờ làm sao là khờ ! Đòi thừa nhà ai mà trả cái máy bốn vạn đồng không ? Bốn vạn đồng, mình làm mười một năm chưa kiếm được số tiền đó, mà máy đó chế tạo ra có tốn công gì đâu. Vậy mà mình cũng tin chứ ! Rồi tới khi ông ấy chìa cái miếng giấy lộn này ra mà mình cũng nhận !

Nghĩ vậy, chàng vò nát tấm chi phiếu trong túi, quay về phòng giấy ông Lefferts, hậm hực, định nói mĩa

mấy câu cho hả dạ. Ông Lefferts bình tĩnh nghe từ đầu tới cuối, rồi phá lên cười :

— Ngốc ! Thầy giữ kết bảo anh ký vào sau lưng chi phiếu đó rồi thầy ấy sẽ phát tiền cho. Có vậy thôi. Trờ lại mà lãnh tiền đi.

Edison bẽn lén, xin lỗi rồi chạy một mạch tới ngân hàng. Viên giữ kết biết rằng chàng khờ khạo, cũng lại đùa chàng một vố, trả cho chàng toàn bằng giấy một đồng. Chàng lóng cóng thồn vào túi trên, túi dưới, túi trong, túi ngoài, người chàng phồng lên như một cái bị ; về nhà, lủnh quính, không biết cất tiền vào đâu cho kỹ, đành thức suốt đêm đề canh.

Sáng hôm sau, chàng lại thồn đủ số giấy bạc vào đầy các túi, lại phòng ông Lefferts vấn kế. Ông Lefferts cười một hồi nữa rồi chỉ cách cho chàng đem gửi bớt lại ngân hàng.

Từ đó chàng mới bắt đầu khôn.



Gởi tiền xong, chàng viết thư về báo tin mừng cho cha mẹ hay :

« Bây giờ ba má có thể nghỉ ngơi được rồi. Ba đừng làm quá sức nữa, và má muốn thức gì thì xin ba cứ mua cho má. Hể thiếu tiền thì có con... Con bận việc lắm ; con có một cái xưởng dùng mười tám người thợ, và đương lập một cái xưởng khác dùng tới một trăm rưỡi thợ. Con đã thành một « kỹ nghệ gia » có hạng rồi ».

Nhưng chàng giấu, không cho song thân hay rằng phải làm việc mười chín, hai mươi giờ mỗi ngày, không có thì giờ ăn, không có thì giờ ngủ nữa. Và chàng giữ mức làm việc đó gần nửa thế kỷ.

Luôn luôn trong đầu chàng nảy ra những ý mới, bắt chàng phải thực hành liền. Có lần chàng thực hành bốn mươi lăm phát minh một lúc ! Ghé gồm chưa ?

Từ năm 1870 đến năm 1875, chàng gần như chuyên phát minh về máy điện tín. Chàng chế được một máy gọi đi một lúc được bốn điện tín, thành thử trong một phút có thể đánh đi được ba ngàn rưỡi tiếng.

Nhiều kỹ thuật gia trẻ tuổi lại cộng tác với chàng ; một số được chàng dìu dắt mà sau nổi danh. Ai cũng trọng chàng là tính tình ngay thẳng, giản dị, mặc dầu bề ngoài có vẻ bần thiêu, lồi thoi.



Một hôm chàng gặp một thiếu nữ tên là Mary Stilwell. Trời mưa. Nàng đi kè dù chàng, rồi kể lể tâm sự :

— Tôi mới thôi học, ở nhà buồn quá. Làm cái thân con gái, nghĩ mà chán. Cứ ngồi bó gối đó đợi có người đàn ông nào tới rước đi.

— Sao cô không kiếm việc mà làm ?

— Đâu được ? Con gái tử tế ai lại đi kiếm việc làm ? Và lại tôi không biết khâu. Còn vô một xưởng để làm như mọi thì tôi không chịu.

— Tôi có việc làm cho một thiếu nữ thông minh. Cần biết vật lý, hóa. Cô biết không ?

— Biết lẽ mờ.

Thế là Mary giúp việc cho Edison, tỏ ra vừa tận tâm vừa có khả năng.

Một bữa nọ, hai người cùng thí nghiệm với nhau. Bỗng nhiên chàng ngưng công việc, ngó nàng trân trân :

— Cô Mary...

— Thưa, chi ?

Edison móc túi ra, lấy một đồng tiền, đánh điện tín bằng dấu Moóc lên mép bàn : « Hồi này tôi nghĩ hoài đến cô. (Chấm) Cô chịu cưới tôi không (chấm hỏi).

Mary đỏ mặt lên, mỉm cười, cũng gõ dấu Moóc, đáp : « Làm vợ ông em sung sướng lắm. »

Cuối năm đó, (1871) họ làm lễ cưới.



Từ khi lập gia đình, hai ông bà làm việc còn hăng hơn trước. Ông kiếm một miếng đất rộng ở Menlo Sark, cách Nữu-Uớc bốn chục cây số, cất một xưởng mới, và làm việc tại đó cho tới khi mất. Xưởng của ông sau nổi tiếng khắp thế giới vì phòng thí nghiệm trong xưởng lớn vào bậc nhất thời đó.

Năm 1878, là năm kỷ niệm độc lập bách châu niên của Huê-Kỳ. Tại Philadelphie có cuộc triển lãm lớn. Người ta bày rất nhiều máy móc mới phát minh. Edison lại coi và xem xét tỉ mỉ máy điện thoại của Bell. Về nhà ông nghĩ cách cải thiện máy đó cho tiếng nói

được rõ hơn và ông suýt phát minh được máy vô tuyến điện.

Từ hồi thượng cồ, loài người vẫn có ý muốn ghi được những thanh âm. Theo một truyền kỳ La-mã, một tên nô lệ nô khám phá được rằng vua Midas có tai lừa, nói ra thì sợ tới tai vua mà bị tội, còn giữ kỹ trong lòng thì tức tối, chịu không nổi. Hắn bèn kiếm một chỗ hoang vắng, trên bờ sông, chung quanh toàn là lau sậy, rồi la lớn lên cho hả : « Midas, vua Midas có tai lừa ! » Nhưng những cây sậy ghi được câu đó, lão xào nhắc lại cho nhau suốt ngày suốt đêm, rút cục cả xứ đều hay tin vua Midas có tai lừa.

Vậy cồ nhân đã ngờ rằng có cách ghi lại được thanh âm, nhưng trong mấy ngàn năm, chưa ai tìm được thứ sậy ghi thanh âm đó, cho tới một ngày kia, năm 1877, Edison bị kim đâm vào ngón tay.

Ông đương sửa một máy ghi dấu điện tín, miệng trò chuyện với người cộng sự, tay kéo cây kim ghi những gạch lên trên một ống bằng sáp, khi ông thốt ra một tiếng hơi lớn, thì cây kim nhẩy lên và đâm vào đầu ngón tay ông. Việc đó, người khác chắc không ai để ý tới, nhưng óc tìm tòi, tò mò của ông không bỏ qua nó được.

Ông ngưng công việc lại, suy nghĩ, kiểm nguyên nhân tại sao cây kim nhẩy. Tại tiếng nói của ông lúc đó lớn, làm rung chuyển một miếng thép dính với cây kim. Như vậy ông có thể kiếm cách ghi tiếng nói được. Tức thì ông vẽ phác kiểu máy gồm một miệng loa mà đáy có một miếng

thép mỏng dính với một đầu kim, đầu im này chạy trên một ống bằng kim thuộc có tay vặn.

Máy đóng xong, ông bao ống đó bằng một tờ giấy thiếc, rồi ông vừa quay tay vặn, vừa kề miệng vào gần ống loa, đọc một bài thơ cho trẻ em :

« Mary có một con trầu nhỏ,

Mà lông trắng như tuyết... »

Trong lúc đó, mũi kim vẽ một đường trên tờ giấy thiếc. Đọc xong bài, ông ngưng lại, đặt đầu kim trở về chỗ cũ của nó, rồi kề tai vào miệng loa, nghe rõ ràng thấy lặp lại câu thơ :

Mary có một con trầu nhỏ...

Mấy người giúp việc đứng tràn trề, kinh khủng. Chính ông cũng ngạc nhiên vô cùng. Sau này, chép lại chuyện đó, ông viết : « Trong đời tôi, chưa lần nào tôi choáng người như lần ấy. Thực ra, mỗi khi một cái máy mới phát minh chạy lần đầu, tôi cũng thấy sờ sờ ».

Vậy, do một sự bất ngờ, do một mũi kim đâm vào đầu ngón tay ông mà máy hát ra đời. Edison nổi tiếng khắp thế giới : các báo chí không ngớt nhắc đến cái « máy nói » của « nhà phù thủy ở Menlo Park ». Người ta đổ xô nhau lại phòng thí nghiệm của ông để coi, đông đến nỗi công ty Hòa-xa phải đặt thêm những chuyến xe riêng. Ông được mời tới Hoa-thịnh-đốn để trình máy đó cho các nhân viên cao cấp coi. Có kẻ không tin, ngờ rằng chính ông nói ở trong bụng nghĩa là nói mà không cử động môi lưỡi để gạt họ, chứ « máy gì mà biết nói » ?

Nhưng tờ giấy thiếc ông dùng để ghi thanh âm chưa phải là một giải pháp tốt : máy chỉ dùng được ít lần là nghe không rõ nữa và phải bỏ. Chẳng bao lâu, người ta quên nó. Mười năm sau, năm 1888, ông mất năm ngày, năm đèn liên tiếp để cải thiện thay miếng thiếc bằng một lớp sáp chế tạo theo một cách đặc biệt, và thay tay vặn bằng một máy đồng hồ. Lần này máy được hoan nghênh trên thị trường, làm giàu cho ông và nhiều con buôn. Sau này Emil Berline, một người Huê-kỳ, cải thiện nữa mà thành máy hát chúng ta dùng ngày nay.

✱

Danh tiếng của ông lên đến cực độ khi ông chế tạo được bóng đèn điện. Ông phải tốn công bốn năm, từ năm 1878 đến năm 1882. Người ta thường lấy câu : « Thất bại là mẹ thành công » để khuyên thanh niên và lấy gương Edison để chứng thực câu đó. Ông đã thất bại không biết bao nhiêu lần, rồi mới kiếm được thứ chỉ, để đốt trong bóng đèn, và mỗi lần thất bại lại đưa ông tới gần thành công hơn một chút.

Ý chế tạo đèn điện này ra khi ông thấy một khí cụ phát ánh sáng của William Wallace. Khí cụ đó rất đơn sơ, gồm một cái khung bằng gỗ đỡ hai cây ngang di động được, đầu mỗi cây có một cục các-bon. Wallace cho điện chạy vô, thì ở khoảng giữa hai cục các-bon hiện ra một vòng ánh sáng xanh xanh, chói mắt. Chết các-bon tiêu dần đi rồi ánh sáng tắt.

Ông quyết chí cải thiện phương pháp, tuyên bố trên báo rằng chỉ trong hai

năm sẽ có đèn điện. Ông viết : « Một ngày kia, trong một tỉnh lớn, người ta chỉ cần xây vài trung tâm phát điện là có đủ ánh sáng cho mọi nhà. Muốn thắp đèn, người ta chỉ phải vặn một đinh vít. Ánh sáng sẽ trắng, không chớp chồn như ánh đèn dùng ngày nay. Không có khói, không hại vệ sinh ; tường, trần, đồ đạc khỏi bị ám khói ».

Tin đó phát ra gây một nỗi hoảng sợ trong đám hội viên các công ty khí đèn vì hồi đó ở Mỹ cũng như ở Âu-châu, đèn thắp bằng khí. Người ta chế nhạo ông, mạt sát ông.

Ông hăng hái bắt tay vào việc, dùng một kíp thợ từ bốn chục đến năm chục người làm việc không ngừng, thay phiên nhau mà thức suốt đêm. Ông ăn, ngủ ngay trong phòng thí nghiệm, ca hát với các người cộng sự.

Ông để hết tinh thần vào sự tìm tòi, nên nhiều lúc đang trí. Một lần ông lại tòa án đóng thuế, đứng nổi hàng sau những người khác. Khi phiên ông tới, ông quên hẳn tên của mình, lắp bắp, lúng túng. Một người quen đứng bên cạnh phải nhắc là Thomas Edison.

Một lần khác, trong khi đợi điềm tâm, ông gục xuống bàn ngủ, vì đã làm việc suốt đêm trước. Một người giúp việc muốn phá ông, ăn xong phần của mình rồi, đặt những đĩa chén dơ ở trước mặt ông. Một lát sau, ông tỉnh dậy, giụi mắt, thấy những chén đĩa dơ đó, tưởng mình ăn rồi, châm điều thuốc hút rồi lại bàn làm việc. Cả phòng cười rộ lên, ông mới hay rằng mình bị gạt.

Ông cho làm những bóng đèn bằng thủy tinh rồi rút hết không khí trong bóng ra, để khi điện chạy vào, đốt một chất chứa trong bóng thì chất này sáng lên mà không cháy tan mất. Chỗ khó là kiếm chất gì để dùng. Giấy đốt thành than, cháy rất sáng nhưng chỉ được lâu vài giây thôi. Bạch kim sáng lâu hơn nhưng đắt quá. Mà mục đích của ông là chế tạo những bóng đèn rẻ tiền ai mua cũng được. Ông thử đủ thứ than: đốt giấy bồi, vỏ dừa, vỏ bào, bác, xen-luy-lô-it, cả râu người nữa. Không thứ nào được vừa ý. Ông phí công trọn một năm mà chưa trông thấy kết quả. Mắt ông nhức nhối chịu không nổi mà ông không dám tỏ cho người giúp việc ông hay. Những người bỏ vốn cho ông thí nghiệm bắt đầu nản lòng, bức tức vì ông đã tiêu hết tiền của họ.

Rồi một buổi tối tháng mười năm 1879, ông ngồi hút thuốc, lo lắng không biết kiếm cách nào, tay mân mê nút áo, thì nút áo đứt ra, nằm gọn trong tay ông với một khúc chì.

Ông nhảy phắt lên, chạy vô phòng thí nghiệm, bảo các người giúp việc:

— Các anh em đã thử dùng thứ này chưa? Sao không thử? Lấy một cuộn chì, cắt ra từng khúc ngắn, đốt ra than rồi bỏ vào bóng đèn xem sao.

Họ thử ngay, kiên nhẫn, cẩn thận từng tí, đốt sợi chì ra than rồi đặt vào bóng đèn sao cho sợi không gãy. Sau họ rút không khí ra, mắc điện vào. Một ánh sáng vàng vàng hiện lên. Nó sáng được bao nhiêu lâu? Người đoán một giờ, kẻ đoán nửa giờ; không ai ngờ rằng nó cháy được bốn chục giờ!

Bốn chục giờ, vẫn chưa đủ cho ông mãn nguyện. Ông bỏ một thời gian nữa để cải thiện cho nó cháy được năm trăm giờ. Bấy giờ ông mới tin rằng ngọn đèn của ông có giá trị về thực tế.

Ông bèn mời thiên hạ lại Menlo Park coi bóng đèn của ông. Cuối năm 1880, trong đêm giao thừa, hàng ngàn người dạt nhau lại coi và được thấy một cảnh thần tiên chưa hề có trên trái đất: hàng trăm bóng đèn mắc trên giây ở hai bên đường từ nhà ga tới Menlo Park, ở xa coi tựa hai dãy sao gần chân trời. Người ta trầm trồ khen ngợi, lấy làm lạ rằng đèn chúc ngọn xuống mà vẫn cháy. Ông tuyên bố với mọi người rằng ông sẽ làm cho một khu ở Nữ-Ước dùng toàn đèn điện.

Ông lại bỏ ra hai năm nữa để san phẳng mọi trở ngại về lý tài, kỹ thuật và tổ chức, mà xây được một nhà máy điện, mắc mấy cây số dây điện trong chín trăm nhà và đặt mười bốn ngàn bóng đèn điện. Một mình ông đứng chỉ huy mọi việc. Ông tin rằng sự nghiệp đó lớn nhất trong đời ông. Ông lựa ngày mừng bốn tháng chín năm 1882 để làm lễ hoàn thành.

Tờ New-York-Herald chép: « Nhà phát minh đại tài ra lệnh, người ta hạ một tay vịn xuống, tức thì, cùng một lúc, hàng ngàn bóng đèn trong mọi căn nhà cháy lên, tỏa một ánh sáng ấm áp. Ôi! lạ lùng, ngọn đèn không chớp chờn như ngọn đèn khí, mà cháy đều đều, làm cho chúng ta có thể ngồi viết hàng giờ mà không ngờ rằng ánh sáng đó là ánh sáng nhân tạo! ... »

Ngày đó, Edison đã mở màn cho kỷ nguyên điện.

Thân mẫu ông đã đoán đúng : « Một ngày kia người ta sẽ nhắc đến tên tuổi con tôi... » Dân thành Nữu-Uớc đồ xô nhau lại coi những bóng đèn mới và coi vẻ mặt sáng sủa, khả ái, cương quyết mà ngây thơ, vừa mơ mộng vừa hoạt động của ông. Khắp thế giới nhắc đến tên ông, đặt ông vào hàng vĩ nhân bậc nhất đương thời, và câu nói : « Thiên tài là một phần trăm hứng và chín mươi chín phần trăm toát mồ hôi » được người ta truyền lại cho hậu thế.



Năm 1884, bà Mary mất, ông càng cặm cụi làm việc để quên nỗi đau lòng. Hai năm sau ông cưới bà vợ kế, bà Mina Miller d'Akron.

Từ đó đến đầu đại chiến thứ nhất, ông phát minh được rất nhiều máy mới nữa, và máy được nhiều người nói tới là máy chiếu hình (Linetoscope). Máy đó tức là bước đầu của máy chiếu bóng. Ông chụp bằng phim một loạt hình liên tiếp nhau của mỗi cử động rồi chiếu nhanh lên một tấm màn, thành thử ta có cảm tưởng thấy người và vật cử động trên màn.

Không hiểu tại sao ông không cải thiện máy đó thành máy chiếu bóng ngày nay,

mà chỉ chế thành một máy nhỏ chiếu những người khiêu vũ, những trẻ em chơi nhây trong khi một máy hát phát ra một bản nhạc hợp với cảnh.

Mấy năm sau ông thất bại liên tiếp, tiêu hết cả vốn. Một hôm, ông bảo các bạn giúp việc :

— Chúng ta hết nhãn tiền rồi, nhưng đã được dịp tiêu khiển thú quá, phải không, anh em ?

Vâng, suốt đời ông chỉ là một cuộc tiêu khiển say mê, không ngừng, và những khi ông làm việc hai mươi giờ một ngày chính là những lúc vui nhất của ông.

Hồi đại chiến thứ nhất nổ ở Âu châu, ông đã gần bảy chục tuổi, bỏ việc nhà mà tình nguyện giúp chính phủ để kiếm những thuốc uống và thuốc nhuộm thay thế những thuốc không nhập cảng được của Đức nữa.

Ông làm việc cho gần tới khi mất, ngày 18 tháng 10 năm 1931, thọ tám mươi bốn tuổi. Người ta coi ông gần như một bậc thánh về phát minh. Trước ông, chỉ có Léonard de Vinci, ở thế kỷ 15, là ví được với ông ; mà sau ông thì chắc không có ai nối gót ông được ; vì hiện nay chúng ta đã bước vào thời đại chuyên môn, không ai có đủ sức để tìm tòi về nhiều khu vực rất rộng như ông.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

★ Người quân tử cử động thận trọng, không sơ xuất với ai, dung mạo đoan trang không khinh bạc với ai ; ngôn ngữ cẩn thận, không lỗ miệng nói càn với ai.

LỄ-KÝ



NHỮNG GIÒNG HOA ĐẠI LỘ

Gởi nhiều anh em Sáng Tạo

Tôi đứng giữa đồng nâu
Giữa những người cuốc bẫm cày sâu
Nghe vang reo những giòng hoa tư tưởng
(Tư tưởng nào không từ đất mà ra)
Vì như thế nên tôi làm sung sướng

Tôi thương những ai mòn giày trên đại lộ
Để nặn ra những giòng hoa cồ lỗ
Nghèo nàn như những cô gái khỏa thân
Dù có khoe trương cũng chỉ bao ngẩn

Anh đến với tôi, trên tay : những giòng hoa nước mắt
Tin làm sao mà anh bắt tôi tin
Trời hôm nay gồm muôn hoa muôn sắc
Tại làm sao anh lại bắt yêu anh

Anh nói nhiều quá
Làm cửa sổ nhà tôi phải mở toang loáng gió
Tôi chỉ thương anh vì anh đã mòn giày
Gõ cửa nhà ai cũng không ai buồn mở

Có lẽ tuổi tôi vừa hai mươi cay đắng
Không được nói nên tôi đành im lặng
Nhưng màu xanh vẫn là của chúng tôi
Như hồng nâu là của cả muôn người

Đại lộ ba mươi tối đen như màu hoa cơ khí
Anh đến đây làm chi với giòng hoa ủy mị
Nhưng tôi vẫn cầu xin cho Thượng-Đế ban lành
Vì lỗi mòn anh chịu thức năm canh
Vì lỡ thương yêu nên anh đành giả dối
Vì quá yêu thương nên anh đã bạo nói
Anh cứ trở về nào ai có can ngăn
Đa trời kia vẫn xanh biếc trong ngần

Tôi van anh : đừng đưa đến đây những giòng hoa đại lộ
Những giòng hoa cổ lỗ
Những giòng hoa đang dở
Những giòng hoa đau khổ
Những giòng hoa đau khổ quá đi thôi
Tôi chỉ cho anh : kia, dưới chân đồi
Từ luống cày sâu
Từ những đồng nâu
Những giòng hoa chứa chan yêu mến
Và ở đó, chúng tôi vừa mới đến.

Tháng 4-1958

ĐỖ-TẤN

Hộp thư Tòa soạn

- Ô. TRIỆU-ĐƯƠNG: *Phong-Dinh*: Đã nhận được thư và thơ. Sẽ đăng.
- Ô. NGUYỄN-ÂN: *Tam-kỳ*: Đã nhận được thư và thơ. Sẽ trả lời sau.
- Ô. THANH-Ý: 2 bản kịch Ông gửi không đăng được. Mong ông gửi cho các sáng tác khác.
- Ô. VŨ-HUYỀN-BĂNG: Đã nhận được « Khoa học và Tin ngưỡng » xin gửi trọn bài mới quyết định được.
- Ô. PHAN-ĐỨC-TÚ: Đã nhận được 2 bài của Ông. Đương xem.
- Ô. THANH-Ý: Rất tiếc không đăng được hai bản kịch đó. Mong đợi những sáng tác khác nữa của Ông.
- BẠN THANH-THANH: Học sinh Phan-Thiết: Nguyễn-Huệ sẽ đăng trong số tới và còn mấy lần nữa mới hết.

Các bạn gửi bài đăng xin viết một mặt giấy.

Nếu có hình đề làm bản kèm xin vẽ bằng mực tàu.

Sách mới

Bách Khoa vừa nhận được:

- *Cổ học qui san* số 3 và số 4 của Hội Việt-Nam Cổ Học tại Huế do Cụ Hội trưởng Nguyễn-huy-Nhu gửi tặng.
- « *Trắng nước Đồng-Nai* »: Tiểu thuyết của Nguyễn-Hoạt do tác giả gửi tặng.
- « *Thùy-dương trang* » Tập truyện ngắn của Văn-Quang do tác giả gửi tặng

Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số: 90\$00 — 1 năm 24 số: 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

TÒA SOẠN: 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ xin đề: Tòa soạn BÁCH-KHOA hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề cho: Ô. Huỳnh-văn-Lang



MIẾNG THỊT VỊT

VŨ-HẠNH

TÁM Gàu cố ngủ nhưng không sao ngủ được. Trống ngực vẫn còn đập thình thình. Hai vai bây giờ thấy ê mỏi và cặp chân dưới ra nghe bủn rủn, rùng rờ.

Anh thấy lại mình đang đi trong đêm tối, cặp mắt lắc lảo, lò mò bước theo anh em thằng Năm Đực. Anh nghe lại tiếng vịt kêu, tiếng thét « Ồi trời ơi » của thằng Đực Nhỏ, như thấy lại máu phụt ra từng vòi, bóng thằng Đực Lớn luồn rào chạy trốn, và anh cũng thằng Đực Nhỏ bưng chạy, lội bừa

trong gai lươi long, nhiều lần quỳnh chân muốn ngã sấp xuống.

Anh ôn lại cái phút trở về tới ngõ thẳng Đực... anh quỵ xuống, thằng Đực Nhỏ rời khỏi lưng anh, ngã lăn ra đất, vừa rên vừa quằn quại, hai chân giãy giụa trong cát. Giữa lúc ấy, bóng thằng Đực Lớn từ đâu hiện ra, cười nham nhở trong đêm : « Tưởng mi bị nắm đầu rồi », và hần chĩa ra một con vịt : « Phần mi đó ». Tám Gàu đã khoa tay : « Tau không lấy mô » rồi lết bết, anh lúi lúi chạy về.

Anh đã ngồi rất lâu ngoài ngõ trước khi mò vào chiếc giường tre ọp ẹp này. Anh vừa nghĩ gì, anh không nhớ nữa... Hình như trong đêm tối từ nhà Cửu-Thường, nơi anh nghe theo lời hai anh em thằng Đực mò vào ăn trộm vịt, có tiếng kêu lên: « Thằng Tám Gàu! Địch thị thằng Tám Gàu! ». Anh chạy bỏ hơi tai, được một quãng xa rồi mà hình như những tiếng nói ấy còn vọng đuổi theo...

Bỗng anh cảm thấy rít rít sau lưng. Khi anh cựa mình, một chất nhầy nhụa như quánh lại trong lớp áo... Lập tức anh ngồi dậy. Cởi áo xong, anh quờ tay vuốt ở sau lưng. Bàn tay xòe ra trong đêm tối như nhuộm mực đen. Anh đưa gần mũi, một mùi tanh ói.

Tám Gàu loạng choạng đi lần ra bờ ao ở góc vườn. Anh ngồi vò áo rất lâu, hai tay mỏi rụng. Khi đoán chừng đã sạch, anh đưa lên mũi ngửi, nhưng mùi tanh vẫn cứ còn hoài. Sau cùng anh thả chiếc áo xuống ao, chầm chậm vào nhà.

Anh ngồi bệt xuống vệ hè, dựa lưng vào gốc cột, ý nghĩ trong đầu óc loạn xạ. Thằng Đực Nhỏ chắc không sống nổi, hoặc sẽ tàn tật suốt đời. Cả làng ngoài, ai cũng sẽ biết Tám Gàu là thằng ăn trộm. Bao nhiêu vụ mất cắp từ trước và về sau này người ta sẽ đổ riệt cho anh. Mỗi bữa ăn, ông Cấn sẽ vác chổi đánh vào đầu anh vừa réo chửi mẹ anh đã đẻ cho ông một đứa con chết dịch. Mẹ anh, người mẹ hiền lành đã qua đời cách đây vài năm chỉ vì đang đau mà phải dầm mình trong nước suốt mấy buổi liền để vớt rong rêu... Đạo này

nặng gắt làm ăn gì được? Đồng khô cỏ cháy, những nhà giàu cũng gác bớt công việc, không dám thuê mướn. Muối cũng không còn bán để mua đem lên nguồn đòi lấy sản, khoai. Mấy chiếc ghe đi vào miền trong mắc kẹt đầu đó, không thấy trở về. Những người trong xóm dậy đi từ lúc mờ mờ đất để xuống bến chực cho đến trưa hoang mới về, đòn gánh tòn ten hai chiếc mủng không. Anh đã nằm khoèo mấy hôm nay rồi. Cả ngày ngủ miết cho đến xế mới chỗi dậy, lục lọi trong rá tìm vài củ khoai ngועi ăn ngổn ngẫu rồi nốc ba ngụm nước lạnh, ngủ lại. Ngủ cho khỏi thèm ăn. Nhưng ngủ mãi cũng chán, thết rồi không ngủ được nữa. Anh chỗi dậy đi thất thơ thất thường trong xóm. Ai xui anh bước vào nhà thằng Đực vào lúc đầu hôm?

Từ chân trời xa, về phía đông, rừng rưng một vệt sáng trắng. Tám Gàu chống hai tay vào đầu gối, đứng dậy đi lần vào nhà. Anh đứng rất lâu, trong bóng tối, nhìn lơ mờ thân hình ông già Cấn nằm chèo queo, ngủ một giấc nặng nề trên căn ván bằng gỗ tạp trái manh chiếu nát. Gần bên ông, anh Hai Cấn nằm chàng hàng, ngáy khò khè. Tám Gàu lại gần tấm phen, sờ soạng tìm chiếc áo, mặc vào rồi bước xuống nhà bếp. Chị Ba Lèo nằm ngủ yên trên một chiếc chõng cụt chân, đặt sát mặt đất. Thằng Cờ con chị đã ngủ lăn ra ngoài đất tự bao giờ. Anh cúi xuống lay vào chân chị:

— Nề, chị Ba nề...

Chị Ba ứ ự đôi tiếng rồi rặn ỉ ỉ... Chị nói làm nhảm, chị chép miệng

trong giấc ngủ mệt mệ. Tám Gàu không kêu nữa. Anh lắc mạnh vào vai chị. Chị Ba tỉnh giấc, lơ mơ hỏi:

— Ai đó !

Tám Gàu đáp rất khẽ :

— Chị dậy tôi nói cái này...

Người đàn bà nằm im một lát mới từ từ chỗi dậy, ngả đầu lắc qua lắc lại cho mớ tóc rối tung dờn ra phía sau vai rồi vừa ngáp vừa nói :

— Trời đã sáng đâu...

Chị lại làm thình, nhìn Tám Gàu đang ngồi một cục trước mặt.

Giây lâu, Tám-Gàu từ từ đứng dậy. Anh nói :

— Tôi đi đây.

— Đi đâu ?

— Chưa biết là đi đâu. Không ở nhà được nữa thì đi.

Chị Ba tưởng mình nghe lầm, trố cặp mắt đã tỉnh ngủ nhìn chăm chăm lên mặt người em nhập nhèm trong bếp tối chỉ trừ cặp mắt như long lanh sáng. Tám-Gàu nói tiếp, bằng một giọng rầu rầu :

— Thôi, tôi đi. Chị ở nhà bình yên.

Chị Ba gằn như kêu lên :

— Chớ không nói cho cha biết na ?

Tám-Gàu hạ thấp giọng :

— Nói làm chi. Đề yên cho ông ngủ.

Thôi, tôi đi kéo trời sáng, không tiện. Chưa biết chừng nào tôi mới về.

Anh lụi thụi bước ra cửa. Anh ngược mắt nhìn quanh quất, như ghi lại một lần cuối cùng cái cảnh quê xơ xác tiêu điều rồi cầm đầu lăm lúi bước đi. Vết sáng rừng rưng ở chân trời như theo bước chân anh lan rộng dần ra nhưng anh cảm thấy những ngày sắp đến cũng mập mờ, đen tối như tâm hồn anh.

Khi chị Ba-Lèo chạy theo ra ngõ thì Tám-Gàu đi đã xa rồi « Có lẽ bây giờ hẳn đã lội qua suối và đồ lên đồng », chị nghĩ thế rồi bước vào nhà.

Chị không hiểu rõ rệt lắm tại sao mình lại không ngăn cản Tám-Gàu đi vong như thế. Tám-Gàu đi đâu ? Chính anh ta cũng không biết nữa. Tám-Gàu ra đi, trong túi không có một đồng xu nhỏ, trên người chỉ mặc một cái quần cụt và một cái áo cánh đã vá ở hai vai. Chị ngồi thừ nhìn thẳng Cờ nằm lẩn ngoài đất. Chị không muốn bồng nó lên giường, sợ nó tỉnh giấc, khuấy rộn tâm trí chị trong lúc này. Thằng Cờ đầu sao cũng là mối an ủi cho chị. Năm nay chị đã ba mươi mấy tuổi rồi, có lẽ gần bốn mươi, chị không nhớ nữa. Đàn bà Xóm-Cát ít ai nhớ rõ tuổi mình. Tám-Gàu ra đi, một nỗi vắng vẻ hiện ra, khiến chị nghĩ lại đời mình. Từ khi lớn lên cho đến bây giờ chưa có một người đàn ông nào hỏi chị làm vợ. Thình thoảng trong số thợ gặt, giữa lúc chị lọ thợ theo sau họ đề mót mấy bông lúa rớt cũng có đôi lời đùa cợt sỗ sàng... Nhưng đã xa lắm lắm rồi ... chị chưa bao giờ được nghe một lời tình tứ. Những lời tình tứ cũng như xuyên vàng, nhẵn ngọc là những thứ quý giá chỉ con nhà thông thả mới có. Tuy vậy chị vẫn mong mỏi được gặp một người, một người đàn ông cần cù, siêng năng, dù rằng thô lỗ nhưng thình thoảng cũng biết dịu ngọt với vợ. Mỗi ngày giữ bò ở ven bờ suối chị vẫn mong đợi người đàn ông ấy. Nhưng không có người đàn ông nào lại đến tìm người đàn bà xấu xí, tuổi đã bốn bề mà còn bận quần sát háng, da xám

như chì, trên mình chỉ mặc độc một chiếc yếm rách, đi lênh thênh cả ngày theo sau một con bò cái gầy còm.

Tuy thế, vẫn có một người. Người ấy chị không bao giờ biết mặt. Cách đây chín mười năm rồi, một đêm trăng sáng, chị đánh bò ra bãi sau nhà để cho ăn cỏ sương đọng sáng ngày cày sớm. Suốt ngày làm việc mệt nhọc nên dựa lưng vào gốc dương liễu trên bờ một đám thồ khoai được chốc lát thì chị nằm lăn ra ngủ. Không biết được bao lâu thì chị bỗng có cảm giác như có bàn tay ai đang nắn khắp người mình. Chị làm bộ ngủ mê, ú ớ đôi tiếng rồi nằm chài bài người ra. Một người đàn ông có lẽ không to lớn lắm trong lúc vội vàng đã nhấn tằm xé rách phía dưới cái quần cụt đen đã cũ của chị...

Người đàn ông ấy đã đem lại cho chị một đôi cảm giác là lạ, một sự kích thích ghen ngào pha lẫn quẫn quại chua xót, khó nói làm sao! nhưng cũng ngăn ngủi, chóng tàn hết sức. Chị nhớ như mình có cảm thấy đau đớn nhưng chị không dám kêu lên, sợ người đàn ông càng mất bình tĩnh hơn nữa. Suốt trong giây phút gặp gỡ ấy, chị không dám hé mắt để nhìn. Khi người kia đi rồi, chị úp tai vào đất, nghe tiếng chân bài hoài bước gấp rút đã khá xa, chị mới ngòm dậy nhìn theo. Một người nào không rõ, hấp tấp đi về lối xóm.

Hai ba đêm sau, rồi suốt cả con trăng ấy, suốt cả những đêm tối trời tiếp theo, rồi suốt cả hai ba con trăng sau nữa, chị vẫn ra ngồi ở nơi bờ thồ đêm nào. Người đàn ông kia

không thấy trở lại. Nhiều lần chị cố nghĩ rằng đây là một người lái buôn giàu có đi lạc trong động cát mà duyên nợ tình cờ đã xui gặp gỡ. Sau này chị đoán chừng là thằng Đực Lớn đi ăn trộm vặt về khuya. Đôi lúc chị có cảm giác như đây là Chín-Bường, một người bà con của chị ở cuối xóm, một gã đàn ông nghèo cực, đã bốn mươi mấy tuổi rồi mà vẫn sống một mình trong ngôi nhà tranh lụp xụp, nhỏ như chiếc chòi.

Ít tháng sau, bụng chị mỗi ngày một lớn. Chị không hề nghĩ đến sự phá thai, không nghĩ đến sự dấu diếm. Bà Cấn chửi đôi ba ngày rồi cũng làm thinh. Ông Cấn đòi đánh cho một cái cán cuốc nhưng vẫn không hề thấy đánh. Anh Hai Cấn, thằng Tám Gàu không thấy nói gì. Trời ơi! một đứa con trong bụng, chị yêu quý nó biết là chừng nào! Một đứa con, dù gái hay trai, là cái gì quý nhất đời chị. Dù gái hay trai, nó cũng là vật sống mang trong mình khí huyết và linh hồn của chị. Nó sẽ lớn lên, sẽ là hình bóng của đời chị, là nguồn an ủi, là chỗ nương tựa cho chị sau này, trong lúc chiều tà xế bóng. Chị tìm luộc những ngọn khoai non nhất, hút vụng những trứng gà sau chái, không dám gánh nặng, không dám thức khuya, toàn là công phu, cố gắng, ý tứ, để dưỡng chiếc thai kia. Bao nhiêu những lời xia xói, bóng gió, mĩa mai, điệu cợt của người lối xóm đối với chị nào có nghĩa gì, khi chị khát khao có một đứa con.

Trong lúc sinh đẻ, quặn đau mấy lần nhưng chị không hề cảm thấy

khô nhọc. Ngày thẳng bé ra đời, chị mừng không sao kể xiết. Ông Cấn đặt cho nó cái tên Cời. Càng ngày thẳng Cời càng lớn lên, chị nom nó giống Trưông Liệu như đúc. May thay, Trưông Liệu không có bà con với chị. Đó là một ông già góa vợ từ hồi còn trẻ, sống với người cháu dâu tận tậ, giữa xóm. Nhưng giống ai cũng mặc, miễn thẳng Cời là con của chị, t'uộc hẳn về chị, do chị cưu mang, sinh đẻ mà ra.

Sau khi thức dậy, nghe chị Ba Lèo áp a ắp úng kể lại cái tin Tám Gàu đã bỏ nhà ra đi, ông Cấn toan rửa lên : « Có mà đi ăn cướp ! » nhưng ông dần lòng lại được. Ông lúng búng định hỏi gì nữa, nhưng rồi lại nín thình. Tám Gàu là đứa con út của ông, linh hoạt, táo bạo nhưng hiền lành. Từ ngày nó lớn lên, ông vẫn hy vọng nó được một cuộc đời lành lặn nhưng thực chưa có lúc nào nó sống thư thả, thong dong, trừ những tháng đói kém. Lúc này, ở nhà cũng chẳng làm gì. Cùng lắm, có ai thuê mướn cũng đủ phui lùm. Thôi thì đi đâu thì đi, biết đâu nó chẳng làm ăn nên nổi sau này. Ông già cảm thấy cay cay nơi khóe mắt, buồn buồn tủi tủi trong lòng, rồi những cảm giác ấy tan nhòa đi như khói thuốc.

Anh Hai Cấn cũng không nói gì. Anh nhớ lại trong đời anh đã bao lần anh cũng muốn bỏ xứ ra đi, nhưng nghĩ thương cha già, em đại, quyến luyến vạt thồ, mảnh vườn, anh lại nguôi ngoa. Biết đâu ra đi bây giờ anh đã chẳng có vợ con, vui về để huê ? Nhưng đây là bao nhiêu tư tưởng của

ngày xưa kia... Năm nay đã bốn mươi mấy tuổi rồi, anh vẫn sống một cuộc đời cô độc. Anh chưa dám nghĩ đến việc lấy vợ, vì sợ tốn kém. Vẫn biết gặp người vợ giỏi có thể giúp đỡ làm ăn nhiều đấy, nhưng lấy gì mà sắm sửa cưới xin, ăn hỏi ? Những sự đòi hỏi của cơ thể nhiều khi cũng dày vò anh, nhưng dè nén mãi nó cũng đuối đi. Và lại, thồ vườn sau mỗi ngày đã làm anh té liệt rụng rời, đâu còn sức lực để tư tưởng như những kẻ rảnh rang thong thả. Con heo đực luôn luôn kêu nái là vì nó ăn không ngỏi rồi trong chuồng.

Tám Gàu ra đi, anh Hai tuy cảm thấy buồn nhớ, nhưng lại có cảm giác nhẹ nhàng hình như từ đây một phần của anh cũng được dong ruổi ở nơi xứ lạ đường xa.

Hai cha con ngồi đối diện ở thềm cửa, im lặng một lát lâu, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ. Rồi chậm chạp ông Cấn đứng dậy, ra sân. Ông toan ra vườn bồng nhón thấy dấu chân trên cát còn tươi đi về phía ao. Ở miền đất cát người ta nhón dấu chân cũng như nhón mặt người... Ông ra phía ấy. Một vạt nước đỏ lợt chảy trên mặt ao và dưới ao một cái áo vắt tròn. Ông lụm thum lội xuống vớt lên. Ông lên bờ nhón lại dấu đỏ rồi vắt chiếc áo cho ráo nước, cầm vào. Trong óc ông già thoáng hiện những nỗi hồ nghi, lo ngại.

Từ ngó, Thủ Tự lững thững đi vào. Thủ Tự là người khá giả hơn hết ở xóm này. Ba gian nhà tranh rộng lớn hơn tất cả nhà nào trong xóm. Cái sân cũng lớn hơn tất cả sân nào trong xóm, đắp bằng đất bàu, dện kỹ lưỡng. Thủ

Tự có bốn con bò cái tuy gầy còm nhưng cũng là bốn con bò. Bò cái tuy cày yếu, nhưng ở vùng đất cát người ta chỉ cần sức cuốc. Nuôi bò cái vì nó đái nhiều, tốt phân. Hai anh bò đực lớn ráng sức đái một trận không bằng một chị bò cái đái xề xề một cách lơ lửng. Bò cái lại dễ giữ, có thể giao cho con nít lên mẫy cũng được. Cái lợi khác là bò cái còn sinh đẻ nữa.

Thỉnh thoảng đến mùa, thả nó lên đồng thế nào nó cũng gặp đôi anh bò đực thả rông. Tuy là gầy còm, yếu đuối nhưng được cái dễ dãi không làm bộ nhảy quanh, nhảy quẹo nên vẫn có lắm anh bò già quyến luyến.

Thủ-Tự có nhiều con, cả trai lẫn gái đã trên mười lần sinh đẻ. Hai-Sanh là con đầu, có vợ và ba con, ở riêng trong một ngôi nhà tranh trước ngõ để hai bên cùng gần gũi sự nhờ đỡ. Anh ta làm đủ thứ nghề lật vật, trong đó có nghề thiến heo, lái bò và nghề sửa cối xay. Ba Kinh được xem như cứng đầu nhất nhà thì theo về bên quê vợ ở làng ngoài để dựa thế ông gia và bà gia mà làm ăn. Sau Ba Kinh là chị Tư Măng, năm nay đã ba mươi mấy tuổi nhưng vẫn chưa chồng. Ông Trường-Nhi, cuối xóm, cách đây ba năm, có mượn người đến hỏi cho con trai ông, anh Hai Cày, nhưng sau đó mấy tháng, một buổi sáng mùa đông, người ta tìm gặp xác Hai Cày ở trong cái đầm gần suối. Hai Cày chết trong nước cạn, chẳng biết vì sao. Chị Tư Măng trở thành người góa bụa sau khi chỉ ăn một cái lễ hỏi hết sức đạm bạc. Sau chị Tư Măng là Sáu Cường. Người con thứ năm bị bỏ từ khi sanh

được ba tháng. Sáu Cường tiếp đến Bảy Đáng là hai anh trai linh lợi. Còn một bảy lút chút ở sau nào thằng Dừa, con Thời, thằng Tre, con Một...

Gia đình Thủ-Tự gầy như ai làm nấy ăn, ngoại trừ những đứa bé nhỏ. Đến bữa, ai nấu trước thì người khác gọi nấu nhờ đôi ba củ khoai, luộc nhờ đôi ba bó rau, đôi khi không hái kịp rau thì ăn xía một vài dưa. Chỉ trừ mẹ của Thủ-Tự, bà Thủ-Hộ, đã trên bảy mươi tuổi, ở riêng và ăn riêng trong một cái chái về phía ngoài. Cái chái hẹp ché, chỉ vừa đủ kê một cái giường con thấp cằng và đủ đặt ba ông táo lùn tịt, nặn bằng đất bầu. Bà đã già khúm rúm nhưng sống không nhờ vả ai. Suốt ngày bà lò mò ở các vạt thỏ khoai ở các bờ đìa, ở sau vườn và lui cui trong cái chái hẹp. Bà ăn không tốn mấy chút và một om khoai nhỏ bà để dành ăn hai ba ngày liền khỏi phải tốn công nấu nướng. Những củ khoai cuối cùng trong om bao giờ cũng đóng nhựa nhờn nhờn và bốc mùi thiu ảm, nhưng bà Thủ không mấy khi bỏ phí của trời. Thỉnh thoảng Hai Sanh có tát được cá, luộc một đĩa với dưa cải, sai lũ con mang vào cho bà Cố thì dọc đường từ ngõ vào sân, thằng Chai và con Miếng đã bốc lúm hết những con tròng nhất.

Thủ-Tự liếc nhìn trong nhà rồi hỏi:

— Ủa? Chớ thằng Tám đi đâu rồi?

Ông Cấn liếc nhìn trên mặt Thủ-Tự như dò đoán ý nghĩa của câu hỏi rồi trả lời:

— Không rõ hẳn đi đâu từ hồi từng mừng sáng... Có việc chi na?

Thủ-Tự thông thả nói:

— A... Thằng Đực Lớn có ra nhờ
lấy trẻ nhà tôi giúp một đòn khiêng
thằng Đực Nhỏ lên táng trên đồng.

Anh Hai Cấn vội hỏi:

— Chớ thằng Đực Nhỏ chết hồi nào?

— Đâu hồi khuya. Chẳng là bày trẻ
túi nó mắc đi chực muối từ hồi gà gáy
tan, nên thằng Đực nhờ ra nói với thằng
Tám, không thì anh Hai...

Anh Hai có vẻ suy nghĩ:

— Lạ hi? Đang mạnh ừ mà chết
răng vội rứa?

Thủ Tự làm thinh, lấy thuốc vắn hút.
Rồi nói:

— Mình nghe chết thì hay chết, biết
chỉ mô. Kề như rứa cũng khỏe. Biểu
sống lấy chi mà ăn chừ.

Ông ta đứng dậy:

— Có siêng vô giúp hần một tay, đi ta!

Ông già Cấn thoáng một ý nghi hoặc.
Thủ Tự không những bà con với thằng
Đực mà còn là người có trách nhiệm
công việc của xóm, Thủ Tự phải lo là
việc đương nhiên. Nhưng có lẽ ông ta
sợ liên lụy, không muốn cho con dính
liu đến cái chết này nên mới ra gọi con
ông. Ông liếc nhìn anh Hai. Anh Hai
thản nhiên đi theo Thủ Tự ra ngõ.
Ông Cấn lầm bầm: "Hôm nay cũng
chẳng làm gì. Nó kiếm một bữa sáng,
một bữa trưa cũng được."

Xác thằng Đực Nhỏ được bó trong
ba, bốn manh chiếu cũ, ở ngoài nẹp
sáu bảy thanh tre, buộc ba giây lạt, dây
trên đầu, dây giữa người, dây dưới



chân và được đặt trên một tấm cửa tre đã cũ. Công việc gói ghém ấy được làm đầu từ hồi khuya nên khi mấy người đi tới thì kiến vàng đã bu dày đặc trên mấy kẻ chiếu.

Thủ Tự giục :

— Không còn ai nữa à ? Bôn đi mà táng cho rồi chứ dất đồng lúc này đào cho ra cái huyết cũng bỏ hơi tai.

Đực Lớn, sắc mặt ráo hoảnh, nhưng cũng lấy giọng rầu rầu trả lời :

— Dạ, có nhờ Hương Lại. Chắc cũng sắp qua chừ. Phải chi có người nhờ lên khoét trước một lỗ thì cũng đỡ nhọc những người khiêng, nhưng ngặt quá, ai cũng đi theo muối hết. (Anh ta ngừng lại đổi giọng nói lớn hơn) Tôi có biểu mụ nhà làm thịt con vịt nấu cháo... Có trễ chi mình về cũng kịp trưa.

Anh Hai Căn nghe hai tiếng thịt vịt rất rõ nhưng vẫn tưởng mình lầm, liếc nhìn trên mặt Đực Lớn rồi ngó vọng xuống nhà dưới. Vợ Đực Lớn đang lui cui dưới bếp. Có tiếng chặt rầm rập. Bây giờ thấy người đến, chị đem ra bằm lại chứ thực chị đã lo làm từ sớm. Phải bằm nát xương ra để khuấy vào trong cháo cho không ai còn phân biệt được thịt cánh, thịt cẳng hay thịt đầu, bởi vì hai cái phần mình của con vịt và bốn chiếc đùi đã được chị cắt kỹ một nơi. Chị cũng không quên lấy cái đòn kê bằng gỗ búa để bằm thật mạnh. Gỗ búa mềm hơn xương vịt. Vì thế, chỉ có nhúm xương mà bằm một lát đã thấy bột bẻ.

Hương Lại vừa vào, nghe tiếng chặt thớt, cười xề xề... Anh ta nhìn cái xác gói chiếu, nói bông đùa :

— Nhiều thiệt. Đã bó cả đồng mà cũng còn dề bằm..

Thấy không ai hưởng ứng, Hương Lại rút điều thuốc tòn trên mép tai, đi xuống bếp. Anh vừa ngồi thấp thuốc bì bập, vừa liếc nhìn người đàn bà, hỏi khẽ :

— Vịt đâu rứa ?

— Mua.

— Xì ! Mua cái ngừ quý ! Nói thiệt, ăn cái thịt vịt của bà cho thêm mang họa mà cũng là nuốt ba cái xương không.

Anh liếc rất nhanh lên nhà trên rồi véo vào dưới lưng chị ta vừa cười ồm ồm :

— Có phải không ? hể ?

Người đàn bà làm bộ giận, huơ con dao lên :

— Đồ chết dịch ! Tôi cho một dao chừ !

— Ủ, bằm luôn tôi mà ăn nể !

Anh đứng dậy, xề cái dít lại phía chị như thách đố, cúi véo vào bắp hơn chỗ ban nãy một cái rất đích đáng, rồi vừa đi lên, vừa phân trần :

— Ba cái thuốc này vô phân gà mà dờ lửa quá, hút cứ tắt miết.

Anh đứng lại bập bập rất mạnh và nhà khói từng luồng.

Trước khi khiêng đi, Đực Lớn còn lấy thêm hai sợi lạt buộc bó chiếu vào tấm cửa tre. Anh Hai Căn lúi húi cột giúp.

Hương Lại đứng chống nạnh, nói một câu đề bào chữa sự ở không của mình :

— Còn chạy đi đâu mà ràng rịt cho nhiều. Bó chặt cái cách ấy bữa sau cũng đánh cần cụng giổ nữa. Xuống được dưới đất thì nằm liệt dưới ấy luôn chứ có về cái ngử quý !

Ràng rịt xong, mặt trời đã lên khá cao. Đực Lớn rút ít cây vạt giường đã cũ, chặt đôi, bó lại làm đuốc cho có lệ. Đoạn, quay xuống nhà dưới nói lớn :

— Lo cháo vịt cho kịp nghe ! Nửa buổi là về đó !

Rồi quay lên phía hai người — Hương Lại và Hai Cấn — anh ta dọn một bộ mặt rầu rĩ :

— Đáng lẽ tôi cũng khiêng một đòn với mấy anh để đưa nó lên đồng nhưng ngặt tôi đi gánh bồi hôm qua cho Năm Dật, bị trẹo cái xương vai... Kề thằng Đực nó cũng nhẹ...

Anh xây qua Thủ Tự :

— Cậu Thủ nằm chơi, chúng tôi về liền chừ.

Thủ Tự không nói không rằng, nằm khênh trên chiếc giường tre. Đực Lớn giục :

— Thôi, đi ta !

Rồi vác hai chiếc cuốc, hươ đuốc dưới nắng, đi trước.

Hai người khiêng từng tợn bó chiếu theo sau.

Anh Hai Cấn vừa đi vừa nghĩ đến nồi cháo vịt, cố tìm sự liên lạc giữa thịt vịt và cái xác chết. Hương Lại vừa nghĩ đến mụ Đực Lớn, vừa nghĩ đến mớ xương bằm vụn. Hai hình ảnh ấy lớn vồn trong óc,

cái nào cũng gọi cho anh một nỗi vui ngờ ngợ. Hương Lại là láng giềng của Đực Lớn. Anh ta không bà con với ai ở xóm này. Vào số những người nghèo nhất xóm, Hương Lại có một lối sống hơi khác hẳn mọi người. Anh ta chưa hề làm chức vụ lý hương gì, nhưng vốn tên là Lại, anh đặt đứa con gái đầu lòng là Hương để mọi người trong xóm theo lối gọi cha mẹ bằng tên con, gọi anh là anh Hương. Dần dần để phân biệt với những người trùng tên, người ta gọi thêm tiếng Lại. Từ đấy tên Hương Lại được gọi quen đi và nhiều lúc Hương Lại cũng có cảm giác rằng mình đã từng làm lý hương thiệt. Không ai rõ tường tận trước khi đến ở xóm này anh đã làm gì, nhưng theo anh nói thì anh đã từng đi lính và anh biết cả tiếng Tây. Chỉ khi nào nài nỉ lắm anh mới nói đôi câu cho đàn bà con gái cả xóm nghe qua cho biết cái tiếng nước người. Thực ra quốc ngữ trong xóm cũng không ai biết, nữa là tiếng Tây ! Chứ nhò thì Thủ Tự nhờ thuở nhỏ cha mẹ có gửi lên giữ trâu cho ông nghề trên làng để kiếm năm ba chữ, nên cũng biết được một nhăm, một mớ, nhưng lâu ngày rơi rụng chỉ còn đủ để thủ ký trong các văn khế vay nợ. Bởi vậy Hương Lại tự do nói tiếng ngoại quốc, không sợ một ai. Mỗi lần như thế, anh đứng chàng hăng, tay chống nạnh, mặt vách lên, môi hơi xẹo lại một bên rồi anh bắt đầu « bà lù xù, bà lùy xùy » cả tua, sùi cả bọt mồm bọt miếng ra những người chung quanh. Đàn bà con gái cười rúc ra rúc rích, lấy tay bịt mắt lại, nhưng vẫn hé dòm qua kẽ tay để hở. Còn bọn trai trẻ thì

cười hả hả, hươ chân, múa tay hết sức thích chí. Một điều may mắn là không ai phục Hương Lại cả. Ở Xóm Cát, trên sự sống nghèo nàn và trơ trụi do những người gom góp từ đầu giạt đến; ít ai thực lòng tin một điều gì, ngoại trừ lúa khoai, rau muối.

Xong một trận như thế, Hương Lại dừng lại thở hào hển, tưởng như ngút hơi. Một lần Hai Sanh đi qua, thấy thế, nói chớ vào :

— Ông Tây đã đói bụng xẹp hông rồi, Bô-lô-xí-là, ai có khoai chặc không, đem ra cho ít khúc, bà lù xù, bà lì xì !

Tức thì Hương Lại trợn mắt lên, chỉ tay vào mặt Hai Sanh, trợn độc mắt, nói ba xí ba tú một hơi rất dài đủ các thứ tiếng kỳ lạ mà người xóm cát chưa từng nghe đến. Mọi người ngơ ngác nhìn anh ta, không một ai cười nữa. Xong, Hương Lại chấp tay sau đít, đầu gằm xuống, dặng chân đi từng bước lớn, trịnh trọng trở về nhà, về mặt hăm hăm y như một ông Tây bất mãn.

Mà Hương Lại bất mãn thực. Là bởi Hai Sanh đã nói đúng gan ruột anh ta. Ông Tây đói lắm, vì cả ngày hôm đó ông Tây chỉ ăn có một chớ khoai trưạ.

Qua suối, lên đồng, Đực Lớn dẫn đến một cái gò nhỏ ở giữa mấy đám ruộng trỉ khô nẻ. Lơ thơ mấy nắm mồ đất đỏ, lệt tệt, cỏ mọc lòi còi, y như những miếng bánh đúc để khô bu bám ruồi nhặng.

Đực Lớn ném đuốc và bỏ cuốc xuống :

— Thôi, chôn đây được rồi.

Hương Lại chống nạnh nhìn quanh ra vẻ quan sát, rồi đưa tay chỉ đông, chỉ tây, lên giọng :

— Nền đem chỗ cao cao mà chôn cho nó phát tướng sau này, con cháu mới mong ăn trên ngồi trốc thiên hạ được. Kỵ nhất là mấy chỗ trũng trũng này. Táng mấy chỗ trũng trũng nó phát đình dữ lắm. Mình còn không đủ phỉ lúm, phát đình có mà chết sớm.

Nói thế, nhưng sau ai cũng đồng ý nên đào ở chỗ trũng vì đất mềm hơn. Hương Lại chống nạnh, cố tìm một việc đề khỏi cuốc nên lấy ngón chân kẻ kẻ dưới đất, vạch hướng cho mọi người đào theo. Anh Hai Cấn cầm cui bở những lát cuốc nặng trĩch. Anh không dám nghĩ đến sự mệt mỏi, bởi vì đòn khiêng vừa rồi cũng như những lát cuốc này đây là chút tình đối với người chết. Đực Lớn cuốc được vài lát, dừng lại ra vẻ sức nhớ điều gì, bèn bỏ cuốc, chạy lại nắm lấy bó đuốc, thò phỉ cho lên ngọn lửa, rồi nói :

— May quá, cứ tưởng tắt mất rồi. Đề thấp thuốc chớ. Anh Hương giúp một tay cuốc đi. Tôi lấy thuốc vắn cho.

Anh ta làm bộ lục lạo trong túi áo rồi lôi ra những lá thuốc vàng sậm. Hương Lại đành cầm lấy cán cuốc. Đực Lớn vắn rất lâu, về đi về lại điếu thuốc rồi lẩn giữa lòng hai bàn tay, tém đầu, tém đuôi ra vẻ hết sức chu đáo. Xong, anh ta thấp thuốc. Bập vài hơi thẩu óc, anh đem lại tra vào môi Hai Cấn. Rồi lọ mọ vắn điếu khác cho Hương Lại. Xong điếu cho Hương Lại anh mới vắn lấy điếu mình. Vừa vắn, anh nói :

— Cái nghề cầm cuốc nghỉ tay mấy bữa là đã sút rồi. Như ông Hai đây, ai

cũng phải chịu là tay cừ nhất. Cuộc không biết mệt, đường cuộc đi đều mà nặng tay. Còn ông Hương thì ngày trước có đi lính với người ta nên dù sao cũng không thuần bằng. Nhưng nghe ông có cuộc đất đậu thử sức với Ba Thế hai ngày, phải không ? Hơn, phải không ?

Hương Lại không dừng tay, đáp trong hơi thở hồn hèn :

— Sá gì. Tôi chấp cả hai anh em nhà nó cũng cứ ăn đứt.

Đực Lớn lại kể về đến những người đàn bà cuộc giỏi. Nào con Sáu Lường, con Hỷ,

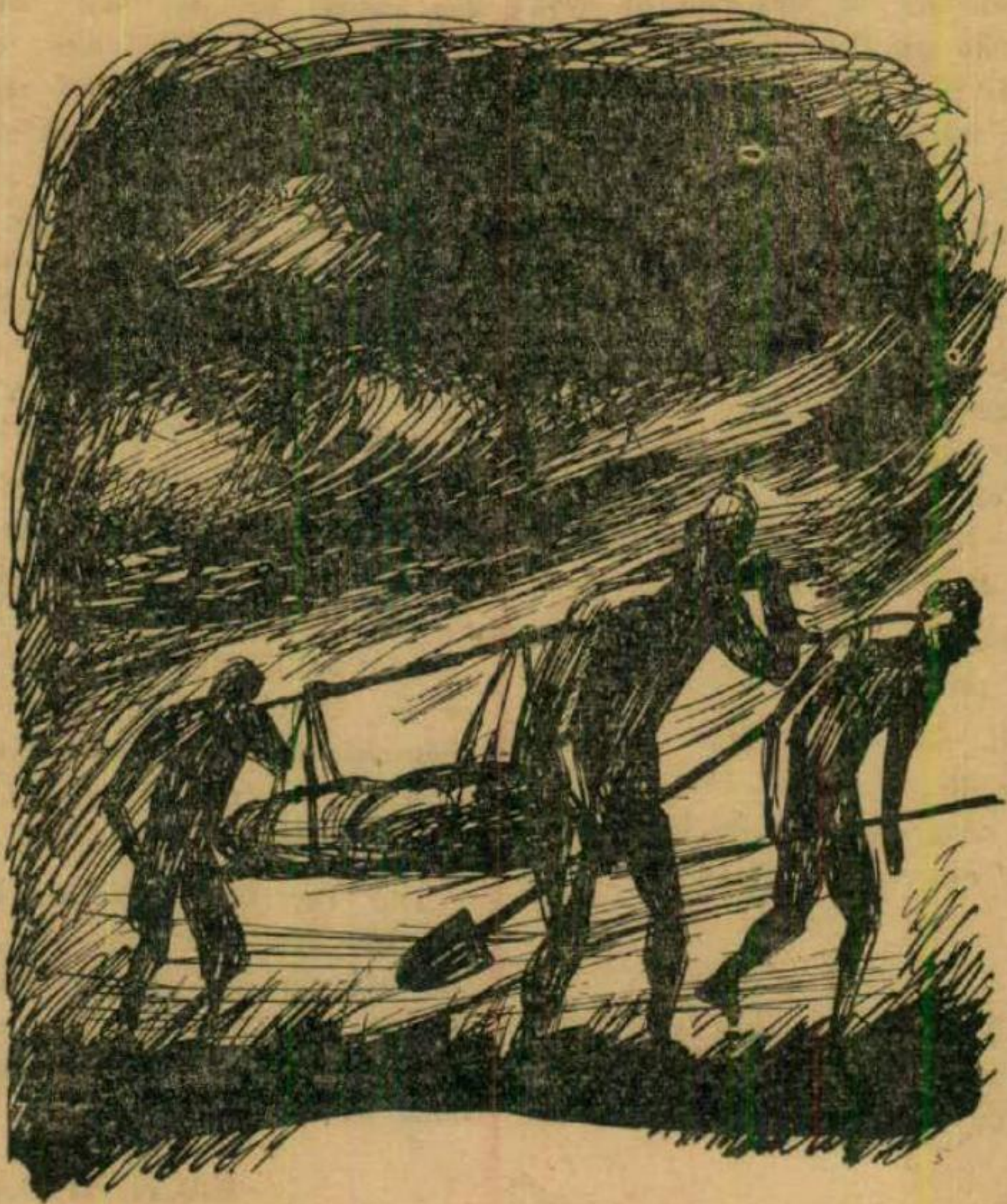
con Huê... cuộc thực dịu dàng mà dai sức, đàn ông ít người hơn rồi. Anh ta nói mãi, nói mãi cho đến khi Hương Lại ném cái cuộc xuống :

— Được rồi. Sâu lắm nó hăm cái xác, hồn ma lục đục, mình ở không yên.

Anh Hai Cẩn dừng tay, cúi nhìn cẩn thận rồi nói :

— Chưa lút đầu gối. Cạn quá cũng không nên.

Anh định nói : « Sợ chó đánh hơi đào xác » nhưng lại nghĩ nói thế nghe



tội tình quá. Hương Lại xl một tiếng lớn :

— Nên với không gì ! Đủ sức thì thôi chớ. Tôi bần nên vét lại thì vừa. Anh Hai chịu khó vét sơ đi. Mình nghĩ chôn ở dưới đồng có khoẻ hơn không ? Công sức đào một cái huyệt ở trên đồng có thể đào mười lăm, hai mươi cái dưới cát.

Anh Hai Cấn nhú mày :

— Nói nghe lạ quá. Năm xương mình gởi trên đồng nó cũng hơn chớ. Đất đồng nó dễ dặt hơn, nó ẩm áp hơn, từ hồi ông bà đến chừ ai cũng chôn lên cho gần làng, gần xã chớ ai nỡ đem cái xác mà bỏ vùi, bỏ lấp dọc đồng như mà cô hồn được.

Suốt buổi, đây là lần thứ nhất anh Hai nói nhiều như thế. Đời anh, anh cũng chỉ ao ước sau này được có một năm mộ trên đồng, năm mộ ở giữa lúa ruộng, gần với mồ mả ông bà, mồ mả người xóm, người làng, được gởi mình giữa lớp đất dễ dặt mà trọn đời anh cuộc anh cày một cách cực khổ, lam lũ nhưng vẫn thiếu trước hụt sau, chịu kiếp cô đơn.

Đức Lớn im lặng giây lâu có vẻ suy nghĩ, rồi cũng phụ họa :

— Phải rồi. Anh Hai nói phải. Cực nhọc là bao lăm gởi được cái xác trên đồng cũng yên ổn hơn. Phải, thôi, anh Hai chịu khó vét sơ rồi ta hạ huyệt.



Trong khi lửa vùi cháo vào huyệt, nhiều lần anh Hai Cấn có cảm tưởng rằng những thứ cứng cứng, khô xam

ấy không phải là xương hay thịt vịt nhưng lại cố nghĩ rằng đây là thịt vịt. Đặt dĩa xuống, anh vẫn còn thòm thòm nhưng nhìn nồi cháo đã sạch quẹt sau khi Hương Lại vét sần sật xuống lòng cả đáy nồi, anh bỗng nhớ đến ông Cấn và mẹ con thằng Còi... Phải chi mỗi người được một bát cháo này để ăn, họ sẽ thỏa dạ biết là bao nhiêu !

Suốt trong bữa ăn không ai nói gì đến người chết. Mọi người làm thình, làm thế, húp sùm sụp, cánh tay cầm dĩa ngoáy đều, cặp mắt lảo liên đảo vòng từ đáy nồi đến những cái bát của người bên cạnh. Ăn xong, anh Hai Cấn nghĩ rằng trước khi về nên nói một câu về người chết cho hợp đạo đời, nhưng tìm mãi không ra một câu nào nghe được anh bèn đứng lên chào qua mọi người rồi quảy quả bước ra. Hương Lại đã hai lần xuống bếp hút thuốc nhưng nhìn quanh không thấy mẹ vợ Đức Lớn nên cũng bước theo. Thủ Tự muốn bắt chước hai người, nhưng nhớ lại sự chờ đợi của mình suốt cả buổi sáng, bây giờ ăn xong về liền thì coi cũng không tiện, đành ngồi rón lại giảng giải :

— Con người sống chết là do cái số cả, chú Đức à... Thằng Đức nhỏ chết nhằm cái ngày cũng tốt, lại cũng được cái mồ cái mả trên đồng, rứa là mọi bề cũng được êm đẹp...

Thủ Tự bỗng dừng lại. Bởi vì vừa xây lại ông thấy Đức Lớn ngồi dựa vào gốc cột đầu ngoạ qua một bên ngủ từ bao giờ, khoe mồm nhuế ra một dòng nước dãi. Thủ Tự nhẹ nhàng đứng lên, rón rén bước ra.

Qua khỏi ngõ ông Hòa, bước sang nhà bà Bảy, Thủ Tụ nghe nhiều tiếng chửi vọng ra. Rồi ở dưới vườn Hai Lý có tiếng chửi trả lại. Theo đúng sự phát triển của ngôn ngữ, họ bắt đầu bằng tiếng một, sau tiến lên câu dài rồi tiếp đến thành chương, thành bài, tuôn ra một lượt, không bên nào chịu nghe bên nào. Ban đầu cả hai cùng ở trong nhà chửi qua kẻ phen, nhưng sau vì cùng đua nhau nói, nên không ai nghe rõ mình nói những gì, bèn tiến ra phía sau, lựa chỗ vắng nước để lấy thế đứng, chỗ miệng sang bờ rào, chửi nhau kịch liệt hơn trước. Ban đầu Thủ Tụ toan vào can thiệp để họ nể mặt mình mà im đi nhưng sau thoáng nghe trong câu họ nói có nhắc đi nhắc lại hai tiếng « thịt vịt » nhiều lần, Thủ Tụ chợt dạ bèn làm thinh đi luôn. Được một quãng, gặp bóng cây trâm ở góc vườn khá mát, Thủ Tụ ngồi xuống, chỗ tai dễ nghe. Bây giờ đã quá mệt, họ đã thôi làm bài và trở về từng câu ngắn. Tiếng Bà Bảy gào khan :

— Tau đào mà cha mi ra cho mi coi.

Lập tức, vợ Hai Lý the thé đáp lại :

— Mà cha tao ở trên đồng, đổ thẳng lẳng cha đũa nào giỏi lên mà đào. Nói mà không làm được là đồ uống máu đẻ !

Thủ Tụ nghĩ thầm : « Cũng may mà chôn cả trên đồng, nếu chôn dưới cát thì chắc người chết ăn năm cũng không yên. »

Tiếng bà Bảy gặng gượng : « Máu đẻ đem đồ trên đầu cao tăng cổ tồ nhà mi ! »

Giọng vợ Hai Lý không nao núng :

— Quơ mà nuốt hết rồi chứ có đầu mà đồ trên đầu đũa nào.

Ôi chao ! Thèm lắm mà ! Ăn cái của dơ, của nhớp vào rồi chửi mạnh miệng lắm mà !

— Không biết đũa nào thèm ! Không biết đũa nào thèm !

— Ừ, không biết đũa nào thèm. Cái của bất lương, phi nghĩa là cái của dơ, của nhớp, còn vục đầu vào mà ăn, không biết xấu hổ lại hả hống ra mà nói nữa tề !

— Người ta cho tao ăn thì tao ăn. Tao không ăn của ăn cắp, ăn trộm. Đừng có ăn không được rồi cảnh nanh, sủa hoai, điếc dít !

Thủ Tụ nhớ lại lúc nãy có nhìn thấy mẹ Đực Lớn tay cầm bát, đi bằng ngõ rào dưới về nhà. Đầu đuôi câu chuyện chửi bới này nguyên do là thế : vợ Đực Lớn đem cho Bà Bảy một bát cháo. nhưng không đi bằng ngõ trước, mà cố tình đi bằng ngõ sau cho mẹ Hai Lý thấy. Chẳng là tháng trước, khi lên cắt rạ đem trên đồng để về bỏ chuồng bò, vợ Đực Lớn có hốt trộm của ông Hòa một đầu gánh. Nhưng đem về chưa trót lọt thì bị ông Hòa bắt được quả tang. Sau này vợ Đực Lớn dò biết là bị mẹ Hai Lý mách và nhân đây mà ông Hòa cho mẹ này hơn nửa đầu gánh rạ. Đã lâu hậm hực trong lòng hôm nay mới có dịp trả thù. Bởi vì cho cháo Bà Bảy tức là khiêu khích vợ Hai Lý.

Trong khi ngồi nhìn Bà Bảy húp cháo, vợ Đực Lớn kể lể tất cả những thói xấu của con gái lão Bằng — một cách

gọi tên vợ Hai Lý — Bà Bảy vừa lửa cháo, vừa gục gặc đầu. Chưa bao giờ hai người lại tỏ ra tương đắc như thế. Họ ngồi chò hồ ở cửa sau nên từ nhà Hai Lý trông lên rất rõ. Vợ Hai Lý mới ăn một rổ rau luộc từ chò nửa buổi nhưng bây giờ đã thấy đói hung rồi. Nhìn thấy mẹ Bảy vừa ăn, vừa nói, mà ghét. Đến lúc vợ Đực Lớn đứng dậy ra về, còn thấy bà Bảy kêu lại nói những gì vừa chỉ tay xuống ngõ nhà mình, tức thì vợ Hai Lý ngồi lên, chạy rút cây dũa bếp, giáng mạnh xuống lưng con chó vện đã lòi cả xương, chửi đồng :

— Mẹ cha mi ! Đã biết ăn mà không biết liếm cái bát cho sạch !

Lập tức Bà Bảy hiểu ngay là vợ Hai Lý nói đùa nào rồi.

Vội vàng, bà ta cũng quơ cây dũa bếp, đập túi bụi vào con chó vện nhỏ chút cho kêu ăng ăng, vừa nói rất to :

— Cố tỏ mi ! Có mà liếm cái ngừ c... ngoài gò !

Thế là cuộc chiến bắt đầu. Từ chỗ nói bóng, nói gió, hai người đi dần vào trong cuộc đời tư riêng của nhau, lòi cả cái dĩ vãng không lấy gì làm tốt đẹp của nhau ra nói. Có nhiều chuyện đã rõ, hoặc chưa biết rõ, bây giờ được đem ra phổ biến hết sức hăng hái. Nào là vợ Hai Lý vào dịp nam ngoái đi cấy cho Cửu Thưởng làng ngoài có ăn vụng cá kho dưới bếp rồi sau cứ đồ thừa cho chó. Nào là giá tiết mẹ Hai Lý không bằng một tấm giẻ rách, bởi vì trước khi lấy chồng mẹ đã quơ không biết bao nhiêu

là thằng, miễn là mỗi thằng hứa cho một chuông vải ú, một cái coi nón hay một dây lưng... Nào là vợ chồng Hai Lý là bọn vô đạo, năm ngoái đã hạ bàn thờ cha của chúng xuống để làm giường nằm...

Hồ sơ Bà Bảy cũng được truy cứu đầy đủ : nào là moi trộm khoai của ông Hòa mấy lần... Nào là đã già mà còn trai gái với Thủ Tự...

Thủ Tự vụt đứng lên, bước đi rất nhanh, hối hận sao lúc này mình không vào nạt thét một trận cho chúng im đi. Bây giờ thì muộn quá rồi. Phần Thủ Tự thì không còn mặt mũi nào để vào nói nữa, mà phần hai người đàn bà thì đã say máu ngà, không còn cách gì ngăn lại được. Không những họ chửi vì giận nhau, họ chửi vì có biết bao nhiêu mối giận với biết bao người trong xóm. Lại thêm không biết làm gì hơn nữa trong sự cùng quẫn, túng đói này, nên chửi giúp họ trút bớt những căm hờn không đâu và đem lại cho họ một ít ảo tưởng về năng lực của mình.

Nhưng Thủ Tự bỗng dừng lại. Mặc dù giọng Bà Bảy cổ phá đám nhưng tiếng vợ Hai Lý trẻ hơn, thanh hơn, nên nghe vẫn rõ mồn một. Bây giờ vợ Hai Lý đang kể đến khúc Bà Bảy có mang với Hai Nguyên, lão lái bò què quặt. Nào Bà Bảy quần cái bụng lại không cho ai biết rồi đến kỳ sinh đẻ, đem con bỏ trên bờ suối. Nào Bà Bảy lập mưu cho Hai Nguyên giả đồ đi tỉnh cờ qua suối gặp « con ai không biết » rồi mang về rêu rao khắp xóm nhờ người ta nuôi lấy phúc, lấy đức. Thế rồi chính Bà Bảy lại chạy ra, vừa chửi « cái bọn chưa hoang đẻ bậy », vừa xin đem thằng nhỏ về nuôi. « Bây giờ đã rõ cái

mặt ra chưa ? Bà con khắp xóm ai không nhìn biết cái tướng thẳng Đàn ; cái miệng tòa loa như cái miệng mụ Bầy, còn con mắt ti hí như con mắt lão Nguyễn. »...

Đã đến cái độ không ngăn được nữa rồi. Chưa bao giờ hai người lại giận nhau đến thế. Chưa bao giờ họ tỏ ra có sức đến thế. Chuyện xưa, chuyện nay đã nói cả rồi. Bà con trong xóm, trên làng cũng được nhắc đến cả rồi. Đến những người chết từ bao giờ cũng được gọi lên đề dự những đám cỗ gồm toàn các thức dơ nhớp nhất trong thiên hạ. Chỉ còn một nước cuối cùng : đánh nhau. Hai người cùng áp tới một lượt và gặp nhau chỗ bờ cát. Họ đánh đấm túi bụi, xô nhau, kéo nhau, lôi tóc nhau, cào cào trên quần áo của nhau, miệng thở phè phè. Khi hai người vừa té nhoài ra, mỗi người mỗi ngã thì trên khóe miệng ai cũng có một ít máu và quần áo không còn là những thứ để che đậy thân thể nữa. Vợ Hai Lý chồm ngòm ngồi lên, cổ hét bằng một giọng đã khàn :

— Tau đốt nhà cho mi coi !

Bà Bầy cũng trườn lên, gào lại, giọng càng khàn hơn :

— Đố mười mặt mi. Tau cũng đốt nhà cho mi coi.

Thế là hai người lạch ạch ai về nhà nấy. Phút chốc mỗi người chạy ra thòi phì phì trên một con cuối bằng rơm. Họ nhìn nhau, liếc quanh để mong có người nào vào can gián, nhưng không ai có mặt ở đây cả. Họ lại nhìn nhau rồi làm vẻ rất cương quyết, cả hai hì hụi chạy sang dí lửa vào mái tranh của nhau. Những ngôi nhà tranh giòn rụm dưới nắng hạ như dúi lửa, cháy lên ngùn ngụt. Và hai người đàn bà, ai chạy về nhà nấy, kêu cứu, la làng inh ỏi. Nhưng giọng họ đã gần như tắt hẳn rồi.

Đến lúc Hai Lý chạy về tới sân và thẳng Đàn lửa con ghé đến ngõ thì hai ngôi nhà chỉ còn là hai nhúm tro tàn. Cạnh mỗi đống tro tàn ấy, mỗi người đàn bà xờ xạc, lỏa lỏ, mồ hôi muối đầy cát trắng và tro đen, nằm thở hào hển như sắp chết gấp.

VŨ-HẠNH
(Xóm Cát)

Nghĩa hai chữ « Trung Hòa »

Mừng, giận, buồn, vui chưa phát ra thì giữ được « Trung », vì tâm chưa thiên lệch bên nào. Mừng, giận, buồn, vui phát ra vừa phải thì giữ được « Hòa ». Trung là cái gốc lớn của mọi biến thiên trong thiên hạ. Hòa là cái đường chính cho mọi thành đạt trong thiên hạ. Nếu tới được cực điểm của Trung Hòa thì trời đất sẽ có ngôi thứ phân minh, vạn vật sẽ sinh nở điều hòa.

TRUNG DUNG

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

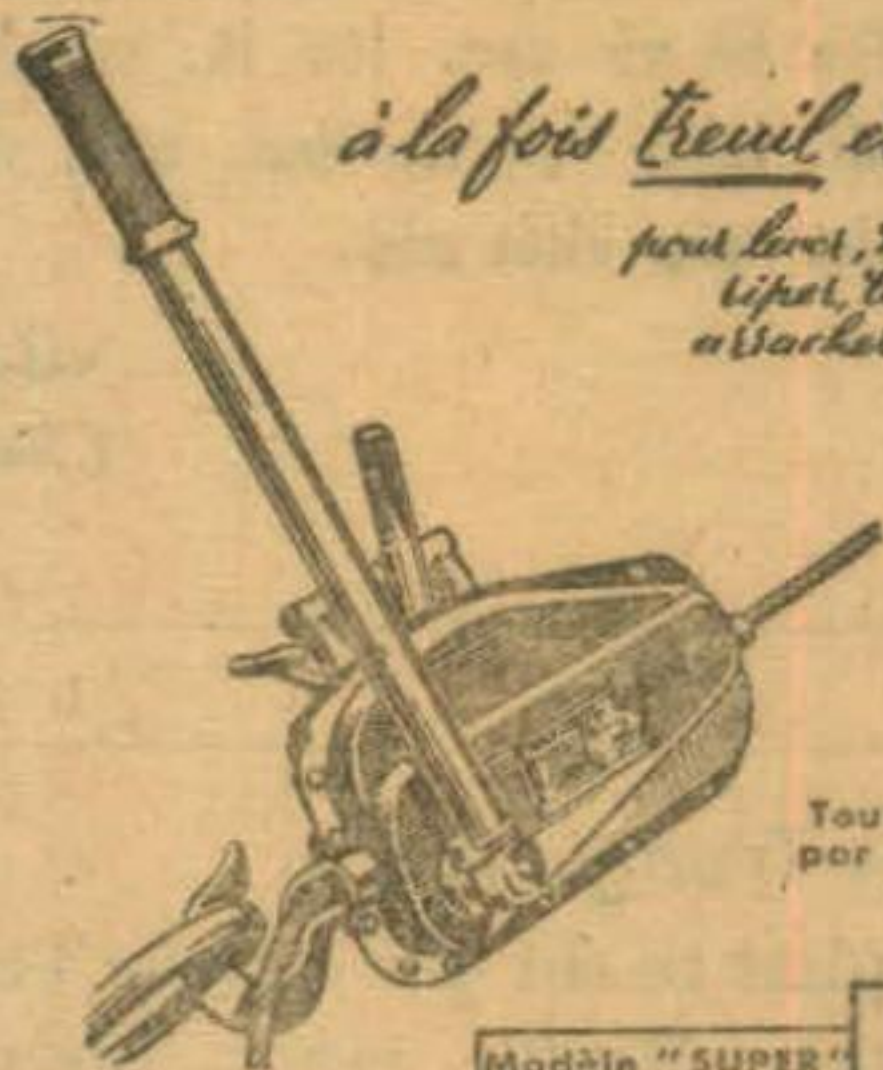
36, Rue TÔN - THÀT - ĐÀM
(ex. Chaigneau)
Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Ex. Doudart de Lagrée)
Téléphone : 385 et 543
B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bêlé (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois treuil et palan!

*pour lever, tirer,
tirer, tendre
à l'achat et...*

Toutes forces
par mouflage
facile

6
avantages du
TIRFOR
(B" S.B.C.)

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés.

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINES"
(Traction seule)
Forces : 1.500 et 3.000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

**Tirfor rend
1000 services!**
Demandez-nous la
brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài Gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

Tâm Tư

Kính viếng hương hồn bạn và anh
Bùi-đặng-Hà-Phan.

Nửa đời ăn quán trọ,
Bạc tóc ngủ nhà thuê.
Vườn thừa trăng gác ngõ,
Bếp lạnh gió đi về.
Đời nghèo, năm tháng dài,
Chiều nay buồn sơn khê.

Đất hẹp không nơi dựa,
Nhân tình sao éo le ?
Công danh mờ thế sự,
Cơm áo quên tình quê.
Nẻo đời mưa gió loạn,
Giàu sang mơ làm chi.
Đêm nằm thức suốt sáng,
Nào đâu người [tương tri] ?...

Giận đời không sự nghiệp,
Đêm đêm ngồi ngâm thơ
Gió trăng nghe đến viếng,
Thành-Hiền tựa án thư.
Thơ làm chưa trọn ý,
Giàu sang đã có dư.

VŨ-QUỲNH-BANG

(Trích « Thơ mùa ly loạn »)



« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA



Đừng Hộp Quẹt là BLUE BIRD
phụng-sự nền kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière

« Nhắc đến cô gái phạm Trung-hoa, dù có thiên về mấy bộ Tam-quốc, Tây-sương, mà xưa nay ai đã đành quên Tình-sử? » Mà đã nhớ Tình-sử thì ai nỡ nào quên được Liêu-trai? Cho nên khi bạn Hu-Chu, quá bận rộn vì đang mùa thi cử, phải tạm biệt Bách-Khoa, thì chúng tôi bèn nhờ một bạn khác đã từng đề hai mươi năm học hỏi Hán, Pháp, Anh-văn và Thế-giới ngữ, vừa làm quen với các bạn qua bản dịch « Cuộc thách đố » : bạn KIỀU-YIÊU.

Bạn KIỀU-YIÊU đã nhận lời, và đã... khò sò.

Bởi lẽ trong các tiểu thuyết danh tiếng của Trung-hoa, có lẽ Liêu-trai là khó hiểu hơn hết, lại bởi ngoài cái giá trị văn chương, còn thêm cái giá trị cách mạng; và bởi lẽ bạn KIỀU-YIÊU đã thất vọng với một Tân-Đà già già, với một Quán-Chi khiếm tốn, với một Nhượng-Tống tài hoa, lúc ba bậc đàn anh này dịch Liêu-trai chỉ dị. Văn của Bồ-Tùng-Linh gãy gọn quá, mà đặc tính này đã xui nên bao sự hiểu lầm cho người

đọc ngoại quốc, trong đó có ba nhà văn mà chúng tôi vừa kể.

Cho nên mãi, truyện dịch đầu của bạn KIỀU-YIÊU đành phải hơi nhiều lời, quá tốn thời, quá rành rọt. Điều làm cho bạn chưa vừa lòng trọn vẹn.

Đồng ý rằng người đọc già chán chính muốn thưởng và muốn nơi bao giờ cũng « muốn làm sao nước chảy ở dưới vòm còn giữ được ít nhiều cái hương vị tình rờn lúc nó vừa ở trên nguồn tuôn ra », bạn đang cố dịch những chuyện kể sao cho vừa gọn gãy, vừa giữ một ngữ khí cô lảnh gằn như nguyên văn, sao cho súc tích hơn, chập chờn mộng huyền hơn.

Còn giờ, mời những bạn nào đã chán ngán chuyện « người » hãy cùng ai trước đèn thơ thần mà nghe « ma » to nhỏ...



I. — BẠCH-THU-LUYỆN

Ở tỉnh Trục-lệ có chàng trai họ Mộ, tự Thiềm-Cung, con của ông lái buôn Mộ-Tiêu-Hoàn. Chàng là người thông huệ, ham học, tuổi mười sáu. Mộ-ông cho nghề văn là phù phiếm, bảo chàng đi học buôn bán.

Chàng theo cha đi xuống đất Sở. Mỗi khi trong thuyền không việc gì làm, là chàng bèn ngâm thơ. Đến Vũ-xương, cha chàng ở trọ lữ quán, đề cất giữ tiền nong cho được chắc chắn. Chàng thừa lúc cha đi khỏi, bèn cầm sách lên mà ngâm thi, tiếng nghe sang sảng, Chợt thấy bóng thấp thoáng ở cửa sò, như có ai nghe trộm, thế mà chàng vẫn chưa lấy làm lạ.

Một tối Mộ-ông đi dự tiệc, lâu mãi không về; chàng ngâm thơ càng thêm cao hứng. Có ai lảng vảng ngoài cửa sò, dưới ánh trăng vắng vặc. Lạ quá, chàng vội bước ra nhìn trộm, thì đó là một thiếu nữ đẹp tuyệt, độ mười lăm mười sáu. Thoáng thấy chàng nàng vội lẩn tránh.

Qua vài ba hôm, ông lái buôn chắt hàng xuống thuyền đi sang mạn Bắc. Chiều hôm đậu thuyền ở bờ hồ. Cha chàng vừa có việc đi khỏi, thì một bà lão bước vào thuyền mà rằng: «Cậu đã giết hại con gái tôi rồi». Chàng giật mình hỏi lại cho rành, thì bà ấy đáp: «Tôi họ Bạch, có mụn con gái tên Thu-Luyện, cũng hiếu văn chương đôi chút; nó nói hời ở quận thành, có lần được nghe cậu ngâm thơ lớn tiếng, đến nay lòng còn nhớ mãi không nguôi, đến nỗi bỏ cả ăn cả ngủ. Tôi có ý muốn

tính việc hôn nhân cho nó, xin cậu đừng cự tuyệt». Quả tình chàng có bụng yêu mến, chỉ lo một nỗi bị cha quở, nên chàng thẳng thắn đem hết sự tình ra bày giải. Bà lão không tin, muốn cho chàng thệ nguyện. Chàng không chịu, thì bà lão nổi giận mà rằng: «Thuở đời trong việc hôn nhân, có kẻ cầu người ta giùm mang sính lễ mà cầu chẳng được. Nay tôi đích thân đứng ra làm mai mối, thế mà lại không được ai đoái hoài, thì xấu hổ còn gì hơn. Vậy tôi xin cậu chớ mong trầy thuyền đi mạn Bắc được». Nói xong, liền bỏ đi.

Chẳng bao lâu cha chàng đi về. Chàng cố lựa lời mà thưa lại, thăm mong cha sẽ rú lòng thương mà thuận tình. Nhưng người cha thì cho là đường xá xa xuôi, lại chê cô gái còn thơ mà tưởng đến việc lưá đôi sớm quá, nên chỉ cười mà dẹp chuyện ấy qua một bên. Chỗ thuyền đậu nước sâu đến ngập chèo, thế mà ngay đêm ấy cát sỏi ở đâu bỗng dưng lên, khiến cho thuyền mắc cạn không tài nào nhúc nhích được. Mọi năm trong số những thuyền ở xa đến đều có những chiếc cứ ở lại cồn giữa hồ đó, chờ đến xuân năm sau, tuyết tan nước đầy, hàng các nơi chưa chờ lại kịp, thì bao nhiêu hóa vật trong thuyền đều lên giá gấp trăm lần giá vốn. Vì thế nên ông lái buôn chưa lấy gì làm lo ngại, thăm tính sang năm mới về Nam. Với lại còn phải đi mượn thêm vốn, nên để con ở lại đó mà về Trục-lệ một mình.

Chàng mừng thầm, nhưng lấy làm tiếc là chẳng hỏi cho biết chỗ bà lão ở. Bỗng lúc trời nhá nhem tối, bà lão với một

người tớ gái cùng dìu nữ lang đến, trải áo đặt nàng nằm xuống giường, rồi quây mặt về phía chàng mà nói : « Con người ta đau đến nước này, xin cậu đừng có vui thú gối êm chăn ấm mà làm kẻ thản nhiên vô sự nữa ». Nói xong liền bỏ đi. Chàng mới nghe qua giật nảy mình ; cầm đèn lại xem thiếu nữ, thì thấy gương mặt tuy bệnh mà chan chứa vẻ kiều mị, lại thêm ánh mắt long lanh như nước thu gợn sóng. Chàng hỏi thăm sơ lược vài câu, thì nàng chúm chím đưa duyên. Chàng hỏi gặng cho nghe được một lời của nàng, thì nàng mới nói. « Gãy võ vì ai, then gặp ai », câu thơ đó có thể vịnh tình cảnh của thiếp được ». Chàng mừng rỡ như điên cuồng, nhưng muốn xích lại sát vào nàng, nhưng chạnh thương nàng yếu đuối ; chàng chỉ đưa bàn tay sờ ngực nàng, và áp môi mình vào môi nàng, gọi là đùa bỡn cho ai đỡ buồn. Nàng bất giác lộ vẻ vui tươi hơn hớn mà rằng : « Xin chàng hãy vịnh tình thiếp ngâm ba lần bài thơ « La y điệp điệp » của Vương-Kiến, thì thiếp sẽ khỏi bệnh ». Chàng làm theo lời. Mới vừa hai bận, thì nàng đã kéo vạt áo ngồi dậy mà rằng : « Thiếp hết đau rồi ». Chàng lại ngâm, thì nàng cất tiếng run run mà họa theo. Nghe tâm thần như vỗ cánh phiêu diêu, chàng thỗi tắt đèn cùng ngủ với người thơ.

Trời chưa sáng hẳn, nàng đã dậy mà nói : « Mẹ thiếp sắp lại bây giờ ». Chẳng bao lâu bà lão quả nhiên đến, thấy nàng trang điểm xong, đương ngồi, sắc mặt vui tươi, thì bất giác thấy lòng già cũng được an ủi ; bà kêu nàng cùng về, thì nàng cúi đầu không nói. Bà lão đành về một mình chỉ bảo nàng : « Con ở chơi

với anh con mà được thấy vui, thì con cứ tự tiện ». Bấy giờ chàng mới hỏi chỗ ở. Nàng đáp : « Thiếp với chàng chẳng qua là bạn ; giao tình dầu có thân mật, nhưng việc cưới gả có gì gọi là chắc, thì cần gì phải báo cho biết nhà cửa ở đâu ». Tuy nói thế, mà đôi lứa thiếu niên rất là yêu mến nhau, nhưng muốn cùng nhau nặng lời thề thốt.

Một đêm kia nàng dậy sớm khêu đèn, bồng cầm một quyển sách mở ra, dáng thẫn thờ mà giọt lệ long lanh khóe mắt. Chàng vội nhòm dậy hỏi tại sao thế, thì nàng nói : « Ông nhà đi cũng gần về ; việc của đôi ta, thiếp vừa thử bói sách, mở ra nhằm bài Giang-nam khúc của Lý-Ích :

Lấy chồng anh lái Cù Đằng,

Đi về sai hẹn lỡ làng duyên em.

Thiếp thấy ý thơ chẳng lành chút nào cả ». Chàng bèn an ủi nàng rằng : « Chỉ lấy một câu đầu cũng là đại kiết rồi. Có gì đâu mà bảo là chẳng lành ». Bấy giờ nàng mới hơi khuây khỏa lòng sầu, bèn đứng dậy từ giả mà rằng : « Thiếp xin tạm chia tay cùng chàng. Đề sáng bạch ra, thì thiên hạ dị nghị chết ». Chàng nắm cánh tay nàng mà nghẹn ngào, hỏi : « Việc đôi ta nếu được như nguyện, thì biết em đâu mà nhân em hay ». Đáp : « Thiếp thường cậy người dò la tin tức, thành sự hay không, làm sao mà chẳng thấu tai thiếp được ». Chàng định rời thuyền để tiễn nàng, thì nàng hết sức từ chối mà đi về một mình.

Chẳng bao lâu, Mộ - ông quả về tới. Chàng dẫn thồ lộ mối tình. Cha chàng nghi chàng đã rước đi xuống, càng nổi giận đến nước si mắng chàng. Nhưng xem xét

kỹ trong thuyền, thấy không hư hao vật gì cả, bấy giờ tiếng nặng nhẹ mới chịu dứt.

Một tối, Mộ-ông không có ở dưới thuyền, nàng chợt đến, hai bên nhìn nhau bịn rịn, không biết liệu làm sao. Nàng nói: « Lòng người khi thăng khi giáng, thay đều có định số. Thôi ta hằng tính việc trước mắt đã. Thiếp chỉ xin cầm chàng ở lại hai tháng nữa, rồi sẽ bàn đến việc nên đi hay nên ở ». Lúc lâm biệt, nàng dặn chàng lấy việc ngâm thơ làm dấu hiệu trùng phùng.

Từ đấy, hễ lúc nào Mộ-ông đi vắng, chàng cao giọng ngâm thơ là nàng tự khắc đến.

Cuối tháng tư, vật giá xuống thấp, các lái buôn đành chịu vô phương, chỉ còn một nước góp tiền lại để cúng miếu hà thần (thần sông). Sau ngày đoan ngo, trời mưa nhiều, thuyền bè mới bắt đầu lưu thông được.

Thiêm-Cung về đến quê nhà, tương tư thành bệnh. Mộ-ông lo lắng, thầy bùa thầy thuốc cũng đều rước cả. Chàng nói riêng với mẹ rằng: « Bệnh con, thuốc thang khẩn vái cũng không tài nào trị hết được, mà chỉ làm sao cho Thu-Luyện đến đây là đủ ».

Mộ-ông ban đầu còn làm mặt giận, nhưng lâu ngày người chàng càng rũ liệt, bấy giờ ông mới dăm sớ, mướn xe chở chàng xuống đất Sở. Thuyền buôn của Mộ-ông lại đậu chỗ cũ. Hỏi người trong vùng thì không ai biết bà lão họ Bạch nào cả. May có một bà lão đang cầm lái một con thuyền ở ven hồ, ông bèn rời thuyền đi dò hỏi thử. Ông bước qua thuyền của bà ta, nhìn trộm Thu-

Luyện, trong bụng mừng thầm, nhưng tới chừng hỏi thăm kỹ lại, thì té ra hai mẹ con chỉ là một gia đình ba chòm bảy nòi mà thôi. Dầu vậy ông vẫn đem nguyên nhân cơn bệnh ra mà nói, mong cô gái đến thuyền mình, để khuây được phần nào nỗi đau đớn của con ông. Bà lão viện lý hai bên chưa từng hẹn ước kết hôn, mà từ chối. Nàng lấp ló sau màn, lộ nửa mặt hoa, chăm chú nghe trộm, nghe hai người lớn chuyện mà lệ ứa muốn rơi. Bà lão nhìn mặt con gái, lại thấy Mộ-ông van nài khẩn thiết quá, cũng bằng lòng hứa cho phép con đi.

Tối đến, Mộ-ông đi khỏi, cô gái quả đến thuyền, bước tới bên giường, thỏn thức mà rằng: « Thật không dè chàng lại lâm vào tình trạng của thiếp năm xưa. Sự thật về duyên phận đôi ta, không thể không nói cho chàng biết rõ. Ngặt vì chàng yếu như thế này, nếu vội quá, thì làm sao chàng hết bệnh được. Thôi để thiếp ngâm thơ cho chàng nghe nhé ». Chàng vui lòng; nàng liền ngâm bài thơ của Vương-Kiến đạo nọ. Chàng nói: « Bài thơ đó em đã từng bảo là tâm sự của em; nay nếu đem dùng trị bệnh hai người, thì làm sao kiến hiệu được. Tuy vậy mà chỉ lắng nghe giọng em ngâm, anh thấy tâm thần đã thư thái lắm. Em hãy ngâm bài « Hàng nghìn tơ liễu là về Tây » cho anh nghe thử xem ». Nàng làm theo lời. Chàng nức nở khen: « Hay quá! Năm ngoái, ngâm xong bài Giang-Nam khúc, em thừa hứng có ngâm thêm bài « Hương sen bát ngát đầm mênh mông ». Mãi đến nay anh vẫn chưa quên. Vậy phiền

em sửa giọng cho thật tốt ngâm lại một lượt nữa đi». Nàng làm theo lời. Vừa dứt, chàng liền nhảy chồm dậy nói : « Anh có bình bao giờ đâu ! » Rồi cùng ôm siết nhau, cơn bình trầm trọng như đã biến đâu mất. Một lát chàng hỏi : « Cha anh giáp mặt với bà, đã nói những gì ? Việc có thành không ? » Nàng đã xét biết ý Mộ-ông, bèn đáp ngay : « Không xong ». Rồi nàng đi.

Lúc cha chàng trở về, thấy chàng đứng đờ đẫn, mừng vô cùng, kiểm lời an ủi mà rằng : « Con bé đó đẹp thật, nhưng từ lúc còn đề trái đào, chỉ biết cầm lái thuyền mà hò. Cứ như thế, cha e khó mà còn trình được, chớ cha không bần đến cảnh nhà bần tiện của nó làm chi ». Chàng nghe thế không nói gì cả.

Khi Mộ-ông đi khỏi, nàng trở lại nữa. Chàng bày tỏ ý cha, thì nàng nói : « Thiếp đã xét kỹ rồi. Việc đời càng muốn gấp nó lại càng trễ ; mình càng theo đuổi, nó lại càng cự tuyệt mình. Nay muốn làm cho ông tự chuyển ý, thì đừng mất công van nài ». Chàng hỏi có kế gì thì nàng đáp : « Việc buôn bán thì ai cũng vụ lợi. Thiếp có thuật biết trước được vật giá. Thiếp vừa xem qua các hóa vật trong thuyền, thấy không món nào lời ít. Chàng hãy giúp thiếp một việc là dặn ông, nhớ trừ món này thì sẽ lời gấp ba, trừ món kia thì sẽ lời gấp mười. Nếu về nhà chàng, mà lời nói thiếp được linh nghiệm, thì thiếp sẽ là dâu thảo. Và đến lần gặp nhau sau này, chàng sẽ mười tám, thiếp mười bảy, chúng ta hẳn có ngày vui sum họp, thì nay lo lắng làm gì ? »

Chàng đem lời nàng nói về vật giá nhắc lại với cha, thì cha chàng không tin cho lắm, chỉ trừ lại đầu chừng nửa số hàng hóa để làm theo lời nàng chỉ vẽ. Về đến nhà, những hàng hóa nào do chính ông tự ý mua trừ, thì lỗ vốn rất nhiều. Còn số ít hàng y theo lời nàng mà trừ, thì bán lời lắm. Sách lược do nàng bày ra thấy hiệu nghiệm, cho nên ông rất phục tài Thu-Luyện. Riêng phần chàng, thì lại càng khoe khoang, nói rằng nội tiếng nói của nàng cũng đủ khiến nhà chàng giàu có.

Bấy giờ Mộ-ông mới mượn vốn thêm, xuống miền Nam. Đến hồ năm ngoái, được mấy hôm mà chẳng thấy bà lão họ Bạch. Phải thêm vài bữa nữa mới thấy bà đậu thuyền dưới gốc liễu, bèn mang sính lễ tới đó. Bà lão không thọ lãnh gì cả, chỉ chọn ngày lành đưa con gái sang thuyền Mộ-ông. Ông tậu một con thuyền khác để làm lễ hợp cẩn cho con. Nàng khuyên ông càng xuống phía Nam. Bao nhiêu hàng hóa nên trừ, đều trả tiền mặt. Còn bà lão thì mời chàng rẽ qua ở bên thuyền mình.

Mộ-ông đi buôn ba tháng trở về. Hóa vật chở đến đất Sở, đều bán được giá gấp đôi gấp năm. Lúc sắp lui thuyền, cô dâu xin cho chở nước hồ với. Và khi về đến nhà, cứ mỗi bữa ăn, nàng đều rót chút nước hồ chan cơm, như người khác dùng nước nấu. Từ đó, lần nào xuống miền Nam cũng đều múc mấy vò nước hồ đem về cho nàng.

Ba bốn năm sau, nàng sanh một đứa con. Một hôm nàng nhớ nhà quá khóc thút thít. Mộ-ông bèn cùng với con trai và nàng dâu xuống đất Sở. Đến hồ, không biết bà lão đi đâu biệt tăm. Nàng gõ vào mạn

thuyền gọi mẹ, hoảng hốt không còn hồn vía nào cả, giục chàng đi theo ven hồ mà hỏi thăm. Nửa đường gặp một người chuyên đánh cá chép, không hề mới câu được một con cá nước (mà người đất Sở gọi là bạch kí), chàng tiến lại gần, dòm thấy cá rất lớn, hình dáng giống hệt người, vú và âm hộ đều có đủ. Chàng lạ quá, về nói cho nàng biết.

Nàng hết hồn, nói trước kia nàng có lời nguyện phóng sanh, yêu cầu chàng hãy mua cá ấy mà thả. Chàng đi thương lượng với người câu cá, thì người này đòi giá quá cao, nên thôi.

Nàng nói: « Thiếp ở cùng chàng, bày cách làm tiền không biết cơ man nào mà kể, nếu chàng bo bo tiếc của, thì làm sao theo được cái giá người ta đã nhất định rồi ấy. Như chàng nghe theo lời thiếp, thì thiếp sẽ nhảy xuống hồ chết đi cho rảnh ». Chàng đâm sợ, không dám nói với cha, lại trộm tiền đi mua cá để thả.

Khi đã trở xuống thuyền không thấy nàng đâu, chàng kiếm mãi chẳng được. Đến lúc tàn canh nàng mới về. Hỏi nàng đã đi đâu, thì nàng đáp: « Thiếp vừa đến nhà mẹ ». Hỏi mẹ ở chỗ nào, thì nàng thẹn thò mà rằng: « Nay không thể nào không tỏ thật với chàng. Con cá chàng vừa mua thả đó, chính là mẹ thiếp. Trước kia ở hồ Động-dinh (tỉnh Hà-nam), Long-quân giao phần mẹ thiếp coi giữ việc lữ hành ở sông hồ. Gần đây trong cung muốn tuyển tần phi, có nhiều tiếng đồn khen thiếp; Long-quân bèn gởi sắc lệnh đòi mẹ thiếp đến, giáp mặt nhau mà ngỏ lời. Mẹ thiếp tâm tình thật, Long

quân không nghe cho, bắt mẹ thiếp thả xuống Nam-tân, đói quá muốn chết, nên mới mắc cái nạn vừa rồi đó. Nay tuy đã tai qua vạ khỏi, nhưng sự trừng phạt vẫn chưa mãn. Như chàng quả tình yêu thiếp, xin chàng khẩn chân quân hộ, thì mới miễn tội được. Nếu chàng thấy khác loài mà dám ra ghê tởm, thì xin quăng con trả lại chàng, để thiếp đi vậy. Bồng lộc ở long cung, chưa chắc gì không nhiều gấp trăm lần ở nhà chàng ».

Chàng giật mình lo sợ các vị chân quân, tức là thần tiên, không tài nào mắt phàm thấy được. Nàng nói: « Ngày mai tới giờ mùi, chân quân sẽ đến. Như thấy một vị đạo sĩ chân què, thì hãy cúi lạy cho mau. Ông ấy mà có lợi xuống nước, thì cũng cứ làm theo. Xưa nay thần tiên thích văn sĩ, nên bề gì ông ấy cũng rú lòng thương cho chàng toại nguyện ». Bấy giờ nàng đưa ra một vuông ngư phúc lã, bóng mượt như lân trắng, mà nói: « Nếu đạo sĩ hỏi chàng muốn cầu gì thì mau mau đưa cái đó ra, xin ông ấy viết cho một chữ MIỄN ».

Chàng y lời, đứng đợi chân quân. Quả nhiên có một đạo sĩ khập khiễng đi đến. Chàng liền sụp xuống lạy. Thoắt chốc, đạo sĩ rảo bước, chàng lật dật theo sau. Đạo sĩ cầm gậy ném xuống nước, và nhảy vọt một cái ngồi lên cây gậy. Chàng cứ đánh bạo theo ngồi trên đó; coi lại không phải gậy, mà là thuyền. Chàng cúi lạy một lần nữa. Đạo sĩ hỏi muốn cầu gì, thì chàng đưa vuông lân, xin chữ viết. Đạo sĩ mở xem mà rằng: « Cái này là vi cá nước. Người làm sao có được đây? » Thiềm-Cung không

dám giấu, tường thuật đầu đuôi. Đạo sĩ cười rằng: « Loài cá này rất phong nhã, lão Long quân có thể nào muốn việc hoang dâm với nó được ». Nói xong, bèn lấy bút ra viết chữ MIỄN theo lối chữ thảo, trông giống như vẽ bùa.

Chàng định quảy thuyền lên bờ, thì thấy đạo sĩ đạp lên cây gậy mà lướt đi trên mặt nước, trong khoảnh khắc biến đâu mất.

Lúc trở về thuyền, nàng mừng lắm, nhưng dặn đừng tiết lộ việc ấy cho cha mẹ biết.

Sau khi về quê được ba bốn năm, Mộ-ông đi chơi miền Nam, mấy tháng chẳng về. Nước hồ chứa đê dành đã hết không còn một giọt, chờ mãi vẫn bất tin. Nàng vì thế mà phát bệnh, ngày đêm thở khò khè, mới trời rằng:

« Nếu thiếp chết đi, xin đừng chôn. Nhớ lựa ba giờ mẹo, Ngọ, Dậu, mỗi giờ ngâm một bản bài thơ « Mộng thấy Lý-Bạch » của Đỗ-Phủ, thì xác thiếp sẽ không hư nát. Đợi chừng nào nước hồ về đến, chàng hãy rót nước ấy vào bồn, đóng cửa cối áo thiếp, ẩm thiếp đem ngâm vào đó, thì thiếp sẽ sống lại ». Nàng thở khò khè vài hôm, mồn hơi rồi chết.

Nửa tháng sau, Mộ-ông về đến nhà. Chàng vội vàng làm y theo lời dặn, ngâm xác nàng độ một giờ, thì nàng dần dần sống lại. Và từ đó nàng thường nhớ chỗ ở phương Nam ngày trước. Chàng chiều ý nàng, dời nhà xuống đất Sở.

BỒ-TÙNG-LINH

(Bản dịch của KIỀU-YIÊU)

Tính tự nhiên của mỗi người chính là mệnh lệnh của trời đặt trong lòng mỗi người. Noi theo cái tính tự nhiên ấy chính là giữ Đạo, nghĩa là đường ngay lối thẳng. Sửa cái Đạo ấy lại cho thật ngay, thật thẳng chính là Giáo, nghĩa là dạy dỗ người ta vậy.

Đã gọi là Đạo, không bao giờ được rời bỏ nó dù chỉ trong giây lát, nếu rời bỏ nó thì Đạo không còn là Đạo nữa. Cho nên người quân tử ở chỗ người ta không thấy được mình thì rất cẩn thận, ở chỗ người ta không nghe được mình thì rất lo sợ. Là vì càng kín thì càng tỏ; càng nhỏ thì càng rõ. Bởi vậy người quân tử rất thận trọng về các điều một mình mình biết, một mình mình hay, nghĩa là về tư tưởng và tình cảm thầm kín của mình.

Văn-Hóa Ngày Nay

do Nhất-Linh chủ trương

Đã nộp đơn xin ra dưới hình thức một tuần báo, nhưng sau mấy tháng chưa được phép, sợ các độc giả mong chờ nên chúng tôi dự định cho ra thành từng tập, kiểu « Loại Giai-Phẩm ». Trong loại này, chúng tôi sẽ đăng và lần lượt đăng :

Truyện dài của Nhất-Linh : XÓM CẦU MỐI, trường giang tiểu thuyết, trong đó gồm bảy, tám truyện dài : CÔ MÙI — NGƯỜI CHIẾN SĨ — NHÀ MẸ LÊ — NGƯỜI SÁT NHÂN — CẬU ẤM — ÔNG NĂM BỤNG v. v. . .

Ký-sự của Nhất-Linh : ĐỜI LÀM BÁO — ĐỜI TU TIÊN (loại vui) — ĐỜI KIỂM LAN — NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA HOÀNG ĐẠO.

Sách khảo-luận của Nhất-Linh : VIẾT VÀ ĐỌC TIỂU THUYẾT.

Sách dịch của Nhất-Linh : ĐỈNH GIÓ HÚ (Wuthering Heights của E. Brontë).

Tất cả các tác phẩm của Nhất-Linh kể trên đều chưa xuất bản lần nào.

VĂN-HÓA NGÀY NAY được thêm sự cộng tác của :

- **ĐỖ-ĐỨC-THU** trong Tự-Lực Văn-Đoàn (truyện ngắn)
- **NGUYỄN-THỊ-VINH** (truyện ngắn và truyện dài)
- **LINH-BẢO** (truyện dài)
- **DUY-LAM** (truyện ngắn)
- **TƯỜNG-HÙNG** (truyện ngắn)
- **BẢO-SƠN** (truyện dịch)
- **NGUYỄN-THÀNH-VINH** (nghiên cứu và khảo-luận)
- **BÌNH-NGUYỄN-LỘC** (tiểu thuyết)

Ngoài việc đăng các bài sáng tác còn đăng lại dần dần hai tập báo PHONG-HÓA, NGÀY NAY (bỏ những bài có tính chất thời sự và chỉ chọn những bài còn giá trị đối với thời nay) để các độc-giả cũ thưởng thức lại, để các bạn trẻ được biết về một giai đoạn văn hóa đã qua, để giữ lại làm tài liệu nghiên cứu (tài liệu này sau mười mấy năm ly loạn rất khó kiếm)

VĂN-HÓA NGÀY NAY rất mong đợi sự giúp sức của các bạn yêu văn hóa khắp nơi để cùng chung xây đắp một nền văn hóa tốt đẹp và nhiều màu sắc cho nước Việt-Nam yêu quý của chúng ta.

Vậy ngay từ bây giờ xin các bạn gửi cho các bài đủ loại về văn hóa : truyện dài và ngắn, truyện vui, truyện dịch, thơ, kịch, các bài khảo cứu, các giai thoại, tranh khôi hài v.v. . .

Bài vở xin gửi về tòa soạn « VĂN-HÓA NGÀY NAY » số 337/3 đường Phan-Thanh-Giản — Sài-gòn.

(Các bạn nào giữ được báo PHONG-HÓA, hoặc trọn tập, hoặc lẻ tẻ ít nhiều số, xin viết thư về cho biết, rất đa tạ).

Đường Thi Dịch Giải

XUÂN VỌNG

NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN

(Tác giả Đỗ-Phủ)

*Quốc phá san hà tại,
Thành xuân thảo mộc thâm.
Cảm thời hoa tiễn lệ,
Hận biệt điều kinh tâm.
Phong hỏa liên tam nguyệt,
Gia thư đề vạn cảm.
Bạch đầu tao cảnh đoản,
Hồn dục bất thắng trầm ...*



TRÔNG XUÂN

BẢN DỊCH QUỐC VĂN

(Dịch giả Á-Nam)

*Nước tan vỡ, non sông nguyên vững đó,
Trong thành xuân, cây cỏ vẫn xanh rì ...
Cảm thương đời, hoa nhỏ lệ đầm đìa,
Giận ly biệt, chim kia kinh hoảng dạ!
Suốt ba tháng lửa binh ròn rã,
Mảnh thư nhà coi đáng giá vạn vàng.
Xoa đầu cứt cả tóc sương,
Cơ hồ trơ trọi, hết đường cái trâm ...*



PHẦN GIẢI THÍCH.—

Nước nhà tuy gặp lúc tan nát chia sẻ, thực đáng thương tâm, song nhìn tới non sông lãnh thổ vẫn còn nguyên vững như xưa.

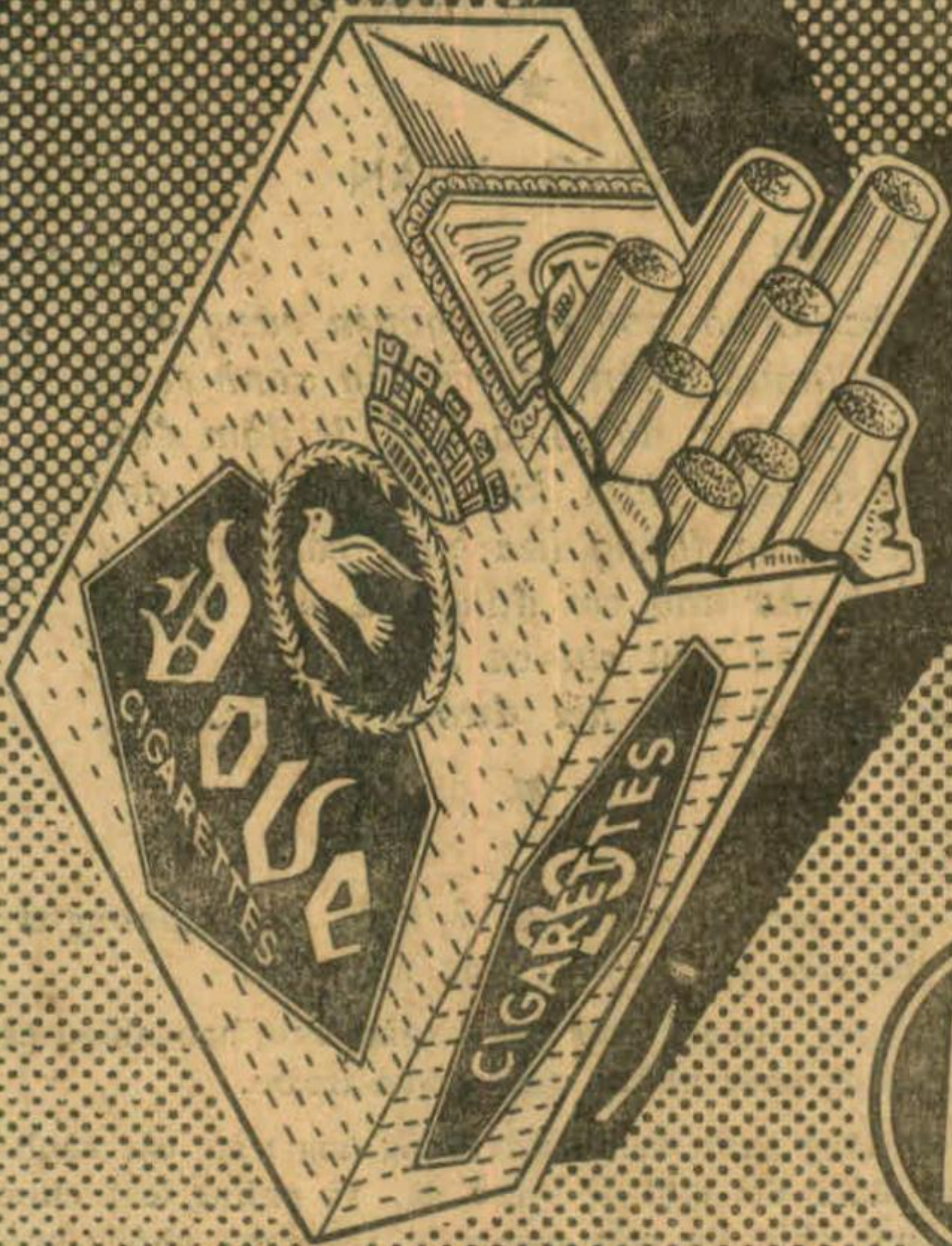
Hiện nay ta ở trong thành, gặp ngày xuân đến, bao nhiêu cây cỏ vẫn cứ xanh tốt um tùm, không khác những ngày xuân trước.

Duy có một điều đáng buồn là: những bông hoa trên các cành cây, vì cảm thương thời thế mà đầm đìa giọt lệ nhỏ sa, và những loài chim chóc vô tri cũng giận buồn vì nỗi chia lìa mỗi người mỗi ngã mà không khỏi kinh hoảng trong lòng!

Bấm đốt ngón tay, từ ngày nổi cuộc binh đao, tới nay kể đã ba tháng trời ròn rã, hết thầy mọi người đứng trong hoàn cảnh chia phối, mỗi khi tiếp được một phong thư của nhà gửi tới, thực không khác chi là bắt được một vật trị giá tới vạn lạng vàng.

Hơn nữa, về phần ta, hiện nay tuổi già đầu bạc, lắm lúc ưu phiền, lấy tay xoa làn tóc trắng, thì thấy tóc đã rụng ngắn dần dần, có lẽ không còn thể nào mà cài được cái trâm lên nữa ...

HOOSE



15%

Thuốc thơm hảo hạng

KHÓI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)



LƯỢC DẪN

Vì ở Bắc-Kinh xảy ra cuộc loạn Nghĩa-Hòa-đoàn, tức Quyền-phỉ, mà ông Diêu-Tư-An, một phú-thương, phải đem gia-quyển về quê nhà ở Hàng-Châu để lánh nạn.

Chẳng may, giữa đường, người con gái lớn của ông là Mộc-Lan bị thất lạc và lọt vào tay phường bán thịt, buôn người, trên Vạn-hà. Ông và người nhà đã ra công tìm kiếm cô, mà không ra tông tích.

Cũng là duyên trời dun-dôi nên ông Tăng-văn-Phác, một cố hữu của Diêu-gia tìm được thấy cô và chuộc cô về. Nào ông Tăng cũng đem gia-dinh về thăm quê nhà, ông đưa Mộc-Lan về Thái-an, sau khi báo tin mừng cho Diêu-gia rõ.

Sau một thời gian, Diêu-tiên-sinh đích thân sang đón con về, nhưng, trước khi về Kinh, Diêu-tiên-sinh bắt cô, con lady ông bà Tăng-Văn Phác làm ký-phu, ký-mẫu Hải gia đình Diêu, Tăng, trở nên thân mật hơn xưa, vì cụ Tô-mẫu tức thân mẫu ông Tăng, có ngổ ý muốn xin Mộc-Lan cho cậu Tân-A, người con trai út của họ Tăng.

Cuộc loạn-lạc đã yên. Hải cha con cô Mộc-Lan trở về Bắc-Kinh. Ít lâu sau thì cả gia quyến họ Diêu lại đoàn tụ ở chốn Kinh-sư, mà Tăng-tiên-sinh cũng đem vợ con lên đó, để trụ-chức.

Mối giao tình giữa hai nhà Diêu, Tăng, đã khăng khít, lại càng thêm khăng khít.

Nào ngờ đâu, Bản-A người con trưởng bên Tăng gia bỗng lâm trọng bệnh. Theo một tục lệ cổ hữu và nhân Bản-A đã đính hôn với Man Ny, nên Tăng gia mời thân mẫu nàng và nàng lại Kinh, làm lễ cưới « Xung Hi », để họa may, có cứu được bệnh nhân chăng. Vậy, trong các hồi dưới đây, hai mẫu, nữ Man Ny, lần đầu tiên, đặt chân lên đất Thần kinh và sau đó, Bản A và Man Ny thành hôn, mặc dầu cậu còn ngoài bệnh.

Man-Ni ngồi trở dậy, tâm thần còn đôi chút mơ hồ.

« Chết chưa! Cô đến đã lâu chưa kia ạ? Em có làm cô phải đợi lâu không thể? » Man-Ni hỏi như vậy.

Quế-Cô vẫn tùm tùm cười và đáp:

« Không lâu đâu mà.... » Nói xong,

Quế-Cô ngồi xuống bên cạnh nàng và nắm chắc lấy cánh tay nàng.

« Cô ơi! Cô đừng nắm tay em mạnh thế, cô làm em tỉnh mộng mất bây giờ.... »

« Em nói cái gì?... Em đã tỉnh hẳn hay chưa nào? » Quế-Cô hỏi thế.

Man-Ni nói: « Cô thử véo em một cái đi xem! » Quế-Cô liền dợ tay bẹo vào cánh tay nàng. Nàng kêu: « Á, đau! » và tự nhủ mình đã tỉnh thực rồi.

Quế-Cô cười rũ ra và bảo: « Thế nào thế, hả? Tôi nghe thấy trong khi em mơ, em lại cãi cộ với ai, mà em lại bảo em không ngủ mơ mà chính người ấy ngủ mơ..... thế là thế nào? »

« Thưa cô, thì ra em mơ thấy rằng em nằm mơ, thế có kỳ không!.... em vừa mơ thấy một giấc mơ rất lạ, cô ạ..... Khi em tỉnh cái giấc mơ thứ hai thì em lại vẫn mơ luôn cái giấc mơ thứ nhất, cái giấc mơ thứ nhất cứ hết như thật; nào đồng lửa cháy, nào tuyết rơi, cứ rõ mồn một..... Trời ơi! em thấy váng vật cả đầu, óc!... »

Man-Ni nói xong, chợt nhìn về phía góc phòng, nhận thấy pho tượng đức Quan-Âm, từ nét mặt, tới hình dạng, tới y phục, nhất nhất giống hệt như người đàn bà ở trong mộng. Thì ra, trước khi nhập mộng, nàng đã nhìn kỹ pho tượng cũng là cái tòa từ đường, cho nên nàng mơ ra như vậy.

Quế-Cô, đi một mình qua đây, chủ ý muốn cùng Man-Ni nói chuyện ở trong lúc tranh sáng, tranh tối, để cho lời nói được dễ dàng. Để mở đầu câu chuyện, Quế-Cô liền nói:

« Thế nào? Em chưa chải đầu, gỡ tóc kia à? À mà, em ạ! em

nên điễm trang đi một tí, để rồi đi thăm..... »

« Thăm ai, kia cô? » Tuy nàng đã biết thừa đi, là thăm ai rồi, nhưng nàng tảng lờ như không biết mà hỏi vậy.

« Đi thăm ai đáng thăm, thì thăm, chứ còn thăm ai nữa.... » Quế-Cô cũng khéo tảng lờ nữa mà đáp một cách trớ trêu như thế. Nhưng, sau cô lại nói: « Thôi, nói gần, nói xa, chẳng qua nói thiệt..... Này nhá, tôi hỏi em, em đường xa, dặm thẳng, bốn ba lai Kinh, để làm gì nào?.... Có phải để thăm Bàn-Kha không nào? Đích như thế, chứ còn thăm ai nữa, kia chứ! »

Nói thiệt tình, trừ Quế-Cô ra, còn ai là người có thể, nhĩ đối nhân, dả động tới vị hôn phu của Man-Ni mà không làm cho Man-Ni ngượng, thẹn quá mà, nín thinh. Lòng vả cũng như lòng sung, cô gái nào, ở cái tuổi thanh xuân ấy chẳng vậy. Cũng vì thế mà sau khi Quế-Cô nói dứt lời, Man-Ni liền nhiu đôi lông mày lại, tỏ vẻ cuống quýt.

Man-Ni nói: « Có thể thế được như cô, cô không nói đùa em, đấy chứ? »

« Đùa là thế nào! Cô nói thật đấy. Thế em xem, cô có vẻ gì là vẻ muốn trêu ghẹo em đâu..... Cô cũng hiền, xưa nay, theo tục lệ, một đôi vị hôn phu phụ, không được giáp mặt nhau, vì sự hiềm nghi... Cô biết thế lắm, nhưng, ở đời bao

giờ cũng vậy, có kinh, lại có quyền, việc có khi thường, lại cũng có khi biến, mà cái trường hợp của em với Bàn-a, nó không ở chỗ thường, nên Tăng-gia mới phải đánh điện mời bá mẫu và em lai Kinh, em đã nghe ra chưa?»

«Thưa cô, thế ngộ em không hội diện với Bàn-Kha thì có sao không?»

Quế-Cô bắt được cái thóp, chẳng qua Man-Ni, chỉ vì sợ xấu hổ, sợ ngượng mà kiếm cớ để trốn chạy, nên đáp: «Ừ, thế cô hỏi em, cái khi mà ba em quá cố đi, có một người đã đứng ra chịu tang với cái danh nghĩa là một «chàng rể»; rồi, ở ngay trên cái linh vị, người nhà chẳng đã đề một cách minh bạch, năm chữ Tăng-Bàn-a, nữ tể, là gì?... Ấy thế mà, hiện nay, cái người ấy đương lâm bệnh.... Ừ, cô hỏi em? em có thể không hỏi han, thăm hỏi người đó mà đành lòng được như?»

«Không, thưa cô, có phải em không hiểu các lễ đó đâu.... Nếu lòng em có thể mở ra được, em xin mở ngay cho cô xem..... em có phải là người không biết ăn tỉnh, đạo nghĩa là gì đâu... nhưng.... nhưng em chỉ sợ.... giáp mặt nhau như thế.... người ta cười!....» Man-Ni nói xong, lại tiếp: «Thưa cô, việc đính hôn là do cha mẹ định liệu.... bây giờ, bảo em vào buồng của anh ấy.... anh ấy thì nằm ở trong màn, ở giữa những chăn, những đệm, cùng gối mà bảo em

vào đấy, thì sao cho tiện; lại còn lễ mạo nữa chứ, lại còn người nhà, bao nhiêu là người họ đề mắt, nhìn em, em xấu hổ đến chết mất, em chịu thôi!... em chịu thôi!...»

Quế-Cô vội đáp: «Rõ em tội lỗi lắm quá đi, thì thôi!... Lúc nào em đi thăm Bàn-Kha, cô sẽ đuổi hết người nhà đi chứ, cô sẽ không để cho một người đầy tớ trai, đầy tớ gái hay bất cứ một người lạ nào lai vãng tới gần đó.... em cứ yên tâm.... cô cam đoan với em, cô sẽ thu xếp thật cẩn thận, thật chu đáo, em đừng lo..... ở đây, sẽ, chỉ có thân mẫu của anh ấy, thân mẫu của em và cô thôi..... đó, em xem, như vậy, lấy ai làm người đề mắt nhìn mà cười, cơ chứ!.... thôi, thế bây giờ, để cô gỡ tóc và bím tóc cho em, nào!»

Man-Ni từ chối, và nói để tự trang điểm lấy, nhưng Quế-Cô nhất định không nghe, Quế-Cô liền dắt Man-Ni tới trước cái bàn gương và ép nàng ngồi xuống hần hỏi, rồi mở cái nắp hộp gương lược phần sáp ra. Sau khi dựng tấm gương lên, Quế-Cô đứng về mé sau lưng Man-Ni; như vậy, Quế-Cô có thể nói năng dễ dàng và nhìn được rõ sự hiểu lộ tâm tình trên nét mặt của Man-Ni. Quế-Cô bắt đầu bõ xõa mái tóc của Man-Ni ra, cái mái tóc mây dài mơn mướt và đen lay láy nó phủ kín lấy vai nàng và ôm lấy cái khuôn mặt trái xoan xinh xinh, với làn

da mịn màng và trắng muốt, với đôi môi anh đào, đỏ, thắm.... Khi Quế-Cô trông thấy rõ hai khoé mắt hoe hoe đỏ của Man-Ni thì Quế-Cô liền bảo :

« Man-Ni đừng có giấu cô, Man-Ni đã khóc nhiều lắm, phải không? »

Man-Ni nhu đôi lông mày, và xoay lại, đáp : « Đây, cô lại chỉ muốn chế em, cô trả cái lược lại cho em, em « chả » dám nhờ cô hộ em nữa đâu... Cô đưa lược cho em đi!... »

Quế-Cô cầm lấy hai vai của Man-Ni, xoay người nàng lại đối diện với tấm gương và ôn tồn bảo : « Này, này, Man-Ni đừng có dở hơi, có mau lên, không thì muộn mất! Khâm-a với Tân-a, đã học về và chỉ đợi để sang chào chị; họ kéo nhau sang bây giờ! »

Man-Ni mới chịu ngồi yên.

Quế-Cô bện xong mái tóc cho Man-Ni liền nhìn vào tấm gương, và vừa cười, vừa nói : « Em thử ngó lại xem! với cái gương mặt như vậy, chẳng trách được cái anh chàng Bân-a... Cô nói thiệt, với cái bộ mặt trái xoan kia, giả ví thử cô là một con người trai, cô cũng đến phải ồm quay ra mặt thôi; nhưng, cho dầu có ồm lặn, ồm lóc, cũng không sao vì đã có một trang phấn đại như vậy để phục thị bên giường bệnh, thì làm gì rồi chẳng mau lành mạnh, kia chứ! »

Quế-Cô nhận thấy rõ ở trong kính, Man-Ni nhìn mình.

« Ở kia! Cô cho em là thế nào? Em có phải là một vị thuốc đau mà có thể chữa khỏi được bệnh kia chứ! »

« Ừ ừ!.... Em không biết đấy thôi, chứ em chính là một vị thuốc linh diệu phi thường! Em là một vị hoạt tiên mà em không tự biết đấy thôi! » Quế-Cô nói xong, lấy hai ngón tay se sẽ vuốt mái tóc của Man-Ni và nói tiếp : « Cô thú thật với em, cô không hề nói điều này, không cho ai biết cả.... Em không biết, chứ bao nhiêu lần Bân-a nói tới em.... mà, vừa vài hôm trước đây, cô thì đương ở trong phòng có mỗi một mình, lúc đó cậu ta đương sốt, người cứ nóng như than hồng, bỗng trong cơn mê sảng, cậu ta gọi tên em lên và nói rõ ràng rằng : « Muội muội ơi! Sao em xa anh quá thế hả muội muội? »

Man-Ni đỏ hồng cả từ mặt cho tới cổ, và đôi môi nhỏ nhắn của nàng bỗng run run lên. Quả, trong thâm tâm của nàng, lúc đó, nàng chỉ muốn ù té chạy một mạch đi thăm Bân-a của nàng ngay tức khắc.

(còn nữa)

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

BÁCH KHOA XXXIII

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA THIẾT ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ
**CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA,
XÃ HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp tác cùng các bạn :

LÊ-ĐINH-CHÂN.

TẶNG-VĂN-CHỈ

ĐỖ-TRỌNG-CHU

LÊ-THÀNH-CƯỜNG

TRẦN-LƯU-DY

LÊ-PHÁT-ĐẠT

NGUYỄN-VĂN-ĐẠT

NGUYỄN-LÊ-GIANG

PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO

NGUYỄN-HỮU-HẠNH

LÊ-VĂN-HOÀNG

NGUYỄN-VĂN-KHAI

PHẠM-DUY-LÂN

NGUYỄN-QUANG-LÊ

TRẦN-ÔNG

BÙI-BÁ-LƯ

DƯƠNG-CHÍ-SANH

NGUYỄN-HUY-THANH

BÙI-KIẾN-THÀNH

HOÀNG-KHẮC-THÀNH

PHẠM-NGỌC-THẢO

BÙI-VĂN-THỊNH

NGUYỄN-TẤN-THỊNH

VŨ-NGỌC-TIẾN

VŨ-THU-TỊNH

NGUYỄN-TẤN-TRUNG

PHẠM-KIM-TƯƠNG

HOÀNG-MINH-TUYNH

BÙI-CÔNG-VĂN

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur

— SAIGON —

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perçuses
		BERNADOU	
MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois			



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Liqueurs
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILLY		FOUR ROSES	Bourbon
PRAT	Vermouth		



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «des deux béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

THIRIEZ ET CARTIER BRESSON Fil à Coudre à Broder et à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)

« MÉLIA »

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doumer de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

AIR LAOS

EVIENTIANE — BANGKOK

Départ tous les Mardis, Jeudis, Samedis
Retour tous les Mardis, Jeudis, Samedis

VIENTIANE - HONGKONG

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — PHNOM-PENH

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — SIEM-REAP

Circuit touristique «Week end à ANGKOR»
Départ tous les Samedis
Retour tous les Lundis

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur STRATOLINER Jeudi et Samedi
Fauteuils inclinables Hôtesse et Steward à bord

par Douglas DC 3 Mardi et Dimanche

VIENTIANE—XIENG-KHOUANG VILLE Quotidien

PHONG SAVANH	Quotidien
PHONG THAM	Quotidien

— LUANG PRABANG Tous les lundis, Mercredis,
Jeudis, Vendredis

— LUANG NAMTHA MUONG SING

— MUONG SAI Tous les lundis, Mercredis, Vendredis

— THAKHET
— SAMNEUA



Wapp

1958

11958

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỂ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « HERMÈS »



ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN SẴN VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

EXPORTATION

Caoutchouc, Crêpe semelle
Latex et Produits divers

ALCAN SAIGON S. A.

Société au Capital de VN\$. 5.000.000

Siège Social :

7, *Bến Chương Dương* — *Saigon*

Boite postale 46

Téléphone : 21.338 — 21.339

AGENTS DES COMPAGNIES DE NAVIGATION REPRÉSENTANTS DE :

S.A.F.I.C. ALCAN & Cie. PARIS 16^e

HECHT LEVIS & ALCAN LTD, LONDRES

ANGLO FRENCH ET WATERHOUSE LTD, SINGAPORE

S.O.B.E.P.I.C. ANVERS

HECHT LEVIS ET KAHN DIVISION OF RUBBER

CORPORATION OF AMERICA NEW-YORK

ANGLO-FRENCH TRADING COMPANY LTD. JAPAN

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, *đường Tự-Do* — SAIGON

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

HÀNG LA-VE B.G.I

*Phung-Su nên
Kính tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 4.400.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON
29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới



Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoái Quốc - Gia Việt - Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng



Parker 61

Bút máy Mercurius của Parker có một ưu điểm đáng kể là bộ phận của nó rất nhẹ.

Một cách rất đơn giản, cách sử dụng đơn giản của bút máy Parker 61 có thể biến nó thành một tặng phẩm lý tưởng. Chỉ cần mua một chiếc bút máy Parker 61, tự động kèm theo một tờ giấy, một chiếc bút máy tuyệt vời, hơn nữa nó tự động rửa sạch khi bạn viết xong.

Như vậy, một chiếc bút máy Parker 61 là một món quà rất đặc biệt dành cho người đã nhận được nó đẹp của phần chất đó.



Quý khách sẽ nhận được một món quà rất đặc biệt khi mua một chiếc bút máy Parker 61.

THE PARKER PEN COMPANY, JANESVILLE, WIS., U.S.A.

Tổng đại lý: L'U.C.I.A. 135, ĐẠI LỘ NGUYỄN-HUỆ - SAIGON

CP. 18



AIP. 56

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

GIÁ : 10\$00